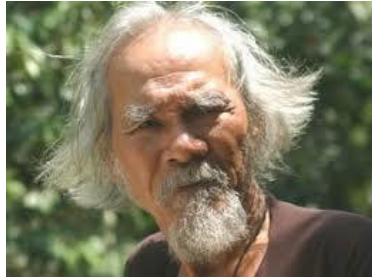


## Tác Giả và Tác Phẩm

### Phạm Văn Nhân

Tiểu sử & Tác phẩm  
(Xem Vài hàng về tác giả)



### Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2  
Phạm Văn Nhân những hiên lộ từ miền ký ức - Nguyễn Lệ Uyên - 3  
Mùa xuân trên cao nguyên – 6  
Vùng đồi – 12  
Độc *Vùng đồi* của Phạm Văn Nhân – Trần Hoài Thư - 17  
Nhớ mùa xuân qua – 20  
Trong khoảng trời chiều - 25  
Qua “Màu thời gian” – Mang Viên Long - 28  
Đất khổ, người khổ - 30  
Trong vùng giao tranh - 35

#### Phụ đính I:

Thư Quán Bản Thảo 10 năm – 42  
Viết về những người bạn - 45  
Thư Quán Bản Thảo bước qua năm thứ 11 - 50  
Về Nguyễn Bắc Sơn - 53  
Một tấm hình làm ta nhớ - 56

#### Phụ đính II:

Buổi chiều trong thành phố – Dốc Mơ  
Một chút gì để nhớ - Vẫn mãi mãi biệt tăm  
Nơi chốn cũ - Người phụ thợ hồ  
Khoảng đời còn lại

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Vài hàng về tác giả



Quê gốc Đại Năm, Phan Thiết. Sinh năm 1942 tại Phan Thiết.

Tốt nghiệp khoá 19 SQTB Thủ Đức. Sĩ quan tác chiến quân lực VNCH, đi tù.

Hiện cư trú đầu đó ở Hoa Kỳ không có chiến tranh.

Trước 75 viết trên Khởi Hành và các tập san văn nghệ khác.



Trong nhóm chủ trương Tạp chí Thư Quán Bản Thảo ở Hoa Kỳ.

Tác phẩm đã xuất bản:

- Vùng Đồi

- Màu Thời Gian



## Phạm Văn Nhân những hiện lộ từ miền ký ức Nguyễn Lệ Uyên

“Có thể cha con đánh nhau  
trên cùng một mặt trận mà không hay biết.  
Chiến tranh kỳ quặc, rõ ràng nỗi da xáo thịt...”  
(Phạm Văn Nhân)

Phạm Văn Nhân viết ít. Đến nay ông có 2 tập truyện là “Vùng Đồi” và “Màu Thời Gian”, đều viết khi định cư tại Hoa Kỳ và do Thư Ấn Quán xuất bản. Trước 75 ông cũng có một số truyện ngắn đăng rải rác trên các báo văn nghệ miền Nam, nhưng có lẽ do chiến tranh, hành quân và huấn luyện nên không giữ được bản thảo và cả những bài lai cáo để có thể coi đó là dấu mốc cho sự nghiệp văn chương cho cá nhân.

Có lần ông tâm sự: “Tôi đến với văn chương, trước hết là vì bạn bè”. Như vậy, phải chăng niềm đam mê của ông với chữ nghĩa được nhìn thấy từ bóng dáng các bạn văn nghệ một thời, nơi những vùng đất đóng quân, kéo dài từ Bình Định đến Bình Thuận. Đó là những Trần Hoài Thư, Lê Văn Trung, Võ Tấn Khanh, Nguyễn Minh, Nguyễn Bắc Sơn, Tô Đình Sự... nhất là với người anh Từ Thế Mộng. Nói khác, ông đã bị cuốn hút vào sinh hoạt văn nghệ từ trong nước hay sau này ở nước ngoài, ít nhiều đều xuất phát từ những người bạn. Ở đó, họ sống hết mình, làm việc hết mình và đối đãi với nhau bằng cả tấm lòng chân thật.

Chưa có thể khẳng định, rằng truyện của ông đã thành công hay chưa thành công trong thời kỳ văn học Việt Nam ở hải ngoại đang nở rộ muôn màu, muôn sắc và hẳn ông cũng không mong muốn mình là nhà văn “được chú ý”. Ông viết chỉ để trải lòng, để giải tỏa những ẩn ức, những u uẩn mà chính ông và thế hệ ông đã đưa lưng ra gánh đỡ một giai đoạn lịch sử quá đỗi bi thương, nhục nhằn. Nói theo chữ của Albert Camus, thì thế hệ ông “đã bị đẩy lên tàu – engagé le bateau”.

Đọc những truyện của ông, không phải để tìm kiếm điều gì mới lạ trong cách viết, nội dung hay những tư tưởng cao xa. Đề tài ông mang đến cho người đọc rất bình thường và gần gũi, xoay quanh những người thân yêu, những chiến binh một thời cùng ông lặn lội trên chiến trường hay một vùng nông thôn, một thị trấn nhỏ và nghèo, ở đâu đó. Bóng dáng các nhân vật trong truyện ít nhiều để lại trong ông những kỷ niệm buồn vui lẫn lộn. Nó là những khuất lấp, nhưng lại hiện lộ ở một miền ký ức, từ những hồi tưởng. Nói khác, đó là sự chen lẫn giữa quá khứ và hiện tại. Nó xoắn tít như người ta đánh những sợi dây thừng. Các nhân vật ấy, từ ông bước ra rồi lại quay trở về với chính ông, như một mắt mát được tìm thấy đầy khó khăn và nỗi cô đơn giữa chốn xa cũng khó khăn không kém!

Với cách kết cấu như thế, có vẻ như ông dễ dàng để cho cảm xúc tự bay nhảy, chảy tràn qua ngòi bút, không cần trau chuốt, không nắn nót, gò bó. Ông cứ buông thả cho ngòi bút tự do nói lên điều ông muốn nói, như một lời thì thầm, tâm sự mang tính chất độc thoại. Và hơn thế, là sự tìm kiếm tuyệt vọng nơi chính ông. Đó là những lão, những hấn, trôi lướt thướt qua ký ức mù mờ, chừng như cũng đã mất dần tên tuổi.

Trong truyện ngắn “Nơi Góc Phố Cũ”, một sĩ quan ngày nào, giờ là lão, trở về nơi “lão” đã từng có thời gian dài gắn bó, chia sẻ niềm hạnh phúc cùng những táo tặc trốn chạy với một vài người, với nhiều người. “Lão” trở về giữa trưa nắng và bới móc và hồi tưởng như một đoạn phim bị dập nát giữa trưa nắng đỏ lửa: *“Buổi trưa đứng bóng. Con đường như muốn bốc hơi. Như hai mươi tám năm trước khu vực lòng chảo vẫn nóng như đổ lửa dạo nào mà lão đã nhìn thấy những tân binh trong tiểu đoàn của lão ướt đầm mồ hôi... Con đường mà lão đi lại nhiều lần, sáu năm chứ chẳng phải ít ỏi chi đâu. Đủ để cho lão nhớ”*.

Cái nhớ đầu tiên là nỗi nhớ đến nhức nhối ruột gan. Đó là những con người đang mang số phận như “lão”, là bóng dáng “lão”, đang sắp bị ném vào lò lửa chiến tranh tàn cực kỳ phi lý và dã man: *“Nhìn một đoàn quân lính chưa ra lính, dân cũng không phải dân, rồi nhìn những tiểu đoàn bạn đi sau. Lão thấy tội nghiệp cho lão mười năm trong quân ngũ. Được cái gì và hôm ấy mất cái gì”* (truyện đd).

Và số phận ấy, sau ngày tang thương, bóng dáng họ lại thấp thoáng hình hài Bá Di, Thúc Tề chỉ ăn rau vi, không chịu ăn thóc nhà Chu. Họ hoài nghi về tính chính danh trong học kẹt của kẻ “chiến thắng”, của sự dối trá, lừa mị. Họ khó hòa nhập vào xã hội mà ở đó họ bị quy kết, bị báng bổ và lãng nhục? Hành động và tâm trạng kia, chưa thể đặt cho cái tên mỹ miều là khí tiết, nhưng dấu sao đó cũng là cách chọn lựa ít khó khăn nhất trong hoàn cảnh oan khốc của lịch sử!

Người xưa lui về ẩn ở núi Thú Dương, sáng tối nghêu ngao: *“Lên núi Tây kia chú, rau vi ta hái. Bạo ngược thay bạo ngược chừ, chẳng biết là trái... Than ôi, chết thôi, vận mệnh chừ suy rồi”* (Bá Di liệt truyện, Sử ký, Tư Mã Thiên). Ngày nay thì chiến hữu của “lão” – nhân vật của Phạm Văn Nhân – lại hành xử không khác mấy: *“Ông thường hay lừa đàn bò vào trong những khu rừng dưới chân núi Bạch Mã cho bò ăn cỏ. Ông chán không muốn trở về nhà khi còn ánh sáng”* (truyện đd).

Hai người lính năm xưa gặp lại nhau trong ngần ấy năm, nhưng không phải trong tư thế của một là sĩ quan chỉ huy và một là Trung sĩ dưới quyền, trong Tiểu đoàn năm xưa, mà là những “bại binh” bất đắc dĩ vẫn còn giữ trong tận đáy lòng những tình cảm sâu nặng, gần như ruột thịt: *“Đàn bò dừng lại bên cầu, và Chấn chạy lại ôm lấy lão: Thầy đã về lại sao. Tự nhiên những giọt nước mắt của hai người lính già ứa ra trong cái lạnh hây hây của sương rừng”* (truyện đd). Những giọt nước mắt đã khép lại câu truyện, nhưng lại là truyện buồn, rất buồn.

Hình như, trong con người Phạm Văn Nhân, nỗi buồn luôn chất chứa những bi phẫn. Bởi vì thế hệ ông đã “sinh ra làm thế kỷ”, phải chứng kiến những cảnh đau lòng dần xéo tâm hồn ông. Những con người bên này hay bên kia, không ai khác, chính là anh em ruột thịt, xóm giềng ngày ngày trông thấy mặt nhau, từng bên cạnh nhau, nay bỗng dưng chia lìa, thù hận: *“...trong bóng đêm lại có những bước chân của những con người bí mật, âm thầm trở về, rồi cũng âm thầm ra đi... Cha theo về phía bên kia. Con cháu về phía bên này. Cứ đánh nhau hoài. Có thể cha con đánh nhau trên cùng một mặt trận mà không hay biết. Chiến tranh kỳ quặc, rõ ràng nòi da xáo thịt trong ngôi nhà của bác tôi”* (Một Chút Ngậm Ngùi).

Hầu hết những truyện ông viết đều mang nỗi hoài nhớ, pha lẫn chút “ngậm ngùi” như trong truyện ông đặt ở trên. Các nhân vật đang vật lộn với đời sống khó khăn hôm nay, nhưng trong tận cùng đáy sâu tiềm thức của họ là những lớp sáng tối của quá khứ. Cái quá khứ ấy không hẳn là trợn vện, là hạnh phúc; nhưng trải qua những ngày từ thơ ấu cho tới lúc trưởng thành, bước chân vào đời, luôn là những bài thơ đẹp lộng lẫy như khói trời; bởi nó thấm đẫm tình người. Một cậu bé gánh nước thuê ngày nào, một ngôi biệt thự cổ kính, người thầy nhân ái, một thiếu nữ luôn thoi thóp về tình yêu... tất cả hiện trong tâm trí “hắn” như những hình nhân trong chiếc đèn kéo quân. Nó được tái hiện qua những hồi ức lóa sáng, hệt hăng để khi “hắn” trở về, thì nhận ra tất cả đều đã “già cõi”, thay đổi quá nhiều. Và rồi “hắn” tự nhìn lại mình qua ngoại giới làm trung gian: *“...hắn cố nhìn lại gương mặt của hắn in dưới dòng nước trong xanh. Già lắm phải không, nước ơi, sông ơi, ta nhờ mi soi bóng ta bên cầu mà đã bao năm tháng ta như cỏ rác, như lau lách bên bờ kinh, như cỏ gấu, cỏ mực trên đồi hoang. Đã bao năm ta sợ mảnh gương soi rọi ta trong đó. Bây giờ nhờ dòng sông soi rọi lại ta, để cho ta biết: ta của ngày nào”* (Hương Xưa).

Dòng sông, cây cầu, nơi “hắn” nhìn “hắn” không ngọt ngào, ảo diệu như khúc ly tao. Ngoại giới giống hệt quả pháo xô “hắn”, bắn vỡ hắn thành trăm mảnh ngậm ngùi: *“...gọi lại gương mặt của*

*mấy thằng bạn thân lưu lạc nơi chân trời góc biển. Chiến trường nuốt chửng từng thằng một. Mỗi đứa mỗi nơi. Sống hay chết rồi cũng chẳng ai hay biết. Có chăng chỉ còn một chút kỷ niệm”.*

Ba truyện ngắn ông viết về chiến tranh là: “Tháng Năm Hoa Mận Nở, Đát Khổ Người Khổ, Vẫn Những Mùa Xuân” là những phác họa có tính chấm phá về cuộc chiến tranh phi lý mà chính ông đã tham dự, đã tận mắt chứng kiến. Đó là cảnh khốn khổ của người thiếu phụ đi tìm chồng nằm trong quân y viện, là cái làng quê bé nhỏ, nghèo nàn mang tên Gò Bồi bị dần xéo giữa Ngày và Đêm, là tiếng đạn bom gầm rú, là nỗi sợ hãi, nhếch nhác của đám dân quê không còn đất sống; hay một cái chết tức tưởi của người thân yêu trong những ngày cuối cùng của miền Nam... Đọc những truyện này, dẫu cứng lòng đến đâu, khi khép sách lại vẫn thấy vương vất một chút buồn thoi thóp, tựa khúc củi mục chìm dưới đáy ao, có muốn trôi lên cũng không thể. Các truyện trên chất chứa miên man ngậm ngùi, không tàn khốc như các truyện của Phan Nhật Nam, Cao Xuân Huy, Thế Uyên... nhưng thừa sức để làm người đọc có chút chạnh lòng.

Trên tuần báo Khởi Hành số tháng 1.1970, đăng truyện ngắn của ông, có tựa: “Trong Khoảng Trời Chiều” lấy bối cảnh ở một làng quê Bình Định, nơi ông đóng quân. Về cốt truyện, có rất nhiều nhà văn khai thác trước hoặc sau ông. Tuy nhiên ở truyện này, ông xâu chuỗi giữa hiện tại và hồi ức về quá khứ: Đó là những khổ lụy của người dân vô tội bị mắc kẹt giữa hai lần ranh, trong cuộc chiến Nam-Bắc và cuộc chiến của cả dân tộc thời kháng chiến chống Pháp. Cốt truyện không mới, không lạ, nhưng hơn hẳn là ông đẩy cao hơn tính nhân bản vào truyện, so sánh từ các nhân vật ở những thời kỳ khác nhau. Nhân vật chính là một sĩ quan chỉ huy của đơn vị bộ binh phải đối mặt với 20 người dân nơm nớp lo sợ trong một căn nhà hoang vào đêm tối trời, dưới ánh đèn leo lét, mù mờ. Tất cả bọn họ đều bị bắt về trong ngôi làng bỏ hoang, bị nghi là du kích! Số phận của những người dân không do họ quyết định, mà từ những con người như Thư, như Trung sĩ Ba, như Phú hay những con người ở phía bên kia. Họ có thể làm những việc tồi tệ, hạ cấp nhất như thời kháng chiến chống Pháp, đã xảy ra với những tên lính Commando: *“Thư không thể nào chấp nhận, cái lối chấp nhận của những tên Tây đen rạch mặt của hai mươi mấy năm về trước... Má của anh đó. Di của anh đó. Em của anh đó. Những gương mặt như nhóp của những tên Tây đen rạch mặt năm nào như sống lại... Hơn mười một thằng Tây thay phiên nhau thỏa mãn thú tính xong thì cả mẹ, cả di và cả em của anh nữa cũng chỉ là những cái xác không hồn”* (truyện đd).

Vết thương giấu kín tận đáy lòng trong từng ấy năm dài lại bùng lên dữ dội, khi thuộc cấp của Thư thốt lên: *“Thiếu úy cho tôi mang nó ra ngoài là nó khai ngay thôi”*. Anh hiểu Phú muốn gì. Và chính điều Phú muốn đã làm tẩy sừng vết thương năm nào đến nỗi: *“Anh thấy ghê tởm câu nói của Phú: mang nó ra ngoài là nó khai ngay thôi. Anh hiểu câu nói ấy... Một sự im lặng nặng nề trong ngôi nhà gạch bỏ hoang này. Anh không ngờ Phú lại có ý nghĩ táng tận lương tâm đến như thế...”*. Tôi tự đặt cho riêng mình câu hỏi, rằng liệu Thư không bị ám ảnh bởi chuyện cũ, hay chuyện ấy không xảy ra cách đó mấy chục năm thì liệu nhân vật chính có hành xử theo chuẩn mực đạo đức làm người không? Tôi chắc chắn là có. Bởi một truyện ngắn của bạn ông, có thời gian đóng quân chung một chiến trường khốc liệt, khi mô tả cánh quân kích đêm phát hiện có địch quân bên bờ suối từ tiếng hát “thiên thần tuổi ấu thơ, vô tư, trong trẻo tuổi thanh xuân” của người lính phương Bắc. Và, thay vì nổ súng, tiêu diệt, máu chảy, chết chóc, ai oán... người chỉ huy để cho cả toán kích đêm nằm im, nghe người anh em hát: *“Tiếng hát như nói lên những điều cảm nín từ những con tim của tuổi trẻ Việt Nam.... Tiếng hát như dậy khỏi mồ, bạt cả gió, khiến rừng như thể im phăng phắc lá như thể thôi lay động trên cành. Và ít ra, tôi vẫn còn hiểu rằng, mỗi người đều có trái tim. Và trái tim thì lúc nào cũng sống vĩnh cửu”* (Trần Hoài Thư, Viễn Thám).

Điều này không dễ gì xảy ra cùng một thời điểm, ở phía bên kia, bởi trong đầu họ đã sơn phủ một lớp sơn vĩnh cửu “hãy nhắm thẳng đầu thù mà bắn”. Vâng, khác phe phía đều bị quy kết là

kẻ thù với những hành vi hãm hiếp, cướp của, đốt nhà, giết người không gớm tay... vẫn nhan nhản trong các truyện, tiểu thuyết của họ!

Khi viết những dòng này, thật lòng, tôi không cố ý dùng phép so sánh lố bịch; song, những gì đã xảy ra hai mươi năm trước đó và gần bốn mươi năm hôm nay, thì tri giác nơi những con người chân chính vẫn luôn cảm thấy đau nhói, như có hàng trăm ngàn mũi kim nhọn găm xoáy vào thịt da, giống y như dòng chữ cuối cùng trong truyện "Trong Khoảng Trời Chiều": "*Người con gái đưa mắt nhìn theo chàng rồi tiếp tục cúi xuống vẽ những vòng tròn trên nền nhà gạch sục đố*".

Cảm ơn nhà văn Phạm Văn Nhân đã dựng lên hình ảnh sống động của hôm qua và hôm nay, của quá khứ và hiện tại: *những vòng tròn trên nền nhà gạch sục đố*.

## Mùa xuân trên cao nguyên

Chiếc xe GMC dừng lại trước ngôi nhà vòm. Mái uốn cong hình bán nguyệt. Ngôi nhà đã bỏ hoang từ khi quân đội Mỹ rút ra khỏi cao nguyên, cùng với nhiều doanh trại khác trong căn cứ quân sự rộng lớn này. Không thấy có đơn vị nào khác, ngoài Bộ Chỉ Huy của một trung đoàn bộ binh, đóng trên một ngọn đồi thấp.

Người sĩ quan đại diện phòng ba Sư đoàn, xuống xe, chỉ cho tôi ngôi nhà, và nói: Toán anh đóng quân nơi đây. Anh em trong toán lục đục mang hành lý xuống, sau khi nghe người sĩ quan phòng ba nói. Mười bốn người, nay chỉ còn lại mười ba. Con số chẳng tốt đẹp gì đối với những người hay tin vào vận may rủi. Sau khi một anh trung sĩ trong toán chết vì đạn pháo của địch quân ở trên Non Nước. Mười ba người: Tám sĩ quan và năm hạ sĩ quan. Tám khẩu súng colt và năm khẩu súng M16, cùng với những thứ linh kinh của một toán huấn luyện lưu động.

Ngôi nhà có lẽ đã được sư đoàn cho dọn dẹp trước đó, cho nên nhìn vào chỗ nào cũng thấy thơm mát, sạch sẽ. Anh em mỗi người chia nhau về mỗi phòng. Đám hạ sĩ quan dành phòng cuối, nằm chung với nhau. Còn những anh em sĩ quan khác, đa số đục thân chiếm lĩnh những căn phòng phía trước cửa ra vào. Sau khi trút bỏ cái ba lô xuống nền nhà, tôi đi rảo một vòng bên ngoài. Trước và sau hai cửa ra vào đều có những công sự phòng thủ. Những thùng phuy chứa đất bên trong và bao cát bỏ hoang lâu ngày để cho những hạt cỏ từ đâu bay tới mọc cô đơn trên những bao cát bạc màu thời gian. Hai bên hông của ngôi nhà cỏ mọc lên khá cao, gần tới đầu gối. Người sĩ quan phòng ba vẫn đi bên cạnh tôi, hình như ông ta chờ đợi một cái gì nơi tôi, muốn hỏi. Chẳng hạn như phòng thủ đêm nay. Vì chắc hơn ai hết, ông biết tôi không đủ quân số để phòng thủ, nếu có sự cố xảy ra. Mới mấy hôm trước thôi, toán còn đủ mười bốn người, trên Non Nước. Nay chỉ còn lại mười ba con người. Phải tự mình lo cho mình. Có lẽ ông ta đoán được ý tôi. Ông nói: Tôi cũng đã lo cho toán của anh rồi. Đơn vị bạn đóng trên đồi đã biết có anh tới. Vòng ngoài có họ. Anh chỉ lo canh gác ban đêm, cho chính anh thôi. Tôi nghĩ, đánh đấm gì được với bao nhiêu con người này. Khi còn trên Non Nước, đang huấn luyện cho một đại đội, dù không đủ quân số, anh em đang sửa soạn cho thực tập bài "Trung Đội Mở Đường". Một trái pháo của địch từ rừng bắn tới, trung sĩ Ngà chết ngay tại chỗ. Ngà mới đổi về Trung Tâm chừng nửa năm, cũng từ sư đoàn này. Đánh giặc vài ba năm ngoài chiến trường không chết. Nay mới đổi về hậu cứ vì hoàn cảnh gia đình thì ôm trái pháo trong khi làm phụ tá cho huấn luyện viên.

Mười bốn người, nay chỉ còn mười ba. Hằng ngày, những bữa ăn nào, hạ sĩ nhất Minh cũng vẫn dọn thêm một cái chén và đôi đũa cho Ngà, để đủ mười bốn người. Không thiếu một ai.

Buổi chiều, mới ba giờ mà trời như muốn ngã bóng nắng. Nhưng gió thảng ba trên miền cao thổi mát lạnh. Hình như nơi đây chiều xuống nhanh hơn dưới đồng bằng, ánh nắng không gay gắt nhưng dịu dịu vì có hơi sương phủ, phải mặc thêm cái jacket bên ngoài. Những ngọn núi về phía Tây doanh trại cao vút, mờ mờ trong hơi sương, vờn chút mây trời. Có đỉnh bằng như mái nhà của người Thượng. Đứng từ doanh trại này, trong những ngày trời quang mây tạnh, có thể nhìn thấy Chư Bao. Con đường xuyên qua núi. Một trở ngại lớn cho những lần di chuyển, quân cũng như dân khi ngang qua con đường núi này. Có máu chảy và thầy người.

\*\*\*

Tháng ba, những hoa dại mọc trên lối đi trong doanh trại vắng vẻ. Hoa cúc dại màu vàng tươi, xen kẽ với những đóa hoa màu trắng, nhỏ li ti mọc đầy trên những đám cỏ hoang, đong đưa trong gió. Những con bướm từ trong cánh rừng sau doanh trại hay một nơi nào đó bay tới đùa với hoa, với những đôi cánh màu sắc sỡ. Nhìn những con bướm với những đóa hoa cúc dại màu vàng như những hoa cải nhỏ li ti trong vườn cải nhà chị Mân dạo nào, mà nhớ đến cô bé Hân. Tuổi trẻ đi qua rất nhanh, để rồi ai cũng phải lặn vào cuộc chiến, bằng hai lối đi, không bên này rồi cũng bên kia. Cuộc chiến càng kéo dài lại càng kéo theo những sợi dây liên hệ tình cảm trong mỗi gia đình, nhất là trong những vùng quê. Một đêm nào đó, trong ngôi nhà của chị Mân, người đàn ông lại trở về trong đêm khuya sau nhiều năm vắng mặt, rồi cũng âm thầm ra đi trong đêm tăm tối. Để sau này Hân cũng bỏ làng ra đi, theo chân người cha lên rừng. Cô bé bên cạnh nhà, chỉ cách nhau một khoảng vườn nhỏ, mỗi khi thấy tôi từ dưới phố về thăm nhà thường hay rủ tôi ra sau vườn nhà chị Mân để rình bắt những con bướm đang vờn trên những đóa hoa cải. Nhưng, những con bướm trong vườn nhà chị Mân không lớn bằng những con bướm ở đây, thật to và nhiều màu sắc. Có lẽ trên miền cao có nhiều hoa dại, và nhiều rừng.

Những con đường trải nhựa nằm dọc, nằm ngang trong doanh trại im ắng, không ồn ào như ngày còn quân đội đồng minh trấn đóng. Bên kia khoảng đất trống, thật lớn, hình như là bãi đậu trực thăng, có những dãy nhà tôn, có lẽ là dãy nhà dành cho vợ con binh sĩ. Tôi thấy vài bóng dáng đàn bà và trẻ con bên đó. Người sĩ quan phòng ba, hình như đoán được ý tôi, ông nói: Bên đó là khu gia binh tạm thời cho vợ con lính. Có bán cà phê, ăn sáng. Tối, qua đó nhâm nhi ly cà phê, nghe vài ba bản nhạc lính, cũng đỡ buồn. Chứ ở đây nhìn mãi sương núi, chán lắm. Pleiku gió núi mây mù mà. Ông nói xong rồi cho tôi hay: Các anh chờ tiểu đoàn về, có lẽ ngày mai hay chậm lắm là ngày mốt. Tiểu đoàn đóng đối diện với căn nhà của các anh đây. Có lính về, các anh cũng đỡ buồn hơn. Mai tôi đưa anh đi một vòng sau doanh trại để anh xem thế đất chọn bãi, cho những ngày sắp tới.

\*\*\*

Những ngày chờ tiểu đoàn về. Sáng nào cũng theo chiếc xe dogde ra phố. Sương núi ướt đầm lối đi, trên những đám cỏ ven đường. Từ căn cứ về thành phố, con đường lên xuống nhiều dốc. Những căn nhà tôn bám đầy bụi đỏ dọc theo quốc lộ, buồn thảm. Những chiếc xe nhà binh vẫn hối hả chạy. Không thấy có dấu hiệu gì là hòa bình. Mặc dù hiệp định đã được bốn phe lâm chiến ký kết một hai tháng trước. Lính vẫn chuyển quân về một nơi nào đó. Thành phố mang hình ảnh dễ thấy nhất: Chiến tranh. Thành phố của đủ mọi loại xe nhà binh và Quân Binh Chung. Chỉ có những người Thượng mang gùi từ một buôn làng nào đó, bên kia những ngọn đồi, đi về hướng phố là bình thân.

Thành phố " Em Pleiku má đỏ môi hồng...." bài hát được phổ nhạc từ một bài thơ như gắn gũi với những người lính, và người dân phố thị.

Tìm một quán nào ngồi nhâm nhi ly cà phê buổi sáng với mấy anh em trong toán. Chờ Minh đi chợ về. Ngồi thết cũng buồn. Nhìn hoài những con người, những gương mặt có lẽ chai lì trong chiến tranh và bom đạn. Chiếc xe biệt phái để đi chợ đậu nơi chỗ hẹn, ngã ba đường lên Quân

đoàn. Anh em hỏi Minh " Hôm nay cho ăn cái gì thế, đầu bếp? ". Rồi những tiếng nói, tiếng cười thật vô tư. Kệ. Tới đâu hay tới đó. Thành phố vẫn mang một bộ mặt ồn ào bởi tiếng người và tiếng xe. Bụi đỏ vẫn bám vào nhà cửa và con người. Chiếc xe lại đổ dốc trở về ngôi nhà vòm trong doanh trại.

" Ông thầy ơi, cho em mượn lại Cô Gái Đồ Long đọc hôm nay đi " . Có tiếng Vinh Đen ở sau xe nói vọng tới.

" Ủ! Trên đầu nằm của tao đó ".

Khi xe dừng lại trước ngôi nhà vòm, tôi đã thấy người sĩ quan phòng ba ngồi chờ trên chiếc xe jeep của ông, tôi hỏi:

" Anh mới tới ".

" Khoảng vài phút thì anh về. Pleiku có gì vui không?." Ông hỏi.

" Cũng vậy thôi. Ở đâu cũng thấy lính là lính. Nhưng nằm đọc chương hoài cũng chán ".

" Có lẽ mai tiểu đoàn về tới, không chừng tối nay. Kẹt cái chốt trên Chư Bao, nó bắn rất quá. Phải diệt "chốt " mới qua được.

Anh có làm gì không, sáng nay? "

" Không ".

" Đi một vòng ra sau doanh trại tìm bãi cho toán của anh ".

Tôi đồng ý. Chiếc xe jeep chạy chậm ra phía sau doanh trại. Rừng ngoài xa. Gần căn cứ được khai hoang từ khi còn lính Mỹ đóng ở đây. Cây con bắt đầu mọc trở lại, còn non, yếu ớt. Vài năm nữa thôi, những cây con này sẽ bắt kịp với cánh rừng già bên ngoài. Những bãi cỏ xanh đậm. Những con đường mòn hun hút đất đỏ, dẫn vào trong rừng, mát hút. Mở đường. Phục kích. Tấn công.

" Có ngọn đồi nào gần đây không, " Tôi hỏi ?

" Để làm gì ".

" Cho lính tập tấn công đồi ".

" Quen lắm rồi. Tấn công lên Chư Bao gần bá thờ, bạn không thấy đó sao ".

" Thôi, tạo ra một mục tiêu giả để tấn công vậy " . Hai đứa tôi cùng cười.

Lái xe ra hướng cổng chính. Con đường dẫn ra quốc lộ 14 về thị xã. Đất rộng, nhưng không bằng phẳng như cánh rừng sau doanh trại. Thế đất có chỗ cao, chỗ thấp, lại có nhiều đường thông thủy.

" Phản phục kích được đấy, bạn ? Người sĩ quan phòng ba nói.

" Dạ. Nghề của chàng mà.



Được rồi. Tạm xong cho công việc tìm bãi huấn luyện hôm nay. Nắng hanh nhẹ thảng ba. Gió mát thật dễ chịu. Đồn điền cà phê bên kia con đường nở đầy hoa trắng. Mùa xuân lại trở về trên mảnh đất có quá nhiều đau khổ bởi chiến tranh gây nên. Hiệp định đã ký. Trước còn dành đất, cấm cò. Dân có hay không chẳng cần thiết. Sau hiệp định, phải nhổ cò cho bằng được. Những con đường chia hai làng ranh trong cái vô lý giữa một khu rừng mênh mông, hay trên một ngọn đồi vắng vẻ ở một nơi nào đó, chẳng ai nào biết. Chỉ có những người lính, không bên này thì bên kia, phải nhổ cò, chiếm đất cho bằng được. Tiếng súng hai bên lại nổ..... Hai đứa ngồi trên xe hút thuốc. Tôi nhìn những đám cỏ đầy hoa dại. Những cánh hoa trắng li ti, xen kẽ những hoa tím tím của loại cây mắc cỡ khép lá, mỗi khi có ai chạm đến. Tôi nhớ đến câu hát trong một bài hát " Anh không phải là vua nên mộng ước thật bình thường ". Phải, tôi chỉ là người lính nên lúc nào cũng mơ ước có được một cuộc sống thật bình thường là hết chiến tranh, cho tất cả mọi người đều trở về. Tôi trở về lại ngôi nhà cũ ở vùng quê, để nhìn thấy cô bé Hân cũng từ một cánh rừng nào đó, cũng trở về như tôi. Hân không còn mang A.K và, tôi không còn mang M.16 nữa. Cho dù ở tuổi hôm nay không còn đuổi bướm hái hoa trong vườn nhà chị Mân . Nhưng cũng còn có nhiều điều để nói. Nhìn những loài hoa tím và trắng này trong rừng mọc nhiều, trên những bãi cỏ hoang. " Hân có lẽ cũng bắt gặp nhiều những loài hoa này trên những lần chuyển quân, hay đã nằm im như loài hoa mắc cỡ, khép lá từ một cánh rừng nào đó, mênh mông. Khi nhìn thấy xác của người cha nằm bên ngoài hàng rào phòng thủ của quận Hàm Thuận. Một người cha, mà một đêm đã trở về. Vài tháng sau khi người cha chết, Hân lại bỏ học lên rừng. Nghe tin Hân lên rừng, tôi bàng hoàng, và tiếc cho những buổi đuổi bướm sau vườn nhà chị Mân năm nào. Bây giờ tôi với cô bé đã trở thành hai kẻ thù với nhau. Không. Có thể Hân mang cả khối hận thù đối với chúng tôi, khi nhìn thấy xác người cha nằm chết thảm bên hàng rào phòng thủ của quận ngày nào? Còn đối với tôi không thể nào tạo thêm sự thù hận nữa, dù bạn bè của tôi cũng chết như người cha của Hân trên chiến trường. Nhìn những loài hoa dại mọc trên bãi hoang mà nhớ đến con bé ngày xưa lạ lùng. Hân bảo đó là loài Hoa - Cô - Đơn. Loài hoa của chính Hân. Của chính con bé thường hay đuổi bướm vào những ngày nghỉ học. Những cánh hoa thật cô đơn mọc từ nơi cánh rừng nào đó mà Hân đã đi qua. Và, bây giờ, có lẽ ngay bây giờ, nếu có gặp, cũng chỉ nói chuyện bằng những viên đạn câm, đầy thù hận ở nơi cô bé, và đồng đội. Đang nghĩ ngợi thì người sĩ quan phòng ba hỏi tôi:

" Vợ con anh ở Nha Trang ?

" Vâng. Còn anh.?

" Gia đình ở Sài gòn. Tôi không cho lên đây. Rày đây mai đó hoài, con cái học không được. Tụi mình lỡ mang cái nghiệp rồi, thôi để vợ con yên. Có điều nhớ mấy đứa nhỏ mà chưa về thăm được.

" Thịnh thoảng chị cũng lên thăm anh chứ?

" Một lần. Bị pháo kích, bà sợ tổn tới già.

" Thôi. Vậy mà khỏe .

Tự nhiên tôi với người sĩ quan Phòng ba trở thành thân nhau. Thịnh thoảng rãnh việc trên Sư đoàn anh thường lái xe xuống thăm tôi, trong những tháng đi huấn luyện lưu động.

\*\*\*

Nửa đêm có tiếng động ở bên kia đường vọng đến. Tiếng súng ống va chạm vào nhau. Tiếng còi thổi tập họp. Anh em chúng tôi thức dậy. Lính về. Trong ánh sáng của những ngọn đèn

vàng không đủ nền, tỏa một vùng sáng mờ mờ, hình như những người lính cũng đã quen với bóng đêm, tập hợp rồi chia nhau về khu vực phòng thủ. Sương đêm xuống lạnh. Những chiếc ba lô trên lưng được xóc lên, mệt mỏi. Những đóm lửa của một vài điều thuốc được lóe lên trong đôi mắt buồn ngủ. Có lẽ họ cũng chẳng để ý đến chúng tôi, một ít người đang thức dậy bên này con đường, đứng phía sau của những thùng phuy chứa đầy đất và cát, chờ họ trở về. Ở đâu cũng là lính cả mà. Vinh Đen đứng bên cạnh tôi, hỏi:

" Khi nào bắt đầu diễn tuồng, ông thầy?

" Phải chờ lệnh của Phòng ba xuống, có lẽ sáng nay, mới có chương trình.

" Để cho anh em nghỉ vài hôm đi, ông thầy. Họ cũng là lính như mình, nhưng sao thấy họ cực quá. Trường hợp như em, chắc thêm một giấc ngủ.

Sáng sớm, người sĩ quan phòng ba đến.

" Anh dùng cà phê? Tôi hỏi.

" Cây nhà lá vườn?

" Vâng. Cứ mỗi lần theo xe ra phố cũng phiền.

" Khi nào bắt đầu để cho đơn vị huấn luyện? Người sĩ quan phòng ba hỏi tôi.

" Chương trình thì có rồi. Chỉ viết ngày vô thôi. Nhưng theo tôi đề nghị để cho họ nghỉ dưỡng quân một vài ngày. Mới thoát khỏi cái đeo Chư Bao, học sao vô.

" Chiến trường cần lắm đó, ông bạn. Ở trên cứ thúc sau đấy.

" Đánh giặc nhiều ngày mà, có dịp dưỡng quân, cho anh em nghỉ ít hôm. Anh về đề nghị với cấp trên.

" Tôi cũng đồng ý như vậy. Nhưng bạn nghĩ sau hiệp định đình chiến mà họ vẫn đánh mạnh. Lúc đầu, án binh bất động, hai bên đối mặt nhau. Hiệp định chưa ráo mực họ lại đánh.

" Nếu không tôi với anh đâu có ngồi đây.

Lại vẫn nụ cười như mới lúc đầu quen biết, cảm thông. Tôi nói với người bạn Phòng ba Sư đoàn lính nghỉ dưỡng quân, anh em chúng tôi cũng được hưởng sái, sau một lần mệt đừ kéo bầu đoàn thể từ từ trên Non Nước xuống, lại mất đi một người bạn trong toán mà ngày nào hạ sĩ Minh cũng dọn bữa đầy đủ mười bốn cái chén và mười bốn đôi đũa, như Ngày ngày nào còn sống, chẳng mất, sau khi ôm trọn trái bích kích pháo từ đâu đó trong cánh rừng bên bắn ra.

Cuối cùng rồi phòng ba cũng chấp nhận cho đơn vị được nghỉ dưỡng quân vài ngày trước khi vào khóa học bổ túc tại chỗ. Buổi sáng, tôi đang cúi cúi vẽ lại cái sơ đồ trên tờ giấy bìa cứng, bài " Hành Quân Nhị Thức " mà tôi chịu trách nhiệm, thì nghe tiếng Vinh Đen ngồi chơi trước cửa phòng của ngôi nhà vòm, nói vọng vào:

" Ông thầy ơi, có người hỏi thăm.

Tôi nhìn ra cửa. Thăng Toàn. Thăng bạn học cùng lớp khi xưa với tôi. Mừng quá bỏ cây viết

xuống bàn, đi ra bắt tay hắn. Cũng với giọng nói nhanh, hình như không muốn ngắt câu để nghỉ, sợ ai nói hết, cùng với nụ cười hiền khô như ngày nào còn học trung học mà đã lâu không gặp lại. Tôi hỏi:

" Nghe nói mày đi đại học CTCT.

" Ừ. Ra trường về nắm Trung đội trưởng ở đây.

" Sao lạ vậy. Còn chuyên nghiệp của mày đâu?

" Đánh giặc mà chuyên nghiệp cái chó gì. Nhưng vui lắm mày. Vừa đánh giặc bằng súng tao vừa đánh bằng mồm. Đánh cả hai.

Gặp Toàn hai đứa thả bộ băng qua khu đất trống để về hướng dãy nhà tôn dùng làm khu gia binh cho lính của trung đoàn, tìm vài chai bia con cộp có trái thơm. Bọn bè lâu ngày không gặp, uống một bữa. Gặp Toàn, tôi mới biết thêm nhiều về chuyện của Hân. Toàn nói:

"Có lần tiểu đoàn tao về tặng phái cho tiểu khu Bình Thuận, đóng trên đồn Trinh Tường. Về quê đánh giặc cũng thú lắm. Nhưng đám tình báo của Tiểu khu cho tụi tao hay về một con nữ cán bộ Hân. Tao lại nghĩ đến mày. Đối với tụi mình không lạ gì về Hân. Con bé nhút nhát như chim sẻ. Nhưng tình báo cho biết nó vào loại thứ dữ, không còn là con Hân của ngày nào.

Nghe Toàn nói. Tôi ngồi dựa ngửa ra sau cái ghế đóng bằng những tấm ván của thùng đạn pháo binh, rít từng hơi thuốc dài. Lẽ nào Hân lại như thế? Sau cái chết của người cha bên hàng rào quận năm nào, mà bây giờ trở thành một nữ cán bộ lấy sự giết người không gớm tay để trả thù cho cha, làm nguồn vui??? Tôi nhớ có lần hai đứa đang rình bắt những con bướm đậu trên những cánh hoa cải, để cho Hân ép nó vào trang vở học, thì mẹ Hân la: "Tụi bay đừng làm cái chuyện ác đó. Nó cũng cần có sự sống, sao ép khô nó làm gì? ". Tôi như kẻ đồng lõa, để được gần gũi với nụ cười, với mái tóc dài ngát hương bồ kết của Hân. Ngỡ rằng chúng tôi không bao giờ xa nhau, cho dù cuộc chiến có nhiều hệ lụy cho cả hai gia đình. Nhưng, tôi hỏi Toàn:

" Mày đã đụng với đơn vị của Hân?

" Chưa. Nhưng lúc nào tao cũng muốn đụng đơn vị của nó, để xem nó ra sao. Nếu cần chiêu hồi nó về. Không thì chết như ông già nó ngày nào thôi.

" Mày tin là làm được với cái học của mày?.

" Tao nghĩ như vậy ".

Rồi Toàn lại kể cho tôi nghe nhiều chuyện trước và sau hiệp định Ba Lê. Nghe hiệp định ký thẳng lính nào cũng mừng, nhất là đám tác chiến như tụi tao. Chiếc ba lô trên lưng như nhẹ đi nhiều lắm. Hiệp định ký, lính tao ở bên này con đường đất đỏ. Họ ở bên kia đường. Có lần tao đụng với thằng chính trị viên đại đội của nó. Không chửi bới. Không hận thù. Tao gọi lên cho nó chút tình cảm quê hương để dễ nói chuyện hơn, vì tao nghe nó nói giọng như tao. Nó cho tao biết nó là dân Phan Thiết. Tao mừng, kêu nó bỏ súng trở về, vì tao cũng là dân Phan Thiết. Nhưng nó lại kêu tao cũng bỏ súng trở về với nó. Để làm gì? Tao nói: Tôi thắng hay anh thắng. Nó nói: Nó thắng. Tao không chấp nhận điều nó nói. Dẫn chứng cho nó thấy chính nghĩa của nó không phải ở Việt Nam mà ở bên Tàu. Nó cười. Tao mời thuốc lá, nó hút. Sau, tao đưa cả bao cho nó. Nó nói nó thường thêm một điếu thuốc sau bữa ăn. Tao có hỏi nó: Anh học ở đâu khi còn nhỏ? Hắn cười, Phan Bội Châu. Tao chưa thấy có thằng chính trị viên nào như thằng này. Cười với tao nhiều hơn là nói. Nó tên Văn Công. Mày biết?

" Không! Rồi sau đó? "

" Ngày hôm nay nó nói chuyện với tao. Tối hôm sau nó đánh. "

" Ngày hôm sau mày tới gặp tao. "

" Có gì cho tao biết với. "

" Chẳng có gì. Chỉ thêm cho mày cách " Đột kích đêm " . "

Toàn cười. Thằng bạn sĩ quan CTCT không thể nào lấy " Trí Nhân để thắng bạo tàn ". Tháng ba, đã hai tháng qua, sau ngày ký hiệp định mà Tiểu đoàn của mày không sao qua nổi Chư Bao, cũng như Trung sĩ Ngà của tao chết trên Non Nước. Tháng ba, tháng của những loài hoa rừng nở rộ trên những bước hành quân của người lính, đã một thời vất vả, nay nghe hiệp định ký rồi, mừng đâu không thấy lại còn thấy bao nỗi vất vả hơn. Và, với tôi, không thể nào trở về trong cái mơ ước bình thường của một người lính, để nhìn cô bé Hân cũng trở về như tôi sau hiệp định. Hết rồi, như khi thằng Toàn nói cho tôi biết " Nó vào loại dữ " .

Buổi mai, bài học chiến thuật đầu tiên chàng hòa ánh nắng tháng ba. Nhìn những người lính ngồi ngay ngắn để ôn lại bài học đầu tiên, khi mới bước chân vào đời binh nghiệp. Mà hôm nay, với họ, dù trên người mang nhiều thương tích, hay đã tiếp thêm những giọt nước mắt lại tuôn ra khóc cho một người bạn nằm xuống, thì bài học vỡ lòng trong đời binh nghiệp cũng là bài học đáng nhớ ngàn đời. Ôn ngày hôm nay, còn phải ôn ngày mai. Những gương mặt chưa kịp vui trong đầu mùa xuân khi nghe hiệp định ký, thì có một chút gì đó làm cho tôi ngậm ngùi khi nghe người lính nói với một chuẩn úy: Ông thầy cởi chiếc áo trận ra, em bắt rận cho...

## Vùng đồi

Mỗi ngày, khi mặt trời vừa xuống khỏi cánh rừng bên kia những ngọn đồi thì gió bắt đầu thổi. Gió thổi từ đầu hôm cho tới sáng. Từng cơn gió rít mạnh ngang qua căn nhà lá nhỏ của anh nằm dưới chân đồi. Gió rít mạnh không làm cho anh giật mình thức giấc, mặc dù có những đêm gần như anh thức trắng trên chiếc võng đan bằng những sợi ny lông được tháo ra từ những bao cát, khi anh còn ở trong trại tù của Tĩnh, sau 75. Với nhiều đêm như thế, trong tiếng gió rít qua những khe hở của vách lá, anh nghe hình như có nhiều tiếng nói, tiếng cười của những đồng đội trong đơn vị cũ của anh ngày nào trên ngọn đồi này. Ngọn đồi, mà trước đó vào năm 1972 một đơn vị nhỏ của Mỹ đã rút đi, đơn vị của anh được điều tới để thay thế, làm nút chặn để ngăn con đường giao liên từ hướng núi Ông đổ về đồng bằng.

Khi còn đơn vị Đồng Minh trú đóng, cánh rừng phía Tây bên kia những ngọn đồi đã được khai quang. Rừng đã bị đẩy lùi ra xa khu vực phòng thủ. Đến khi đơn vị của anh đến trú đóng, những cây non như bắt đầu mọc trở lại, thưa thớt. Đám lính ít ỏi trong đơn vị đồn trú trên vùng đồi cũng chẳng ai để ý tới những cây rừng đó. Có nó cũng được mà không có nó cũng được. Rừng ở xa, nhưng gió lúc nào cũng thổi về vào lúc hoàng hôn xuống như ngày nào. Có người nói vùng đồi nằm ngay miệng gió. Những người lính cũng chẳng có thời giờ đâu để mà tin hay không tin là đồi nằm ngay miệng gió. Có điều, khi hoàng hôn vừa đổ xuống thì vùng đồi đêm nào gió cũng nổi lên. Và đêm nào những người lính đóng trên đồi cũng phải xuống đồi làm nhiệm vụ.

Có những đêm anh không thể nào ngủ được, anh nhớ đến buổi chiều trên đỉnh đồi này cùng

với những đồng đội của anh, mà một số đã nằm ngủ im lìm sau một trận pháo của địch từ cánh rừng bên kia pháo tới. Trận pháo mà họ muốn dứt điểm vùng đồi từ lâu. Bây giờ, pháo như đổ lửa xuống ngọn đồi chỉ gồm có một đám lính ít ỏi. Anh ngất đi sau lần bị thương. Khi tỉnh dậy, trời đã khuya. Ánh sáng của vầng trăng thượng tuần yếu ớt, lờ mờ tỏa trên vùng đồi im ắng. Anh nhìn lên bầu trời đầy sao và ánh trăng đầu tháng. Anh cố gắng bò ra khỏi miệng hố phòng thủ, và trong ánh sáng lờ mờ của trăng sao đó, anh cất tiếng gọi đồng đội. Gọi tên từng người. Chuẩn úy Ngọ trung đội trưởng đâu rồi? Thăng Vinh, tiểu đội trưởng sắp sửa cho con cái xuống đồi khi trời chạng vạng tối, đâu rồi.... Nhiều lắm mà, anh gọi từng người một, sao im lìm quá vậy. Chẳng lẽ chết hết rồi sao. Hay có lẽ anh gọi nhỏ quá mà bạn bè chẳng đưa nào nghe. Nhưng trong ánh trăng lờ mờ đó, hình như anh nghe như có tiếng chân người và tiếng nói: Còn có người còn sống. Có phải đơn vị của anh tới để giải cứu không, hay lại là địch. Máu từ vết thương lại ứa ra, anh cố gắng bò thêm, phải bò đến nơi vừa mới phát ra tiếng nói. Anh cố gọi to một lần nữa, nhưng rồi anh lại ngất đi. Tỉnh dậy từ một quân y viện dã chiến. Anh biết anh còn sống.

\*\*\*

Chiến tranh chấm dứt, sau khi ra khỏi tù, anh trở về thăm lại làng cũ. Làng cách xa vùng đồi chẳng bao xa, mất khoảng nửa ngày đạp xe đạp. Về lại làng cũ, anh quyết định lên sống trên vùng đồi mà trước đó khi còn chiến tranh, những người bạn của anh đã ngủ im dưới ánh sáng của con trăng thượng tuần. Khi mà những trái pháo đã đổ lửa xuống ngọn đồi để tiêu diệt đơn vị nhỏ bé của anh.

Vùng đồi như một mảnh lụa thô thúc anh hằng ngày. Nhiều lần anh nói với ông Miêng, bác của anh ý định đó. Bác anh không cản. Nhưng hỏi:

" Mày làm cách nào để sống trên vùng đồi đó. "

" Làm rẫy và tôi sẽ phủ xanh ngọn đồi này. "

" Không dễ đâu. Tao nghe đám đi ăn cây thường hay nghỉ đêm dưới chân đồi nói trong tiếng gió rít mạnh qua vùng đồi, hình như có cả tiếng cười của ma quỷ? "

Anh muốn nói với ông Miêng tiếng cười đó là của những bạn bè anh. Những thằng bạn đã chết trong một buổi chiều, mà những người bên kia cánh rừng đã bắn pháo tới. Trong buổi chiều đó anh cũng đã ngất đi mấy lần vì bị thương. Giấc ngủ của những đồng đội của anh cũng như vết thương trên cơ thể của anh vẫn còn hằn sâu trong tâm thức. Mỗi lần trời trở gió, những vết thương cũ lại hành hạ anh không sao chịu nổi. Những vết đau đó, nào ai biết được.

Cuối cùng rồi ông Miêng cũng đánh xe trâu đưa anh lên vùng đồi. Đứng trên ngọn đồi nhìn về hướng rừng, những cây con đã mọc kín để bắt kịp với cánh rừng trước mặt. Đỉnh đồi vẫn trơ trọi. Anh đi quanh ngọn đồi một vòng, lại nhớ từng gương mặt của những người bạn thân. Chỗ này là hầm của chuẩn úy Ngọ, chỗ kia là hầm của thằng Hòa, thằng Ất và nhiều nữa. Chỗ này ông Ngọ cho đặt khẩu đại liên đây mà.... Nhưng hôm nay dấu vết chiến tranh đã bị thời gian xóa nhòa trên vùng đồi này. Dưới chân đồi cây rừng bắt đầu mọc nhiều, và có thêm nhiều con đường mòn do vết xe trâu của những người đi làm rừng tạo nên, ngang dọc. Anh nghĩ anh sẽ biến vùng đồi này trở thành một màu xanh. Không phải màu xanh của cây rừng, của cỏ dại. Có thể là một màu xanh của rừng thông. Cũng có thể một màu xanh của những loại cây ăn trái. Vùng đồi này sẽ phủ màu xanh. Một màu xanh tuyệt vời cho những người bạn của anh trở về, và biết đâu một ngày nào đó, anh cũng nằm xuống trên vùng đồi này, bên cạnh những đồng đội của anh ngày nào.

Anh đang nghĩ về ngôi nhà mà anh phải dựng. Phải rồi, phải dựng nó ngay bên cạnh con đường nhỏ này. Con đường duy nhất để cho những người lính ngày xưa đi lên, đi xuống, vào những buổi chiều chạng vạng tối. Những người lính lại âm thầm đi ăn đêm. Những tọa độ kích được đánh dấu cẩn thận trên tấm bản đồ hành quân để báo về cho thẩm quyền. Những đứa con đi ăn đêm, sáng mai trở về vùng đồi trong cái ướt sũng của sương rừng, với những hơi thuốc lá rít mạnh, với tiếng cười tiếng nói. Sáng nào, anh cũng đứng nơi cánh cổng gỗ, chặn chặt những sợi kẽm gai, chờ những người bạn của anh: " Tụi mày còn sống. Tao đang đứng trên đồi chờ tụi mày trở về đây ". Nhưng bây giờ không còn nữa, im ắng quá. Tiếng cười đâu mất hết rồi. Tiếng nói đâu mất hết rồi. Chỉ còn lại có tiếng gió là còn rít qua vùng đồi không thay đổi. Anh phải dựng ngôi nhà bên cạnh con đường này. Con đường dẫn lên đồi....

Ông Miêng, đứng bên cạnh, nói:

" Mày vẫn không thay đổi ý định lên sống trên đây. "

" Không. "

" Định trồng cái gì trên vùng đồi này để sống. "

" Đào. Đào lộn hột. Bác thấy sao? "

" Bao giờ mới phủ xanh hết vùng đồi, mày. "

" Một năm. Hai năm không chừng. Tôi sẽ và sẽ trồng. "

\*\*\*

Mấy tháng đầu có vất vả. Những hạt giống được bỏ xuống không có kết quả. Ông Miêng nói với anh: Tao đã nói với mày cái vùng đồi này chỉ có gió là nhiều, dù gần rừng, nhưng mưa trốn biệt. Cứ đánh lỗ để đó, khi nào có mưa sẽ bỏ hạt.

Hơn một năm sau, những cây đào bắt đầu lên cao. Vùng đồi đã có sự sống. Từ nơi ngôi nhà lá nhỏ bé của anh dưới chân đồi đã có tiếng gà gáy vào buổi sáng, tiếng chó sủa vào buổi chiều. Và có bóng dáng của anh ở trên vùng đồi chăm sóc cho những cây đào đang phát triển. rồi anh lại xuống đồi lo cho đám rẫy quanh nhà. Những chiếc xe trâu của những người đi ăn gỗ cũng dừng lại dưới chân đồi, bên cạnh ngôi nhà lá của anh. Vùng đồi không còn hoang vu.

Từ những hột đào anh đi thu nhặt ở khắp mọi nơi. Những nơi nào anh nghe có trồng đào là anh đi tới xem cách thức họ trồng. Anh hỏi họ giá của mỗi cây giống, họ thách trên trời dưới biển, anh làm sao có tiền để mua, sau khi ở tù ra. Vả lại ông Miêng có nói: Mày cứ kiếm hột để khô, để hơn là trồng cây giống. Dù tìm hột đào hơi khó, bởi vì hột đào bây giờ là món xuất khẩu cao. Tuy nhiên anh cũng tìm được những hạt giống đó từ các em nhỏ trong làng, mỗi khi anh cần về làng, hay theo xe trâu của những người đi rừng trở về thị xã mua vài thứ cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.

Những đêm sáng trăng, anh thường ngồi im nhìn lên đỉnh đồi. Nơi đó những cây đào bắt đầu lên cao. Trong tiếng gió rít mạnh ngang qua vùng đồi, lúc nào anh cũng nghe như có tiếng gọi của đồng đội. Mỗi lần như thế, anh lại đi lên đỉnh đồi với hai con chó như hai người bạn thân của anh. Có lần ông Miêng lên thăm anh và ở lại. Tiếng gió vẫn rít qua vùng đồi vào mỗi đêm, và anh lại lên đồi cho tới khuya mới trở về ngôi nhà lá của anh. Ông Miêng hỏi:

" Mày làm gì đi lên đó khuya vậy. "

" Tôi thăm bạn tôi. "

" Có ma nào trên đó mà mày đi thăm. "

" Họ thức dậy trên đó vào ban đêm mà. Bác không biết đâu. "

" Coi chừng mày bị bệnh. Tao đã nói với mày đám thợ rừng thường nói vùng đồi này có ma. "

Anh chẳng nói, trở lại nằm trên chiếc võng. Hai con chó như người bạn nằm phục dưới chân anh. Ông Miêng tới cái bếp khươi cho ngọn lửa cao thêm để nấu ấm nước. Ông nói:

" Mày phải uống chút gừng cho ấm bụng kẻo bị sương rừng. Đi vào ban đêm như vậy không tốt đâu "

Tiếng gió lại rít mạnh len qua kẽ vách. Anh ngồi dậy trên chiếc võng, hỏi:

" đó. Bác có nghe gì không?"

" Gì đâu. Ngoài tiếng gió. Tao đã nói với mày vùng này là vùng gió mà "

Hai con chó như muốn chồm dậy khi thấy anh ngồi lên, gừ gừ dưới chiếc võng. Ông Miêng khươi cao ngọn lửa. Ngôi nhà lá được sáng hắt lên qua ánh sáng của những thanh cửi. Ông nói:

" Tao nghĩ mày nên lấy vợ "

" Vợ con chi bác "

" Có cũng đỡ hơn chứ. Đêm hôm tâm tối trên vùng đồi này "

Thế rồi tháng nào ông Miêng cũng đánh xe trâu lên ở với anh vài ba ngày. Vùng đồi đã có nhiều gia đình dưới xóm lên phá đất làm rẫy. Chẳng có ai tới đây lập nghiệp mà nghĩ rằng vùng đồi mấy năm trước đã có một cuộc chiến xảy ra ở đây. Những trái đạn pháo như đổ lửa xuống đỉnh đồi không rộng bao nhiêu giết chết những đồng đội của anh. Hai năm, hai năm anh sống ở đây, và vùng đồi đã phủ xanh để cho những người bạn của anh trở về trong mỗi đêm. Họ không còn nhìn thấy cảnh hãi hùng, nóng bỏng của những trái đạn đã đưa họ vào giấc ngủ miên trường.

Tháng nào ông Miêng cũng lên vùng đồi thúc anh lấy vợ:

" Tao đã tìm cho mày một con rồi. Con nhỏ này làm y tá ở xã. Nó tên Lài. Nếu mày chịu, mai tao đưa mày về làng xem mặt nó "

" Thôi bác ơi, tôi không đi đâu. Bỏ những bạn của tôi ra đi đâu được. "

" Bạn bè nào. Mày cứ nói như điên, như dại. Bộ mày khùng rồi à. "

\*\*\*

Mấy hôm nay anh lên cơn sốt cao. Trong cơn mê, anh lúc nào cũng thấy đồng đội của anh đang ôm súng nằm phủ kín vùng đồi. Anh đi hết chỗ của người này, đến chỗ của người khác. Anh hỏi từng người một: "Mày có mang thêm lựu đạn không. Nếu tụi nó có tấn công mà ném chửi". Rồi anh đi tới người lính khác; "Có mang theo đủ cấp số đạn không mày". Anh tới bên vọng gác: "Ráng mà thức nghe mày. Ngủ gục là chết cả đám đó nghe". Trong cơn mê anh thấy hết tất cả. Anh gọi tên từng người. Không thấy có ai trả lời. Tất cả đã ngủ mãi mãi trên ngọn đồi. Thế rồi anh nói to trong cơn sốt cao: Đó, những cây đào tao trồng cho tụi mày đó. Cành lá xum xuê đó, có cả trái đào nữa đó. Về mà chạy nhảy, vui chơi như thời còn thơ ấu ở quê nhà. Nơi nào cũng là quê nhà cả tụi bây ời. Về đi. Về đi. Về với tao. Anh nói to làm hai con chó giật mình chồm dậy. Đã mấy hôm nay nó không theo anh lên vùng đồi. Chủ bệnh, hình như nó cũng muốn bệnh theo. Anh nằm liệt giường đã mấy ngày liền bởi cơn sốt. Những người đi ăn gỗ trên rừng, dừng lại cạnh nhà anh, mới biết anh lên cơn sốt nặng. Họ về làng báo cho ông Miêng biết. Ông vội đánh xe trâu lên vùng đồi với cô y tá.

Ông Miêng đến, anh cũng chẳng hay biết gì. Ngôi nhà lá gần như chẳng bao giờ anh khóa cửa. Cánh cửa chỉ khép lại để tránh ngọn gió đêm. Ông đến như người trong nhà. Ông đưa tay lên trán:

" Nó nóng ghê quá cháu à. "

" Để cháu cho ảnh uống thuốc hạ sốt. Không đến nỗi chi đâu,"

" Tao sợ."

" Bác cứ nghỉ quẩn."

Đêm đó ông Miêng không thể nào chợp mắt được. Thình thoảng ông lại khươi ngọn lửa từ nơi bếp làm bằng ba viên gạch xây. Ngọn lửa bùng lên một hồi rồi cũng tắt. Chỉ còn lại ánh sáng của ngọn đèn dầu heo hắt treo trên cột nhà, mà có lẽ mấy ngày bệnh anh cũng không thấp sáng. Nhờ có viên thuốc hạ sốt của Lài, ông Miêng thấy trên da thịt của đứa cháu mát lại.

Sáng hôm sau, cơn sốt như biến mất sau mấy ngày nằm liệt trên giường. Anh đến bên cửa sổ nhìn lên vùng đồi chỉ cho Lài nhìn thấy một vườn đào đang lên tươi tốt. Anh nói:

" Cô Lài dám lên trên đó chơi không? "

" Em nghe bác nói vùng đồi có ma."

" Cô sợ? "

" Không. Nếu có anh cùng đi."

" Chẳng có ma quỷ nào đâu. Bạn tôi đó. "

Thế rồi anh trở lại ngồi trên chiếc võng kể lại câu chuyện cho ông Miêng và Lài nghe một trận đánh cách đây vài năm về trước, khi anh còn là một người lính đóng quân trên ngọn đồi này.

Ông Miêng trầm ngâm ngồi dựa lưng vào gốc cột, kéo dài hơi thuốc lá, hỏi:

" Trận pháo đó không còn ai sống? "



" Không. Chết hết. Chỉ còn mình tôi. "

" Mày đưa tao lên vùng đồi. Cháu Lài đi với bác chứ? "

Hai con chó lẩn cấn chạy theo chân anh lên đồi. Những cành đào vươn dài ra là sát mặt đất. Mùa này đào đã trở hoa. Dấu vết chiến tranh nào ai biết được, nếu không còn ai sống sót sau buổi chiều bị dập pháo đó. Anh đưa ông Miêng và Lài đi một vòng đồi, và chỉ cho hai người thấy nơi nào là hố phòng thủ của đồng đội anh. Trận địa pháo như đổ lửa xuống trên một diện tích nhỏ hẹp, thử hỏi còn có người lính nào chịu nổi. Trong trận pháo đó, anh bị thương nặng, bò ra khỏi miệng hố kêu gọi đồng đội xem có đứa nào còn sống hay không. Chẳng có ai lên tiếng. Anh chỉ cho ông Miêng và Lài:

" Hình như tôi bò ra chỗ này đây. "

Và, anh ngồi xuống. Ông Miêng và Lài cũng ngồi xuống theo. Nơi đó, bây giờ là cây đào. Không phải một cây mà là một vườn đào đang tỏa một màu xanh bao trùm trên vùng đồi. Ông Miêng nhìn bao quát vùng đồi, rồi nói:

" Mai, tao cho xe trâu chở vật liệu lên đồi. Cát cái miếu để thờ. "

## Độc Vùng đồi của Phạm Văn Nhân Trần Hoài Thư

Tầm lớn của văn chương theo tôi ở trong *không gian ba chiều*. Chiều sâu của tâm linh. Chiều ngang của quá khứ và chiều dọc của tương lai. Tôi đọc truyện Vùng Đồi của Phạm Văn Nhân và khám phá ra không gian ba chiều ấy.

Vùng Đồi là một truyện ngắn. Nhân vật chính là người thương binh VNCH. Ngày tàn cuộc chiến, giữa cõi hỗn mang của ma quỷ đội lốt người, giữa cái ngao ngán của thế sự, và cái nghiệp trên vai của những người thất trận, người thương binh ấy quyết định trở lên ngọn đồi cũ - ngọn đồi mà ngày xưa bạn bè đồng đội anh đã gục xuống trong một trận đánh ác liệt, để khăn hoang, mang lại màu xanh cho vùng đồi xưa.

Cốt truyện chỉ bấy nhiêu, nhưng kích thước truyện không phải vậy. Nó chứa hôm qua, không phải là hôm qua của một ngọn đồi mà của cả trăm ngàn ngọn đồi. Nó có những bạn bè, đồng đội, không phải của một trung đội vô danh mà của hàng vạn người đồng đội khác, hàng vạn trung đội khác. Nó có những mát mát, không phải nổi mát mát riêng, mà là nổi mát mát chung:

*...Đứng trên ngọn đồi nhìn về hướng rừng, những cây con mọc kín bùng, bắt kịp với cánh rừng trước mặt. Đỉnh đồi vẫn trơ trọi. Anh nhìn quanh ngọn đồi một vòng, nhớ lại từng gương mặt của mỗi đứa. Chỗ này là hầm chiến đấu của chuẩn úy Ngọ. Chỗ kia là hầm của thằng Hòa, thằng Ất và còn nhiều đứa nữa. Còn chỗ này ông Ngọ cho đặt khẩu đại liên đây mà.*

*...Có những đêm anh không thể nào ngủ được. Anh nhớ đến buổi chiều trên ngọn đồi này cùng với những đồng đội của anh, mà hầu hết đã nằm ngủ im lìm sau một trận pháo của địch từ bên kia cánh rừng pháo tơi. Trận pháo mà họ muốn dứt điểm vùng đồi từ lâu. Bây giờ họ mới đổ lửa xuống ngọn đồi với một đám lính ít ỏi. Trong trận pháo đó, anh ngất đi sau lần bị thương. Khi tỉnh dậy, trời đã khuya. Ánh sáng của vầng trăng thượng tuần yếu ớt, người đi, đến tiếng động*

va chạm của vũ khí. Anh cố gắng bò ra khỏi miệng hố phòng thủ, và trong ánh sáng của con trăng đầu tháng, anh cất tiếng gọi đồng đội. Anh gọi tên từng người một: Chuẩn úy Ngọ, trung đội trưởng đâu rồi? Thành Vinh, tiểu đội trưởng sắp sửa cho con cái xuống đồi khi trời chạng vạng tối, đâu rồi À..

Nhiều lắm mà. Sao nghe im lìm quá vậy. Chỉ có tiếng anh gọi trong đêm. Chẳng lẽ chết hết rồi sao? Hay có lẽ anh gọi nhỏ quá mà bạn bè chẳng có đứa nào nghe. Nhưng trong ánh trăng mờ đó, hình như anh nghe có tiếng chân người và tiếng nói: Còn có người còn sống. Tụi bây ơi. Anh nghe tiếng nói, tự nhiên anh nằm im. Có phải đơn vị của anh lên để giải cứu, hay là địch sau những lần pháo ồ ạt, chúng lại xung phong lên. Anh cố bò trở lại hố chiến đấu cũ, nhưng máu từ vết thương lại ra nhiều làm anh không thể bò thêm được nữa. Anh cố gọi to, nhưng rồi anh ngất đi. Tỉnh dậy từ một quân y viện dã chiến. Anh biết anh còn sống.

(Vùng Đồi trang 150)

Còn về cái chiều sâu của tâm linh. Như tấm lòng của một đạo sĩ, người thương binh năm nào, ôm lấy vàng trắng cô độc, bạn hữu là những hồn ma. Cái bầu không khí rờn rợn oan hồn ấy, chỉ có những người đạo sĩ mới làm bạn. Không ai có thể tin rằng có một người lính cũ lại trở về đồi. Người ta, tướng quan, tổng thống, tổng trưởng, bộ trưởng, thứ trưởng, đã bỏ chạy. Người ta, những cựu sĩ quan đã trở về, lưng còm tội nghiệp...

Phải, ngay cả ông bác già cũng không tin:

- Không dễ đâu. Tao nghe đám đi ăn cây thường hay nghỉ dưới chân đồi nói trong tiếng gió rít mạnh qua vùng đồi ban đêm, hình như có tiếng cười của ma quỷ?

Vi sao?

...Anh muốn nói với ông Miêng tiếng cười mà những người đi ăn cây nói đó là tiếng cười của bạn bè anh. Những thằng bạn đã chết trong một buổi chiều, mà những người bên kia cánh rừng đã bắn pháo tới. Trong buổi chiều hôm đó anh cũng đã ngất đi mấy lần vì bị thương. Giấc ngủ của những đồng đội của anh cũng như vết thương trên cơ thể của anh vẫn còn hằn sâu trong tâm thức. Làm sao mà quên được. Mỗi lần trời trở gió, những vết thương cũ lại hành hạ anh, không sao chịu nổi. Những vết thương đó, và những cái chết của đồng đội anh đó, nào ai biết được.

(trang 153)

...Những đêm trăng sáng, anh thường hay ngồi im lặng trước sân nhà nhìn lên đỉnh đồi. Nơi đó những cây đào bắt đầu lên cao. Trong tiếng gió rít mạnh ngang qua vùng đồi, lúc nào anh cũng nghe như có tiếng gọi của đồng đội anh. Mỗi lần nghe như thế, anh lại lên đồi cùng với hai con chó như hai người bạn thân của anh, quán quít. Có lần ông Miêng lên thăm anh và ở lại. Tiếng gió vẫn rít qua vùng đồi vào mỗi đêm, và anh lại lên đồi cho tới khuya mới trở về ngôi nhà lá, mặc cho ông Miêng có trong ngôi nhà đó. Khi anh trở về, ông hỏi:

- Mày làm gì đi lên đó khuya dữ vậy?

- Lên thăm mấy đứa bạn.

- Có ma nào trên đó mà mày đi thăm.

- Họ thức dậy trên đó vào ban đêm mà. Bác làm sao hiểu được.

- Coi chừng mày bị bệnh đó. Tao đã nói với mấy đám thợ rừng thường nói vùng đồi này có ma.

Anh chẳng nói, trở lại nằm nơi chiếc võng. Hai con chó cũng nằm phục dưới chân anh. Ông Miêng tới bên cái bếp khươi cho ngọn lửa cao thêm để nấu ấm nước. Ông nói:

- Mày phải uống chút gừng cho ấm bụng kẻo bị sương rừng. Thường hay đi ban đêm như vậy không tốt đâu.

Tiếng gió lại rít mạnh len qua kẽ vách. Anh ngồi dậy trên chiếc võng, hỏi:

- Đó. Bác có nghe gì không?
- Tao có nghe gì đâu, ngoài tiếng gió. Tao đã nói với mấy vùng này là vùng gió mà.  
(trang 157)

Vâng, không ai có thể tin được. Nhưng người thương binh của chúng ta đã làm được. Và chỉ có người lính VNCH mới có thể làm được. Vì sao. Vì mỗi tác đời đã thấm máu của bạn bè, đã thấm sâu tình sống chết thủy chung:

*...Anh đang nghĩ về ngôi nhà mà anh phải dựng. Phải rồi, phải dựng ngôi nhà ngay bên cạnh con đường nhỏ này đây. Con đường duy nhất để cho những người lính ngày nào đi lên, đi xuống. Hay những buổi chiều chạng vạng xuống đồi để kích đêm. Đêm nào cũng thế, những người lính lại âm thầm đi ăn đêm. Những tọa độ kích đêm được ông Ngo đánh dấu cẩn thận trên tám bản đồ hành quân để báo về cho thẩm quyền. Những đứa con đi ăn đêm, sáng hôm sau trở về vùng đồi trong cái ướt sũng của sương rừng, với những hơi thuốc lá, và tiếng nói cười râm rạng trên con đường mòn dẫn lên đồi. Ngày nào anh cũng đứng chờ những người bạn của anh, qua một đêm kích biết sống chết ra sao: Ô Tụi mày còn sống trở về, tao đang đợi tụi bây đây Ô . Nhưng hôm nay không còn nữa, im ắng quá. Tiếng cười tiếng nói ngày nào đâu mất hết rồi, chỉ còn lại có mình anh với tiếng gió rít qua vùng đồi không thay đổi.*

Ông Miêng, đứng bên cạnh anh , nói:

- Mày vẫn không thay đổi ý định lên trên đây.
- Không.
- Định trồng cái gì trên vùng đồi này để sống?
- Đào lộn hột. Bác thấy sao?
- Bao giờ mới phủ xanh hết ngọn đồi , mày?
- Một năm, hai năm không biết chừng. Tôi sẽ và sẽ trồng, bác xem.

Tác phẩm Lão Ngư ông và Biển cả của Hemingway được đánh giá cao bởi vì tác phẩm đã nói lên sự chiến đấu và cả sự thách đố của tuổi già, mà lão đánh cá đại diện, trước những thử thách của biển cả và cá mập. Cái lớn của tác phẩm là sự thách đố.

Còn Vùng Đồi thì sao? Một người thương binh lên đồi khô trọc để trồng đào lộn hột, để biến đồi thành màu xanh, lại không thách đố à. Ông lão đánh cá dù sao vẫn có kinh nghiệm, vẫn lành lặn tay chân, còn người lính của chúng ta đã mất mát một phần thân thể, lại không có kinh nghiệm trong nghề trồng trọt, như vậy không phải thách đố à ?

Mặt khác, người ta chỉ tìm trong Lão Ngư ông và Biển Cả một cõi trời giông tố và mệnh mông của biển cả, không bờ bến, nhưng ở đây, lại khác. Cả một màu xanh của tương lai.

Cả một cõi triết lý của đông phương kết hợp. Cả tình nhân bản của một con người sống có thủy có chung. Như đoạn kết, người thương binh đưa hai người, một ông lão và một cô gái đi thăm ngọn đồi của mình:

*...Anh đưa ông Miêng và Lài đi một vòng đồi, nơi mà ngày xưa đơn vị anh đóng quân . Anh chỉ cho hai người thấy nơi nào là hố phòng thủ của đồng đội anh. Những hố phòng thủ không đủ để che cơn mưa lửa điên cuồng của những người bên kia khu rừng đổ ập xuống trên một diện tích nhỏ hẹp. Thử hỏi còn có người lính nào chịu nổi. Trong trận pháo đó, anh bị thương nặng, bò ra khỏi miệng hố kêu gọi đồng đội xem có đứa nào còn sống không. Chẳng có ai lên tiếng. Anh chỉ cho ông Miêng và Lài:*  
- Hình như tôi bò ra chỗ này đây.

*Rồi anh ngồi xuống. Ông Miêng và Lài cũng ngồi theo. Nơi đó, bây giờ là cây đào. Không phải một cây mà là một vườn đào đang tỏa một màu xanh bao trùm. Ông Miêng nhìn bao quát trên vùng đồi như tìm một vị trí, rồi nói:*

*- Mai, tao đánh xe trâu chở vật liệu lên đây. Cát cái miếu để thờ.*

(trang 161)

Tập truyện của Phạm Văn Nhân Thư Ấn Quán Hoa Kỳ xuất bản

Liên lạc: POBOX 58 South Bound Brook, NJ 08880

E mail: tranhoaitu@yahoo.com

## Nhớ mùa xuân qua

Đám lính cụt tay có, cụt chân có, lành lặn tay chân cũng có, chiều nào cũng tập trung lại trước sân cỏ của đơn vị 2 quản trị tán ngẫu, sau bữa cơm chiều. Đám thương binh tàn phế này đang chờ đợi giấy tờ để trở lại đời sống dân sự. Đám lành lặn tay chân cũng đang chờ đợi nhận sự vụ lệnh đáo nhậm đơn vị mới, tiếp tục cuộc chiến. Thằng lành thì tiếp tục cuộc đời quân ngũ. Thằng què thì trở về làm lại cuộc đời sau trận đánh cuối cùng để giã từ vũ khí. Có nhiều lý do để những người lính này vào đơn vị 2 chờ đợi. Đa số là những người lính còn trẻ, có thằng vừa rời khỏi ghế nhà trường. Trong số những người lính trẻ này có thằng chuẩn úy Bảy, nhỏ con lại cận thị. Trước khi vào đơn vị 2 để nhận lệnh đi đơn vị mới, nó đã ở quân lao Nha trang gần ba năm. Ba năm trong quân lao, đủ để nó nhìn thấy tại sao quân đội lại có nhà lao này. Nhà lao chứa đủ thành phần lính. Lính chủ lực. Lính địa phương. Mà đa phần là lính tác chiến ngoài trận địa. Nó nhìn thấy lính văn phòng ít ỏi hơn trong đám quân phạm chung quanh nó. Và có cả mấy quan lớn tham nhũng nữa. Trong quân lao đám quân phạm này xem thường mấy tên quan tham nhũng, bởi vì họ là dân đánh giặc. Đánh giặc thì chẳng có đồng tiền nào dư dả để đút lót cho quan, về làm chỗ tốt. Nhưng cuối cùng thằng Bảy lại vào quân lao, chờ ngày ra tòa án binh, với tội danh cãi lệnh hành quân.

Buổi chiều, ngọn gió xuân làm lay động nhẹ những khóm hoa cúc, hoa vạn thọ mà mấy người lính cơ hữu trong đơn vị trồng trước doanh trại. Có những khóm hoa nhỏ nhoi như thế này trong một trại binh để cho những người lính nhìn để chịu một chút, hơn là cứ nhìn đầu đầu cũng thấy lính. Mà lính trong đơn vị này chẳng may mắn chút nào, không giống như một trại binh bình thường khác. Những đóa hoa cúc vàng tươi hay những hoa vạn thọ báo hiệu mùa xuân sắp về. Xuân về tết đến với bao sự mong chờ của mọi gia đình. Trong đó có mẹ thằng Bảy cũng đang chờ đợi nó. Bốn năm vào lính, từ lúc ra khỏi trường, nó chưa một lần về thăm bà. Bốn năm, có bao nhiêu tháng ở đơn vị đầu. Với chức vụ trung đội trưởng lèo tèo 13,14 thằng lính đi đóng đồn, trên ngọn đồi gió thổi quanh năm suốt tháng, ở cái quận An Phước khô cằn, mà phần đông là người dân Chăm. Địch muốn nhổ cái đồn này với nhiều đó người lính bằng những đợt pháo của cối 82. Cấp số của địch nhiều quá, gấp trăm gấp ngàn lần, làm sao trung đội của nó chịu nổi. Xin lệnh rút không cho, nó tự ý rút quân để bảo toàn đơn vị, thì bị tống vào quân lao, can tội cãi lệnh hành quân. Mẹ nó ở nhà chẳng hay biết, tưởng thằng con vẫn còn ngoài chiến trận. Mấy thằng anh của nó cũng chẳng hay nó vào tù. Đời lính mà, ít có khi nào về được nhà trong dịp tết. Hôm nay ngồi tán ngẫu với mấy thằng bạn khi nghe gió xuân thổi về trên những khóm hoa, ngọn cỏ, làm lay động những đóa cúc vàng, mặc dù những hoa cúc trong sân trại không đẹp bằng những hoa cúc ở nhà nó năm nào.

Nó nhớ lại những năm còn ở nhà, năm nào nó cũng đi tìm giống cúc đại đóa về để ương cho kịp tết, làm vui cửa vui nhà. Nhất là làm cho mẹ nó vui. Ngược lại mẹ nó cũng vậy khi nhìn nó

chăm sóc từ lúc cúc còn cây con cho đến khi đám cúc lớn, đơm bông. Sự chăm sóc tỉ mỉ của nó từ ngày này qua ngày khác trên vùng đất nhỏ dùng để ương giống cây. Ngồi nhìn nó làm với bao thích thú. Có lần mẹ nó nói : " Năm nào tao thấy mày cũng cực với loài hoa này. Để gần tết, ra chợ mua có khỏe hơn không ". " Mẹ nghĩ, loại cúc này đâu có rẻ. Mà mình có đủ tiền để mua nó không. Tranh làm sao nổi với bọn nhà giàu ". Mẹ nó không nói. Thôi thì nó thích để nó làm. Những bông cúc trước doanh trại làm nó nhớ lại những kỷ niệm mấy năm về trước. Mới đây bốn năm thôi, mà thấy sao xa quá, từ lúc nó nhận lệnh đi trình diện. Nó định dẫu mẹ nó tờ giấy gọi, sợ bà buồn. Nhưng cuối cùng rồi nó cũng nói cho mẹ nó hay ngày nó lên đường nhập ngũ. Bà buồn, nhìn ra miếng đất nhỏ của nó như một vườn ương riêng biệt của nó cho mỗi mùa. Có khi là cà. Có khi là ớt. Rồi lại là hoa cho mỗi độ xuân về. Nó nhìn mẹ nó, hiểu mẹ nó nghĩ gì. Nó nói: " Thôi mẹ. Thời buổi chiến tranh. Tránh sao cho khỏi ". Mẹ nó nói : " Nhà có hai thằng con lớn vào quân đội. Bây giờ lại tới mày. Không hoãn dịch được sao ". " Làm gì được mẹ. Mình còn thằng út ". " Nói tội vong linh của ba tụi mày, khi ông còn sống, ông khai tuổi thật xuống cho hai thằng con đầu để tụi nó khỏi đi lính. Nào ngờ hai thằng con lớn đã đi, rồi bây giờ tới mày ". " Chiến tranh dai như đĩa muối, làm sao tránh khỏi hả mẹ. Con như ba, không cần phải khai tuổi sụt xuống làm chi ". Mẹ nó cười: " Mồ tở mày. Mày nói cái gì con như ba ". Nó nhìn mẹ nó cười. Ngày ra đi, mẹ nó tiễn ra bến xe đò với thằng em út. Bốn năm, từ lúc ra trường mang lon chuẩn úy. Nó chưa về thăm mẹ nó lần nào. Bây giờ, chờ đợi nơi đơn vị 2, gió xuân lại về làm lay động những khóm hoa vạn thọ, hoa cúc làm nó nhớ đến mẹ nó với cái vườn ương cây của nó ở sau nhà.

Những người bạn mới quen từ trong đơn vị này, đứa nào cũng mang trong lòng một tâm trạng riêng. Có lẽ không đứa nào giống đứa nào. Nhưng tựu trung, đứa nào cũng nghĩ phải chi còn lành lặn chân tay, trở ra chiến trường lại tốt hơn là trở về với thân thể này, biết làm gì để sống. Thằng Bảy thì chẳng nghĩ gì khác. Nó biết nó phải đi đến một đơn vị mới. Tác chiến.

\*\*\*

Đám lính đang ngồi tán ngẫu dưới hàng cây me. Chiều bắt đầu xuống bên kia rặng núi xa. Trong đơn vị những bóng đèn cũng được thắp sáng trên lối đi. Gió vẫn thổi nhẹ trên những khóm hoa như ngày nào tụi nó vẫn ngồi chờ đợi, tán ngẫu, để chờ một ngày nào đó rồi lại chia tay. Chiều xuống thật mênh mông, buồn tẻ. Đám lính độ vài ba thằng, giờ này cũng chẳng muốn về phòng. Ngồi bên ngoài thấy thoải mái hơn là vào nằm trong dãy nhà tiền chế, chờ đợi một tờ giấy từ văn phòng của bộ chỉ huy. Đang ngồi chơi trên sân cỏ thì một người sĩ quan trong đơn vị đi ngang qua, nói:

" Anh em có nghe gì chưa? "

" Có chuyện gì thế, trung úy " Một người lính hỏi.

" Hiệp định hòa bình ký rồi. Không còn đánh nhau nữa "

" Thật không trung úy. Sao tôi nghi quá. Tin không nổi đâu trung úy ơi".

" Thật mà. Tôi mới nghe đài BBC nói khi sáng. Có hiệu lực từ tháng giêng Tây".

Thằng Ngãi cụt chân, chống cây nạng gỗ đứng dậy, dựa lưng vào gốc me, hỏi:

" Nghe ông nói, tụi mày buồn hay vui tụi bây "

Thằng Vân bị bệnh đái đường nhiều năm, sau nhiều lần nằm điều trị tại quân y viện, cuối cùng được ra hội đồng y khoa cho giải ngũ, nói:

" Mừng cái chó gì. Để tụi mày xem, rồi còn đánh nhau nữa".

" Tao thì buồn. Bảy tám năm trong quân đội. Lội từ miền cao xuống đồng bằng, cuối cùng thì bị thương cưa chân. Nay nghe ông trung úy nói hiệp định ký, có hòa bình, tao chẳng biết về đâu sau cái tết này". Thăng Từ than.

" Sao mà thảm vậy? Chứ quê mày ở đâu. Làm gì cũng còn có mái nhà để trở về chứ.". Vân đái đường hỏi. Hỏi xong, nó huýt sáo một đoạn trong bản nhạc về dưới mái nhà xưa.

" Bình Định. Nhưng phải ở thành phố đâu. Miệt quê mà. Tụi mày mà nghe nói là đã nổi gai ốc rồi "

" Địa danh nào gồm dữ vậy "

" Xã An Thường. Ngày xưa là địa danh của quân khu 5 của tụi nó. tao sợ xóm làng của tao, nếu tao trở về.

" Mẹ ơi! Vậy là bố mày là Vi Xi "

" Đừng giỡn. Nhột. Bố tao là Vi Xi, làm sao tao là lính của miền Nam "

" Hút mẹ gì. Mày cứ khai là bố chết. Có thằng an ninh nào biết được khi mày nhập ngũ".

" Bố tao là xã trưởng. Nó treo giá cái đầu ông bằng tiền, mà chưa cắt được. Tụi bây đừng tưởng bở".

" Có lính của mình đóng quân ở làng của mày. Sợ gì. Nếu hiệp định đã ký rồi, nó dám đánh không". Thăng Vân đái đường nói.

Nghĩ rồi, nó chán nản nói: Cái bịnh của tao sẽ làm được gì, sau khi giải ngũ. Chẳng lẽ lại trở về nằm chờ chết bên cạnh bà mẹ già.

Hết thằng này nói, tới thằng khác nói. Nghe ông trung úy trong trại nói, chẳng có đũa nào vui. Hiệp định ký vào mùa xuân. Nay mai tiếng súng không còn nổ trên trên phần đất nhiều nhường này. Đáng lẽ phải vui lên chứ. Nhưng thằng nào rồi cũng bi quan. Chỉ có thằng Bảy là không góp ý, nằm dài trên đám cỏ trước doanh trại. Gió mơn man trên da mặt. Nó đang nghĩ đến những ngày sắp tới. Ngưng bắn vào dịp xuân. Phải chi bây giờ nó nhận được tờ giấy đi trình diện đơn vị mới, dù về vài ba ngày trong dịp tết, thăm bà già rồi nấu cho bà già nồi bánh tét, như những năm còn ở nhà. Năm nào, mẹ nó cũng ngồi cặm cụi đái nếp, nấu đậu làm nhưng. Những tàu lá chuối sau nhà được rọc xuống, xếp lại cẩn thận để lo cho những đòn bánh cúng ông bà. Từ lúc hai người anh của nó vào lính, năm nào nó cũng thủ nấu nồi bánh tét vào đêm hai mươi chín sáng ba mươi. Bốn năm rồi nó không còn làm việc này để giúp cho mẹ nó. Nay nghe nói hiệp định ký, dù gì tết năm nay vẫn yên ổn hơn. Không như năm sáu tám, nồi bánh tét đang sôi, lửa đang cháy rần trong lò thì súng nổ nửa đêm. Lúc đầu tiếng súng còn lẻ tẻ, nhưng sau nổ liên hồi. Nó nghĩ, ngưng bắn cho ba ngày tết mà sao lạ vậy. Thằng anh thứ năm lợi dụng có hưu chiến trốn đơn vị dù về nhà chơi vài ba ngày rồi sẽ ra lại đơn vị. Thấy thằng con thứ năm về, mẹ nó mừng quá đỗi. Năm nay nhà mình ăn tết lớn, dù thằng anh lớn không về, còn bận đâu ở miệt Qui Nhơn. Nghe súng nổ, trong nhà tưởng đâu là dưới đòn lính bắn vui chơi. Nào ngờ lối xóm nói: Việt cộng về. Chạy bà con ơi. Thế là nhà cửa bỏ đó mà chạy. Thằng anh thứ năm của nó đi vào trong nhà lấy khẩu súng ra. Mẹ nó la như nhà cháy: Tao lạ mày, tụi

nó mà biết mầy là lính là cả nhà chết hết. Thế là ai cũng bỏ nhà chạy về phố lánh nạn. Cửa nhà bỏ ngõ. Khói nhang vẫn còn nghi ngút trên bàn thờ. Nồi bánh tét mà thằng Bảy thủ như mọi năm, lửa củi vẫn cháy. Thây kệ, cứ chạy thoát thân.

Vừa chạy giặc trên đường, bà con ai cũng nói: " Tét nhất linh thiêng thế này mà sao họ đánh ". Có người rành vấn đề hơn: " Hưu chiến mà sao kỳ vậy ". " Thôi cha ơi. Đừng nói nữa. Việt cộng mà tin sao ". Thế là từ cái tét năm đó, ấn tượng hưu chiến hay ngưng bắn không bao giờ có xảy ra trong đầu óc của nó. Khi trận đánh đã yên, ai ai cũng trở về lại nhà. Ngôi nhà ngói cũ kỹ của gia đình nó loang lổ vết đạn trên vách tường. Trong nhà còn có hai xác chết. Ai cũng sợ hãi, gọi lính vào đem đi chôn. Cái tét năm 68 không làm cho nó tin là ngưng bắn có thật, dù hiệp định có ký đi chăng nữa. Nó vẫn sợ. Tuy nhiên, ngay bây giờ có tờ giấy ra trình diện đơn vị, nó cũng dù về nhà cho kịp mùa xuân, nấu cho mẹ nó nồi bánh tét như mọi năm nó còn ở nhà.

Ba năm nằm trong quân lao, mẹ nó chẳng hay biết. Cứ ngỡ thằng con chắc còn bận việc binh. Thôi thì xem như vậy, để cho mẹ nó khỏi bận lòng với tuổi già bới xước thăm nuôi, đi hết đoạn đường dài hàng mấy trăm cây số bằng xe đò. Trong quân lao, nó lại được anh em quân phạm thương nhiều, vì biết hành động của nó làm, mà cấp trên của nó không hiểu, cứ cho là cãi lệnh hành quân rồi còn hành hung quận trưởng. Quân cảnh tư pháp chẳng cần điều tra, cứ trên nói sao nghe vậy chẳng cần tìm hiểu nguyên do trận đánh. Thế là tống nó vào quân lao. Vào quân lao, nó mới thấy lính ngoài tác chiến bị nhốt nhiều hơn là những người lính thuộc diện con ông cháu cha núp bóng ở văn phòng. Với nó, cấp bậc nhỏ nhen, nắm trung đội trưởng khoảng gần năm, chỉ có 13,14 thằng lính. Chàm có, Việt có, Thượng có. Thế mà nó hiểu từng người. Còn cấp chỉ huy cao hơn nó sao không chịu tìm hiểu tâm lý của người lính thuộc hạ dưới quyền của mình. Người lính ngoài mặt trận hành quân liên miên, lâu lâu mới trở về hậu cứ một lần. Vợ con của họ đâu có ở đó. Buột lòng phải dù vài ba ngày rồi lại trở ra. Đơn vị đi hành quân, thiếu lính, đơn vị trưởng báo cáo đào ngũ, tống cho quân cảnh tư pháp. Quân cảnh tống họ vào quân lao. Cửa quân lao lúc nào cũng mở rộng, chờ ngày ra tòa. Có lần nó nhìn thấy tòa kêu xử cả hai xe GMC quân phạm. Lần nào gọi ra tòa xử, đám quân phạm cũng cười giỡn khi có lệnh gọi. Nặng thì lao công chiến trường. Nhẹ thì ra đơn vị khác. Thằng Bảy không thuộc dạng lính đào ngũ, mà nặng hơn: Cãi lệnh hành quân, để địch chiếm mục tiêu. Ngày gọi nó ra tòa án binh, nó vui vì được anh em quân phạm chúc nó may mắn. Một là tiếp tục nằm quân lao cộng thêm vài ba năm tù ở nữa. Hai là ra đơn vị mới. Khi ra tòa, về lại quân lao, nó kể cho mấy thằng bạn nghe:

" Quan tòa hỏi tao sao dám cãi lệnh hành quân. Tao nói là không cãi lệnh. Ông hỏi tao sao biên bản làm như vậy, như vậy. Tao nói tao không biết, do quân cảnh tư pháp thụ lý. Tao nói lên sự thật của trung đội đi đóng đồn. Đem đó địch tấn công, có cả cối 82. Đơn vị chỉ có một trung đội không đủ cấp số. Xin rút để bảo toàn quân. Quận không cho, bắt buộc nằm lại để chiến đấu, mà chẳng có kế hoạch nào để yểm trợ cho tao. Tao tự động rút quân, bỏ tiền đồn để bảo toàn tính mạng những người lính. Rồi quan tòa hỏi tao sao dám hành hung quận trưởng. Tao cười với ông: Quan tòa nghĩ xem, tôi nhỏ con thế này sao dám hành hung ông. Ông ngồi nơi quận đường có lính hầu người hạ. Ra vô vài ba lớp cửa, sao dám đụng. Đụng tới ông, cận vệ của ông đã bắn tôi chết rồi, còn đâu quan tòa xử. Cả hội trường cười. Sau khi nghị án, có lẽ nhờ mấy quan bồi thẩm mà tao nhẹ tội. Tòa kêu án tao hai năm. Tao nằm trong quân lao ba năm, thừa một năm để truy lãnh với cấp bậc của tao.

Bây giờ nghe nói hiệp định ký vào mùa xuân, nó không mong gì hơn là về thăm mẹ nó, trước khi ra đơn vị mới. Tụi nó có đánh thì đánh. Nghiệp binh. Ăn cơm chúa thì phải múa thôi. Nó nghĩ như vậy.

\*\*\*



Rồi những mùa xuân kế tiếp. Hiệp định đã ký lâu rồi, trải qua mấy năm. Người lính vẫn khoác chiếc áo trận, vói ba lô gạo sậy. Thằng Bầy sau khi nhận lệnh đi ra sư đoàn 2, nó ra quốc lộ 1 đón xe đò về thăm mẹ nó. Mẹ nó cứ ngỡ nó về từ mặt trận. Bà nhìn nó chẳng có lạ gì. Cũng cái thằng như ngày nào chẳng lớn hơn chút nào cả. Nhưng sau đó, bà hỏi:

" Sao mày hút thuốc nhiều vậy, bệnh đó nghe".

Nó cũng chỉ cười. Bà nói:

" Nếu được mùa xuân sang năm mày về tao dẫn mày đi hỏi vợ. Chờ nó tốt nghiệp sư phạm, tụi mày làm đám cưới tốt hơn. Tao cũng đã bàn với mẹ của nó rồi".

Nghe mẹ nó nói. Nó cũng chỉ cười:

" Con nào vậy mẹ. Bộ mẹ muốn người ta trở thành bà góa. Mẹ mang tội đấy".

Mẹ nó buồn:

" Tụi mày hay nói gở. Chứ thằng anh cả mày đó có sao đâu, cũng lính tráng có vợ có con đàng hoàng. Chẳng lẽ thằng lính nào có vợ cũng thành góa hết sao. Tao thấy nó thường lên thăm tao, hay hỏi thăm mày có thư từ gì về không. Ba năm, tao không thấy mày gửi về cho tao một lá thư nào cả. Tao nghĩ mày gửi cho nó. Hỏi nó. Nó nói không. Sao mày tệ vậy".

Nghe mẹ nó nói. Nó thấy thương mẹ nó. Ba năm ở trong tù mẹ nó chẳng hề hay biết. Cứ tưởng thằng con còn tự do bên ngoài. Bà nhìn thằng con, rồi hỏi:

" Mắt mày cận nặng như thế làm sao đi hành quân. sao không xin người ta về làm ở văn phòng. Đem hôm tăm tối, rớt mắt kính thấy đường đâu mà mò".

" Mẹ tưởng xin về văn phòng dễ lắm hả. Có điều, mẹ đừng nói với con Minh là có con về. Thăm mẹ vài hôm rồi đi".

\*\*\*

Ngày ở đơn vị 2 ra, trở về thăm mẹ nó lần đầu và cũng là lần cuối. Mùa xuân năm đó, hiệp định ngưng bắn ký, bắt đầu có hiệu lực vào tháng giêng. Nó về thăm mẹ nó vài ngày rồi ra đi. Rồi lại cũng vào mùa xuân hai năm sau, mẹ nó nhìn thấy lính ở đâu chạy về ngang qua thành phố của bà ở nhiều quá. Chẳng những lính mà còn vợ con của họ nữa. Sau nhiều quá vậy. Thành phố biển của bà mấy ngày nay trở nên rộn rịp. Hết người dân ở những thành phố khác tới. Rồi dân chung quanh lại nói ra nói vào. Bà nghĩ đến mấy đứa con của bà. Để rồi bà nhìn những đứa cháu đi lính gần nhà, sao bà vẫn thấy như có cái gì đó vội vã. Hỏi, chẳng có đứa nào trả lời. Nhưng bà biết chắc hai bên lại đánh nhau. Bà nghĩ: Sao lạ, cứ mỗi lần xuân về, lại đánh nhau như thế. Hiệp định nghe nói đã ký lâu rồi mà, sao chưa thấy hòa bình, mà cứ đánh nhau mãi thế này. Ba thằng con đi lính xa lại không về lúc này, trong cái ồn ào của những người lính từ ngoài chạy vào. Bây giờ thấy lính tráng, vợ con của họ chạy giặc như thế, bà lo cho mấy thằng con của bà.

Buổi trưa, cơn sốt của đoàn người lính cư từ các tỉnh ngoài ồ ạt vẫn tiếp tục đổ vào thành phố, thì bà nghe tin thằng Bầy, con bà chết. Có người từ dưới tiểu khu lên cho hay để bà chuẩn bị nhận xác con. Bà nghe tin nó chết. Bà cũng chết điếng theo. Bà con lối xóm xúm lại người cạo



gió, người giật tóc mai cho bà tỉnh dậy chờ người ta mang xác con bà trở về.

Mùa xuân. Tự nhiên bà nghĩ tới mùa xuân bà sợ. Theo như người ta sau một năm làm việc mệt nhọc, xuân đến, tết về, mọi nhà quây quần lại với nhau đoàn tụ. Còn bà, bà lúc nào cũng thấy chán chường. Sau cái chết của thằng Bầy một tháng. Hai thằng con lớn đi lính cũng trở về. Bà nghe người ta nói thống nhất đất nước rồi. Chiến tranh không còn nữa. Ai nấy lo trở về đất cũ làm ăn. Bà chẳng thấy xuân đoàn tụ đâu, trở về đất cũ làm ăn đâu, mà thằng con đầu mới trở về gặp mặt vợ con chưa nói được lời nào, thì đám du kích đã vào nhà bắt đưa lên mặt khu Cà Tót.

Bà đâm ra sợ mùa xuân. Cái mùa xuân năm 1975 đó.

## Trong khoảng trời chiều



Thư quay qua người trung sĩ dặn dò một vài điều cần thiết trong đêm. Tiếng người trung sĩ dạ nhỏ rồi xách súng đi xuống những bậc thềm của ngôi nhà gạch đỏ nát.

Buổi chiều sắp lặn sau những hàng tre bên kia sông. Dòng Cà Ty trước mặt anh như sắp chìm lẫn vào trong bóng đêm mất hút. Thư mời tiếp điếu thuốc đi vào trong ngôi nhà gạch. Ngôi nhà bỏ hoang có lẽ đã lâu lắm cho nên có mùi âm ẩm của mốc meo. Một mùi ẩm nghe khó chịu và lạnh như trong nhà mồ. Anh hỏi người lính xem còn có cây đèn cầy nào không. Hấn lục trong xách ba lô và lấy ra cây đèn cầy. Thư mời lửa. Ánh sáng từ cây đèn cầy rọi hắt vào những gương mặt bơ phờ, mờ ảo. Vách tường loang lổ những vết đạn. Từng mảnh vôi tróc ra để lộ những viên gạch màu đỏ sẫm, sần sùi. Không gian thật âm u trong ngôi nhà hoang này. Âm u như trên từng gương mặt của những người dân vừa mới bắt được khi chiều.

Ông trung sĩ Ba kéo cái ghế đầu mà ông tìm thấy đâu đó đến cho Thư. Anh ngồi xuống ghế và hỏi:

- Anh cho anh em canh gác cận thận chưa?

- Dạ, xong hết rồi thiếu úy.

Anh yên tâm đám lính của mình. Và mong sao đêm qua nhanh. Bây giờ anh mới nhìn những người ngồi trước mặt anh. Những gương mặt mét xanh. Những cặp mắt lạc thần, âm u không còn cái lạnh lẽ. Thư hỏi người đàn bà có chữa ngôi trước mặt anh bên cạnh người con gái có mái tóc dài mà hồi chiều anh không để ý đến những người bị bắt. Anh chỉ nghe trung sĩ Ba nói lại là bắt được gồm 20 người. Anh báo về ban chỉ huy xin lệnh. Hãy tìm một nơi nào đó giữ họ và chờ ngày mai. Đêm nay, 20 người ngồi trước mặt anh. Hai mươi con người như anh, từ lâu, đã bị loại. Anh hỏi người đàn bà có chữa:

- Tôi nghe ông trung sĩ nói chị không chồng sao có chữa. Tôi hỏi thật, chồng chị đâu?

- Trăm lạy quan thầy, em nói chồng em đi lính quốc gia.
- Chồng chị đi lính sao chị không theo chồng mà lại ở trong vùng bị chiếm?
- Dạ, con nghe nói anh đi lính ở đâu ngoài Bình Định.
- Ở xa như vậy mà sao chị mang thai 5,6 tháng?

Một vài tiếng cười của anh em lính đứng gác gần đó. Người đàn bà nghe hỏi, cúi xuống mân mê vạt áo bà ba đen, đôi dép trong chân của chị buông ra trên nền nhà ẩm. Phú ngồi bên cạnh Thư nóng nảy, nói:

- Thiếu úy để cho tôi. Đ. m giờ này mà còn nói láo. Chồng nhảy núi thì nói nhảy núi đi lính quốc gia! Đ. m đi lính cho vẹm thì nói ngay cho rồi...còn cô kia?
- Ông gọi tôi. Người con gái ngẩng đầu lên hỏi.
- Cô làm cái gì trong vùng này.
- Tôi không làm gì hết.

- Mày lại bướng với tao phải không? Thiếu úy cho tôi mang nó ra ngoài là nó khai ngay thôi.

Thư ngồi im lặng trên chiếc ghế đầu hút thuốc. Dựa lưng vào vách tường. Bên ngoài trời tối đen như mực. Anh tự thấy chưa bao giờ anh sợ bóng đêm như hôm nay. Anh cố nhắm nghiền đôi mắt mơ màng bên khói thuốc lá...Anh thấy ghê tởm câu nói của Phú: mang nó ra ngoài là nó khai ngay thôi. Anh hiểu câu nói ấy. Giá lúc này anh có rượu để uống một cốc. Anh im lặng không thể nào trả lời câu hỏi xin của Phú. Một tiểu đội trưởng gan dạ trong đơn vị của anh. Bantay phải anh vượt nhẹ trên báng súng M.16. Một sự im lặng nặng nề trong ngôi nhà gạch bỏ hoang này. Anh không ngờ Phú lại có ý nghĩ tán tận lương tâm đến như thế...Vết thương lòng lại trở về với anh. Phú dục:

- Sao thiếu úy. Cho đàn em trị nó đi chứ?

Người con gái lại càng thấy sợ hơn khi nhìn Phú dữ dằn. Anh nhìn người con gái rồi nhìn Phú, nhìn trung sĩ Ba. Anh lắc đầu, rồi nói: để đấy cho tôi. Mai chuyển họ về ban chỉ huy rồi sẽ rõ. Thư không thể nào chấp nhận, cái lối chấp nhận của những tên Tây đen rạch mặt của hai mươi mấy năm về trước... Má anh đó. Di của anh đó. Em của anh đó. Những gương mặt nhớ nhợt của những tên Tây đen rạch mặt năm nào như sống lại...Anh còn nhớ một buổi sáng trên rẫy nương, thấy Tây lên cả nhà chạy không kịp nên phải trốn vào bụi dúi bên một cái gò mối. Thế mà Tây nó vẫn thấy bắt hai người ra khai thác rồi thay phiên hãm hiếp. Hơn mười một thằng Tây thay phiên nhau thỏa mãn thú tính xong thì cả mẹ, cả dì và cả em của anh nữa cũng chỉ là cái xác không hồn. Hình ảnh của mẹ, của em vẫn còn đó thì

anh không thể nào thỏa mãn sự yêu cầu của Phú. Bỗng dưng nước mắt của Thư như ứa ra. Anh đứng lên, nói:

- Không, không được. Chúng ta không có những hành động khai thác như vậy. Các anh hãy nghe tôi. Các anh hãy để tôi yên. Thư nói có vẻ vừa hằn học vừa tha thiết.

Trung sĩ Ba biết tánh anh, im lặng. Còn Phú cũng vậy. Sự im lặng trở lại trong ngôi nhà hoang đầy bụi nhện. Lòng anh se lại như một buổi sáng nào đó trên rẫy nương. Anh quay qua người trung sĩ Ba:

- Anh ra xem anh em gác ra sao. Xem chừng đêm nay đó. Còn Phú lấy tên tuổi của những người này hết chưa?

- Xong hết rồi thiếu úy. Mai chỉ có việc giải họ về là xong.

Thư bắt đầu gọi chuyện với người con gái.

- Tại sao cô phải ở trong vùng này để bị bắt?

- Tôi về thăm nhà thì bị mấy ông bắt.

- Cô ở đâu mà về?

- Ở dưới quận.

- Vậy ai là người bà con của cô. Thư hỏi.

Người con gái chỉ vào người đàn bà có chửa rồi nói:

- Chị của tôi đấy. Chị bà con bạn dì ruột.

- Có chắc như vậy không? Thư hỏi.

- Ông không tin tôi đó là quyền của ông, còn tôi có sao nói vậy.

- Cô làm gì dưới quận?
- Đi học. Hôm nay nghỉ về thăm nhà thì bị mấy ông lừa.
- Cô có biết vùng này mất an ninh, sao cô lại còn về.
- Tôi tưởng có Đại Hàn, hơn nữa tôi là gái mà có sao.
- Sao lại không sao. Thời buổi này khổ lắm cô ơi. Giặc giã mà cô.

Người con gái nhìn người đàn bà có chửa rồi hỏi:

- Thưa ông, chị em tôi bị bắt như thế này có sao không?
- Chắc là không sao. Mai tôi đưa bà con về dưới đó có gì khai thật, rồi người ta thả về.
- Dạ, cảm ơn ông.

Người con gái nói xong, cúi xuống vẽ những vòng tròn trên nền nhà trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn cây. Thưa nhìn thấy trên gương mặt âu lo của 20 người. Những người cùng với anh một giọng nói, một màu da, một dòng máu. Những con người cần cù như mẹ anh, dì anh và em anh. Bây giờ những con người đó đang ngồi trước mặt anh, anh thấy cần phải có một cái gì đó để gần gũi. Mẹ chàng? Em chàng? Không, mà là tất cả. Chỉ có chiến tranh mới làm cho con người ta thù hằn với nhau, chứ thật ra những con người này có thù hằn gì đâu. Thưa ngồi xuống hỏi chuyện với một ông cụ đang gồi dựa lưng vào vách, có vẻ mệt mỏi:

- Cụ ở đây hẳn là lâu?
- Dạ.
- Mấy ông trên núi thường có xuống không cụ?
- Ông hỏi mấy ông nào?
- Thì mấy ông Cộng sản đó.
- Ồ! Tưởng ông hỏi ai chứ mấy ông đem lại chẳng xuống. Có khi cả ban ngày.
- Không sợ quốc gia lên sao?
- Quốc gia nào?
- Như tụi cháu đây nè. Tụi cháu là lính quốc gia, lính của đồng bào. Đồng bào không sợ gì hết.
- Sao mấy ông nói mấy ông cũng là lính của đồng bào.

Thưa và mấy người lính còn lại trong căn phòng cùng cười theo câu nói của cụ già. Người con gái cũng ngước đầu lên, hất mái tóc ra sau cũng mỉm cười theo những người lính.

Thưa hỏi tiếp:

- Đồng bào ở đó cực khổ sao không bỏ đi tìm nơi khác làm ăn?
- Bỏ đi đâu nữa thầy. Tụi tôi sống nhờ chút ít đất để lại. Bỏ đi biết lấy gì mà sống.

Xa cái cây cái bừa có nước mà chết đói.

- Thì ở đây cũng chết về súng đạn vậy?
- Quen rồi thầy ơi. Đêm nào cà nông ở dưới quận cũng bắn lên.
- Có khi nào thấy lũ nó chết không? Trung sĩ Ba hỏi.
- Lũ nào thầy?
- Thì bọn giải phóng đó.
- Có chứ.

Thưa nhìn bà cụ ngồi bên cạnh người con gái. hỏi:

- Còn cụ, cụ thích quốc gia hay giải phóng?
- Lão già rồi có biết gì là quốc gia là giải phóng.

Người con gái ngồi bên bà lão cúi đầu xuống, tay vẽ những vòng tròn trên nền nhà trong ánh sáng không được rõ lắm của cây đèn cây. Mái tóc dài phủ trên bờ vai. Anh nghĩ đến Duyên. Nghĩ đến những ngày phép ngắn ngủi. Những buổi sáng trời mù sương hai người đi trên bờ sông. Duyên cũng có mái tóc dài đó. Cũng vóc dáng đó, mảnh mai. Và, đôi mắt. Đôi mắt nhãn lồng đen to. Duyên với những buổi sáng

trời mù sương rồi cũng qua đi với những ngày phép cũng hết, anh trở lại với những cuộc chiến, với xóm làng không có người ở, với những cây dừa khảnh khiu không còn bẹ vì thuốc khai quang...Duyên cũng ở trong vùng bị chiếm, nằng theo gia đình bỏ làng mạc về ở khu định cư bên bờ sông. Giá như Duyên còn ở trong vùng bị chiếm thì làm sao tránh khỏi những cuộc hành quân lục soát bắt bớ, hay phải

chịu những sự đóng thuế cho những người bên kia. Trăm chuyện rồi cũng trút lên đầu lên cổ người dân, Thư thấy chua xót, ray rứt. Rồi những sự tình nghi bắt bớ. Những cái chết xảy ra thật lẫm liệt ở trong thành phố bởi những trái đạn từ bên kia rớt tới. Cuộc chiến lan tràn. Ba ngày trước anh nhận được thư của Duyên cho hay thành phố bị đến 10 trái bích kích pháo. Có một trái rơi xuống mé sông làm chìm một chiếc ghe máy, khá là khu định cư không sao.

Thư mỗi tiếp điều thuốc rồi đứng dậy lấy khẩu M.16. Anh nói với đám người bị bắt hồi chiều: bà con ngồi yên ở đây, ai có đi đâu thì nói với lính gác, kéo không họ tưởng làm bắn chết thì ráng chịu. Xong Thư bước ra. Người con gái đưa mắt nhìn theo chàng rồi tiếp tục cúi xuống vẽ những vòng tròn trên nền nhà gạch xụp đổ.

(Khởi Hành, tháng 1.1970)

## Qua “Màu thời gian” Mang Viên Long

Tôi nhận được tập truyện “*Màu Thời Gian*” của Phạm Văn Nhân “qua tay” của N.L.U. Ngay trang đầu, cậu ấy viết : “*Thay mặt tác giả ở chốn xa xôi, kính tặng anh chị...*”. Nhận được sách, như gặp lại được bạn – người bạn văn đã hơn ba mươi năm lưu lạc xa cách ; bây giờ đang ở bên tôi, trước mặt tôi...

Tôi nhìn tấm ảnh của PVN. ở trang 4 bìa sách – cảm thấy yên tâm, và một nỗi vui mừng vì sự khổ ải đã không làm anh thay đổi bao nhiêu! “*Màu Thời Gian*” gồm 8 truyện ngắn (và 5 bài viết về “*Những người bạn tôi*”). Tôi chọn truyện cuối – “*Vẫn Những Mùa Xuân*” viết về người em trai của PVN – thiếu úy Phạm Bầy, đã chết trước một tháng khi miền Nam sụp đổ; để đọc trước tiên.

Bằng giọng văn thuật chuyện rất tự nhiên, nhẹ nhàng, có chút bi hài, và “phớt tỉnh” – PVN. đã qua sự nhớ tưởng về cái chết của người em trai – và cũng là một chiến hữu ; vẽ ra được toàn bộ thảm cảnh của chiến tranh, từ nhiều góc độ; từ bản thân, gia đình, bằng hữu, tình yêu, cuộc sống. Có thể nghĩ, “*Vẫn Những Mùa Xuân*” không nói đến súng đạn, chết chóc, hận thù, kêu gào (...) nhiều như vài tác giả đã viết về cuộc chiến trước 75; nhưng đã mô tả lại gần như rất đủ, những mảnh đời bi thương, biến động nội tâm – một cách rất thật, rất tình, rất ... thản nhiên! – “*chiến tranh dai như đĩa xôi, làm sao tránh khỏi hả mẹ*”.

-... Bao nhiêu năm trong quân đội. Lợi từ miền cao xuống đồng bằng, cuối cùng thì bị thương cưa chân. Nay nghe ông trung úy nói hiệp định ký, có hòa bình, tao chẳng biết đi về đâu sau cái tết này? “ (trang 90).

Cái tâm trạng chẳng biết “*đi về đâu*”, cuộc đời mình sẽ ra sao, như Tư , như Vân, như Bầy (...) trong cuộc chiến này- nhất là sau 1975 – là của cả một thế hệ – một lớp người được gọi tên là “*kẻ chiến bại*”. Hình ảnh của tương lai, của ngày mai, làm gì có trong chiến tranh – “*Ai vậy mẹ? Bộ mẹ muốn người ta trở thành bà góa. Mẹ mang tội đấy*” (trang 94) – đến cái hạnh phúc tưởng đơn giản nhất (và cũng cần thiết nhất) cho đời người là tình yêu, là một mái ấm gia đình, cũng là điều ... ít ai dám nghĩ đến.

Và như người mẹ già gian truân, khổ ải vì đàn con của Bầy đã rất sợ khi mùa xuân đến (!): “*Mùa xuân. Tự nhiên bà nghĩ tới mùa xuân, bà sợ...*” – “*Bà đâm ra sợ mỗi lần xuân đến!*” (trang 95). Nếu chiến tranh còn, sự hận thù còn – thì cuộc đời, mùa xuân “*Vẫn những mùa xuân*” ảm đạm, đau thương, vô vọng như thế!

Chiến tranh trong truyện PVN – dù là một người lính ngày đêm giáp mặt với những trận đánh, với súng đạn, chết chóc (...); nhưng đặc biệt tác giả ít nói đến chuyện ở chiến trường – có lẽ coi đó là một việc bình thường ; mà chỉ nói đến “*phía sau*”, đến thân phận, với nỗi ưu tư khắc khoải của cả một đời người.

Sự tàn phá nguy hại nhất của chiến tranh không chỉ ở những làng mạc, thành phố bị thiêu cháy, những tổn thất về vật chất ; mà là sự mất mát về con người – làm chai mòn tâm hồn, hủy diệt đời sống tâm linh ; sống trong nỗi bất an; bàng hoàng, vô vọng thường trực. Nỗi kinh hoàng, đốn đau, chán chường này kéo dài, chưa biết đến bao giờ mới thực sự chấm dứt. Truyện PVN thường viết về những hoài niệm như một chút an ủi, một chút nhớ thương, một chút mơ mộng nuối tiếc... Với P.V.N dù là một nơi “*Góc Phố Cũ*” (tr.6) cũng đủ khơi dậy cả một quá khứ mù tăm dài đặc với bao biến động khi trở về : “*Còn sống, nhưng không ai nhìn ra khi lão bước xuống xe lam đứng nơi góc phố cũ. Lão vừa đi chậm rãi trên lề đường vừa suy nghĩ còn ai ở đây để tìm lại thăm*” (tr.8); nhưng rồi “*Thấy cái gì cũng lạ. Lạ lắm. Chỉ có những cánh rừng trước mặt lão là không thay đổi*”. Và sau cùng, “*Tự nhiên những giọt nước mắt của hai người lính già ứa ra trong cái lạnh hây hây của sương rừng!*”.

Cho dầu thực tại là vậy. Là sự trống trải. Là sự bi thương. Nhưng diễm phúc và may mắn thay – người lính P.V.N. trong nỗi bất hạnh cùng cực ấy, đã luôn giữ được tâm tình trong sáng, an tịnh, để “*Tim Về*” (tr.17) để cảm nhận, để thương yêu... Dù mô tả thực tại có phủ phàng đến đâu, PVN. không lớn giọng, không quá bi thương, mà luôn nhen nhuốm những tia sáng ấm áp, lạc quan – để “*sống*” thực cho mình. Thật thơ mộng, êm đềm với “*buổi sáng im ắng nào đó đứng trên nóc lô cốt nhìn dòng sông sau những đêm thức trắng canh giữ chân cầu. Nhìn dòng nước chảy đục ngầu dưới cầu, hấn và những người lính của hấn biết là đêm qua trên thượng nguồn đã có cơn mưa núi*”. (tr.18). Và với P.V.N “*chiến tranh như bị hương thơm của những loài hoa trong vườn nhà Thạch xua đi, chỉ còn lại nỗi thanh bình trong những lối đi mòn qua những câu hát của người cùng đi trốn ngủ!*” (tr.21) – Thật nhạy cảm và lãng mạn!

Sự ly tan trong gia đình người bác, người chị (Một Chút Ngậm Ngùi – tr.27) không phải là ít khi cuộc chiến kéo dài đến 21 năm – “*Chiến tranh kỳ quặt, rõ ràng nỗi da xáo thịt trong ngôi nhà của bác tôi*”. Vợ chồng không dám nhìn nhau, cha con không dám nhận nhau – giữa hận thù vây bủa, phủ chụp lên thân phận con người... “*Tại hấn hay tại ai ? Hấn không đổ thừa cho một ai cả. Tại tai ách lòng trời mới ra nông nổi*”. (Hương Xưa – tr.43). Đó chính là nét đặc thù bi đát nhất của cuộc chiến ở Việt Nam. Trong cuộc sống được tính từng ngày, trong nỗi gian nan kề cận cái chết, “*Hấn*” vẫn yêu, mơ mộng, vẫn hồn nhiên sống cho đời sống hiện tại của mình : Đó cũng là tâm trạng của lớp trẻ miền Nam. Đó là bản năng tồn tại của giới trí thức văn nghệ một thời đất nước chiến chinh, một thời quê hương đổi thay, điêu đảo... Một chút gì của “*Hương Xưa*” (một bản nhạc, giọng hát, góc phố, con đường, chiếc mũ 6 múi, mùi hương hoa sứ, chiếc áo blouse trắng..) cũng là một gợi nhớ miền man, cũng là một niềm an ủi tuyệt vời; tuy rằng “*hấn bấy giờ như cọng cỏ khô trôi bồng giữa dòng kênh nước đục*”(tr.46).

Tính nhân văn trong truyện PVN thể hiện rõ nét trong tính cách, lối sống, nếp nghĩ của nhân vật. Nhân vật Mịch (trong Màu Thời Gian) đã vương lên từ nghèo khó, bằng chính sự rèn luyện, chịu đựng của mình ; nhưng khi đã đạt đến một tình trạng cao hơn ; luôn luôn nhìn lại, nhìn xuống cuộc đời, để xẻ chia, để cảm thông với tất cả – cho dù là một đứa bé. “*Có gì đâu, xe chạy một đôi thì chỗ ngồi cũng rộng thôi. Ông nghĩ như vậy, cho nên dù bị ngồi kẹp giữa những hành khách mà ông lại thấy vui, gần gũi bà con trong gang tấc*” (tr.47). Và “*Thời đó, biết bao nhiêu lần ông hành quân qua những xóm làng, cũng những đám ruộng đó, cũng như ụ rom đó, cũng những con trâu đứng nhìn ngơ ngác những toán lính đi qua. Xóm làng đối với ông nghe sao gần gũi. Như hôm nay cái háo hức như về lại với ông ngày nào...*” (tr.49). Hình ảnh Mịch “*vẫn ngồi bên lề đường, lật từng hạt bắp luộc, nhai chậm rãi như níu kéo lại những con sóng thời gian đã trôi qua đời ông lặng lẽ...*”. (tr.57).

Tôi đọc truyện PVN như để nhớ lại anh, tìm lại hình ảnh của anh, mà đã hơn 30 năm không được gặp lại, thiếu vắng tin tức. Tôi đã thực sự cảm thấy thích thú bởi qua 8 truyện ngắn trong “*Màu Thời Gian*”, truyện nào cũng có thấp thoáng bóng dáng, cuộc đời, tình cảm của anh được ghi lại một cách bình dị, chân thật- giống như con người của anh đời thường. Qua MTG tôi biết rõ thêm một cách sâu đậm về PVN – một người bạn văn mà tôi quý mến. Thêm nữa điều khiến

tôi đọc MTG “một hơi” không nghĩ là sự gần gũi, sự thiết thân của từng nhân vật với cuộc sống của mình. Tôi cảm nhận MTG cả sau, và ngoài những trang viết, bởi vì nó rất giống mình ! “Màu Thời Gian” có đổi thay, có biến động, có là “màu gì” đi nữa – thì đó cũng chính là cuộc đời của PVN , của tôi, của lớp trẻ miền Nam... Phải cần được chia sẻ, cảm thông và trân quý ! Qua MTG, tôi nghĩ – PVN đã tâm sự với chúng ta rất nhiều điều

(...)

## Đất khô, người khô

Tảng sáng sớm, hai bên đường dẫn về ngôi trường xã, sương vẫn còn đọng trên lối đi mọc đầy cỏ dại. Mùa này ban đêm thường hay có những cơn mưa núi. Con đường đất đỏ nhất dọc theo dòng sông dẫn về ngôi trường vừa mới khô hôm qua, thì sáng hôm sau lầy lội trở lại. Nếu những đêm nào trời không mưa, thì sáng sớm lại có sương mù. Sương bao phủ mờ trên những ngọn cây, trên những hàng rào, hay trên những lối đi..... Từ khi có toán lính trên chi khu về đóng đồn ở xóm trên gần sát mé rừng và những ngọn đồi thì sáng nào con đường đất này cũng ồn ào tiếng nói, tiếng cười của những đứa trẻ trong xóm đi tới trường. Tiếng cười hồn nhiên đó như nghe quen thuộc của những ngày nào còn yên ổn, thanh bình. Tiếng keng nhà trường đánh lên nghe sao gần gũi quá của một thời sông nước, xóm làng chưa có chiến tranh. Dạo này ngôi trường của xã được mở cửa lại, dù không thường xuyên lắm, nhưng cũng làm cho mấy bà mẹ vui vì con cái có chỗ để ngồi học, không còn giẫm trên những đám ruộng gần mé sông để bắt những con cua, con rạm.

Sáng hôm nay không như những hôm trước. Lũ trẻ không chịu tới trường mà đứng bu quanh tấm bảng xây bằng gạch dùng để xã ghi những thông báo, hay viết những câu khẩu hiệu. Tấm bảng được xây dựng bên vệ đường từ hồi còn nền đệ nhất công hòa. Hôm nay trên bảng thông báo đó có điều gì lạ đối với lũ trẻ, khi chúng thấy những nét chữ viết nguệch ngoạc bằng loại mực tím không ngay hàng thẳng lối như mọi hôm. Mặc dầu đối với lũ trẻ không lạ gì những lần thay đổi thông báo được ghi trên bảng. Có khi một câu khẩu hiệu sơn bằng loại sơn đỏ, đã đảo phía bên kia của chính quyền. Nhưng rồi cũng có khi câu khẩu hiệu này được cạo vội vàng, viết câu khẩu hiệu khác, đã đảo phía bên này. Những người dân sống hai bên đường đất dọc theo dòng sông thét rồi cũng quen đi, không ai dám nói với ai câu gì, dẫu một lời hỏi han. Cứ làm lơ cho yên chuyện. Lâu lâu có lính từ trên chi khu xuống đóng trên những ngọn đồi, gần cánh rừng thì người dân thấy vui một chút. Chỉ vui âm thầm thôi không dám vui ra mặt, như những tiếng keng của ngôi trường đã bỏ hoang từ lâu nơi bến đò được đánh lên mỗi khi có lính tới, cũng chỉ để làm vui một chút cho những bà mẹ hối thúc con cái mau mau tới trường.

Trong đám học trò ít ỏi của ngôi trường xã đang đứng xem bảng thông cáo rồi bàn ra tán vào đó, thằng Ân chen vào bên trong, đọc lí nhí, rồi đi ra nói nhỏ với thằng bạn của nó:

“ Thôi, đi về mà. Tao sợ có trận đánh thiệt .”

“ Tao cũng nghĩ vậy. Thế nào họ cũng đánh ”.

Tiếng keng từ trường học lại đánh lên chậm rãi, không vội vàng. Lũ học trò vẫn còn đứng bàn tán chưa chịu đi. Những người lính đi kích ở đâu đó trở về thấy lũ trẻ bàn tán trước tấm bảng của xã, hỏi:

“ Tụi bây làm gì mà bu đông thế ? ”

Một đứa trong bọn nói:

“ Mấy chú xem , ai viết gì mà ghê vậy ”.

Người lính nạt lũ nhỏ dang ra, tới gần tấm bảng xem, rồi nói to:

“ Tụi bây tránh xa. Coi chừng mìn ”.

Lũ trẻ sống trong vùng bom đạn đã quen. Nhưng khi nghe người lính nói coi chừng mình là chúng chạy giã ra, đứng bên kia tấm bảng.

Thằng Ân nói với bạn nó:

“ Thôi, đi về ”.

“ Tao cũng vậy ”.

“ Mà cũng sợ như tao? ”

Bạn nó gật đầu. Hai đứa tách rời khỏi đám đông đi trở lại nhà. Mẹ thằng Ân đang cho heo ăn ở sau nhà, thấy nó về, bà hỏi:

“ Sao không tới trường mà về sớm vậy? ”

“ Họ sắp đánh nhau, mẹ ơi. Tụi con sợ . ”

Mẹ nó ngưng đồ cám vào máng cho heo ăn. Hỏi:

“ Sao tụi mày biết? Đừng có nói bậy, nói bạ ở tù đó nghe con. Khổ lắm, thời buổi...”

Nói tới đây, bà không nói nữa như sợ có cái gì đó. Thằng Ân hỏi :

“ Thời buổi gì vậy mẹ? ”

“ Thôi, trở lại trường học đi. Tao nghe có kèng đánh đó.”

Nó vẫn nói:

“ Mấy đứa bạn con thằng nào cũng về nhà hết rồi. Họ nói họ sẽ đánh nhau mà. Đứa nào cũng sợ. Lỡ như có đánh nhau thiệt biết trốn vào đâu. Mẹ thấy đó, trường lớp trống không, cửa sổ đã bị người ta gỡ mất hết rồi, đâu có hầm hố gì. Ở nhà mình còn có hầm để trốn hơn. ”

“ Mà sao tụi bây biết họ sắp đánh nhau. Nói bậy là vô tù đó? ”

“ Họ viết thông báo ngoài cổng kia, mẹ ra xem. ”

Mẹ nó nghe nó nói, ngồi bệt xuống nền đất còn ẩm bởi cơn mưa đêm qua. Bà nghĩ: lạ, làm gì có chuyện đánh nhau mà viết bảng thông báo? Từ lúc Tây còn chiếm đóng cho tới bây giờ, họ đánh thì đánh có thấy thông báo gì đâu. Mấy năm trước, trụ sở xã bị giật sập , có thấy thông báo là họ sẽ giật sập trụ sở đâu. Chiếc cầu gỗ duy nhất bắc ngang qua dòng sông để về phố quận gần trường học cũng bị giật sập. Sáng ra người dân bên này sông đi qua bên kia sông để về chợ quận, thì thấy cầu chỉ còn trơ lại những trụ cầu. Những tấm ván cầu còn trôi bèo bồng trên mặt sông, có thấy ai thông báo là sẽ giật sập cầu bao giờ. Sao hôm nay lại có thông báo cho dân biết có đánh nhau. Bà chịu, không hiểu nổi. Phải chi có thông báo như hôm nay thì chồng bà đâu có chết khi trụ sở xã bị giật sập. Sống nơi cái xã heo hút gần cánh rừng và những ngọn đồi này, bà hiểu nhiều chuyện lắm.

Tiếng kèng lại được đánh lên từ trường học, như thúc dục. Bà nói với thằng Ân:

“ Thôi đi học đi. Mày có nghe tiếng kèng không? ”

Thằng Ân nghe mẹ dục phải đi học. Nó lấy vội cuốn vở nhét vào lưng quần ra đi. Một hồi lâu, nó lại quay về cùng với mấy thằng bạn gần nhà. Mẹ nó ngồi trước cửa, hỏi:

“ Không có học thiệt sao? ”

“ Con đã nói với mẹ mà, cô thầy có ai dám qua sông đâu. ”

“ Sao tao nghe có tiếng kèng đánh. ”

“ Ông Ba già vẫn đánh kèng như ngày nào, mà cô thầy có ai chịu qua sông . ”

Mẹ nó ngồi nhìn ra trước sân. Ánh nắng ban mai còn vương vít trên những nhánh cây trước sân nhà chưa làm tan hết lớp sương trên những đám cỏ dại. Con đường đất chạy dọc theo giong sông để lên xã còn đọng lại những vũng nước mưa đêm, buồn bã.

Bên này sông, những ngọn đồi nối tiếp nhau cho đến tận xóm trên toàn cỏ tranh và lau lách. Thỉnh thoảng lính trên quận về khai hoang vào mùa khô, cỏ tranh cháy rần rần suốt mấy ngày đêm. Và, bên kia sông, con đường trải đá độc nhất nối liền với các quận miền núi được an toàn vài tháng, rồi đâu cũng vào đấy, mất an ninh.

Những đám cỏ tranh được khai hoang, những dãy đồi gần mé rừng được nhìn thấy rõ, quang đãng hơn. Rồi mùa mưa đến, cỏ tranh bắt đầu lú mầm, đêm đêm không nghe tiếng súng nổ mà lại nghe có tiếng man kêu, không biết thật hay giả, thằng Ân vẫn thấy lo khi nằm dưới hầm trên manh chiếu ẩm. Mỗi đêm như thế xuống hầm dù gì cũng an toàn hơn là nằm ngủ trên bộ ván ngựa còn lại trong nhà, kê bên cửa sổ.

Cái xã nơi mẹ con nó ở không được đông đúc lắm, chỉ có những ngôi nhà nằm trên con đường đất dọc theo dòng sông là còn có thể gọi là xóm, là nhà, còn lại thì thưa thớt.

Nhiều khi mẹ nó nghĩ phải đưa nó qua bên kia sông, về sống với cậu nó nơi phố quận, may ra nó còn đi tới trường học đủ giờ đủ lớp được, chứ ở đây nay thế này mai thế khác, cứ lo âu từng phút từng giây, chẳng biết ngày mai.

Ý nghĩ đó, bà quyết định cho nó thôi học trường xã.

\*\*\*

Con đường về quận chẳng xa bao nhiêu, từ bến đò bên cạnh ngôi trường. Người đi bộ khoảng hơn tiếng đồng hồ, nhưng hôm nay nó thấy sao xa quá. Đi bên cạnh mẹ, nó nhìn về phía bên kia sông, vùng đất có nhiều cỏ tranh và những ngọn đồi tiếp với cánh rừng xa xa. Nơi mà nó lớn lên. Nơi mà nó có những thằng bạn chân chất, đầu trần đạp đất, nếu không tới trường để ngồi học thì cũng ra ruộng ra đồng bắt cua, bắt rạm, hay ra sông câu cá. Cái xóm như gắn liền với nó từ khi nó biết chạy nhảy. Bây giờ phải xa, theo mẹ về phía phố quận. Về phố quận, học trường quận, mà nó nghe mẹ nó nói: an toàn hơn. Dòng sông như ngày nào vẫn chảy sau nhà nó, có khi mưa lũ, nước chảy mạnh xoáy vào phía bờ bên kia làm cho dòng nước đục ngầu. Dòng sông như gần gũi với nó hàng ngày. Chiều nào cũng vậy, nó giúp mẹ nó gánh nước từ dưới sông đi lên. Bây giờ không có nó, mẹ nó phải cáng đáng hết mọi việc. Vừa đi, nó vừa hỏi mẹ nó:

“ Con đi, ai giúp mẹ gánh nước tắm heo? ”

“ Thì con cứ lo học đi, việc đó để cho mẹ lo. ”

“ Mẹ cẩn thận đó . Bạc cấp lên xuống bến sông dễ trơn lắm. Không có con ở nhà lo đâu. ”

Bà nghe nó nói, vừa đi vừa nhìn nó. Bà nghĩ: phải chi không có chiến tranh, có lẽ bà cũng có chút hạnh phúc trong cái xã nhỏ bé này. Chồng bà không chết khi trụ sở xã bị giật sập. Bà nhớ, đêm đó một tiếng nổ làm cả xóm thức giấc, một ngọn lửa sáng lên từ phía bến đò, bà đã biết trụ sở đã bị phá sập. Ngày nào cũng vậy, sau buổi cơm chiều, chồng bà cùng vài người khác lại phải ôm mền đi ngủ. Chỉ có chỗ an toàn duy nhất là trụ sở xã, bao nhiêu người cũng về đó ngủ qua đêm. Không ai dám ngủ ở nhà vì sợ chết giống như ông Bảy Khang, cán bộ thông tin xã. Hôm đó ở nhà ông có đám giỗ, bạn bè trong xóm tới ăn nhậu, ông uống hơi nhiều rượu, tối mệt không ôm mền đi lên xã ngủ như mọi đêm. Vậy mà sáng hôm sau người trong xóm không thấy ông đâu. Đến khi thấy ông thì chỉ còn bộ xương bên cánh rừng. Vợ con đem xác ông về chôn trong khu đất. Chôn cất ông xong, một mảnh giấy dán trước cửa nhà, đe dọa. Gia đình ông Bảy Khang sợ quá đi qua bên kia sông, về phố quận.

Bây giờ tới phiên nó, mẹ nó cũng đưa nó qua bên kia sông để tìm chút an toàn trong khu phố quận để cho nó học hành. Nhiều ý nghĩ lẩn quẩn trong đầu nó. Về phố quận có an toàn không? Tới đó nó sẽ gặp lại thằng bạn của nó, con bác Bảy Khang , thằng Trung mà ngày ngày hay đi bắt những con rạm ngoài đồng khi còn ở trong xóm với nó. Đang suy nghĩ thì nghe mẹ nó hỏi:

“ Đi lên con. Chỗ này vắng lắm. ”

“ Cuối tuần con về với mẹ được không? ”

“ Xem có lính không hãy về. Mà thôi, con cứ ở trên đó mà học. ”

“ Gần thôi mà, mẹ. ”

“ Xa, chứ gần gì. Cũng hơn hai cây số. ”



“ Con chạy bộ được mà. ”

“ Nhưng phải xem có an ninh không đã. ”

Con đường về phố quận không xa. Nhưng hai mẹ con đi hoài chưa thấy tới.

\*\*\*

Khác với những ngày nó ở xã, nó cùng với những đứa bạn đứng xem cái bảng thông báo là sẽ có đánh nhau. Nhưng rồi không thấy. Hôm nay, nó lại đứng nghe mấy ông tài xế xe lam nói về trận đánh hai hôm nay trên miệt Gò Bồi. Nó đứng xớ rớ không muốn đi để nghe nói về trận đánh lớn, mà đã hai ngày nay nhiều người bàn tán. Ngay cả ông cậu của nó cũng bàn ra bàn vô về hai ngày này. Chợ búa càng thêm ế ẩm, làm mợ nó không buôn bán gì được bao nhiêu. Nhiều người nói về trận đánh trên miệt Gò Bồi đã cắt ngang con đường dẫn về quận làm cho mấy ông tài xế xe lam không thể chạy được, cũng như mấy gia đình có hàng quán bán ngoài chợ. Họ lo đủ thứ. Một ông tài xế thấy nó đứng nghe chăm chú, đưa tay véo lỗ tai nó, hỏi:

“ Mà làm gì đứng đây. Thằng nhóc. Lấy tin hả. ”

“ Dạ, đâu có. ”

Người tài xế khác nói:

“ Bắt nó giao cho cảnh sát. Tôi nghi cái lũ này. ”

Nó nghe nói, bắt giao cho cảnh sát, nó sợ bỏ chạy. Một ông tài xế xe lam chạy theo bắt nó lại, nó sợ chạy luôn vô trong xóm, trốn về nhà. Về nhà nó nói lại cho cậu nó nghe. Cậu nó dặn:

“ Lần sau không có dại lần quần những nơi đó nữa. Họ tưởng mày làm nội thành cho những người trên rừng thì tàn đời. ”

Những sáng hôm sau đó, nó không dám đi ngang qua bến xe lam để tới trường. Nó phải đi vòng về phía sân vận động để tránh những ông tài xế nghi ngờ nó. Tới trường nó kể lại cho thằng Trung và mấy đứa bạn nó nghe. Có thằng rành việc người lớn, nói:

“ Thời buổi này dễ chết lắm. Chụp mũ là toi đời, nghe mây. ”

Nhưng những tiếng súng trên miệt Gò Bồi vẫn vọng về phố quận, các cô thầy hình như cũng không muốn dạy. Sáng tới trường là bàn tán về trận đánh đó. Có lẽ hôm nay là trận đánh lớn hay sao, như dạo nào nó còn ở với mẹ nó bên kia sông đã thấy dán bảng thông báo. Từ khi nó qua bên này sông để về ở với cậu nó, có hơn 6,7 tháng rồi có nghe trận đánh nào lớn mà người dân phố quận cứ bàn tán mãi như hôm nay. Buổi sáng như mọi ngày tới trường, đám bạn nó lại rủ nó đi về phía chợ tới nghe những ông tài xế xe lam nói về trận đánh. Ông nói thế này, ông nói thế khác, mà thế nào cũng nghe hay, chẳng khác nào như thuở nhỏ nó thích nghe mẹ nó kể chuyện Tám Cám cho nó nghe vậy. Nhưng nó lại sợ mấy ông tài xế thấy nó, rồi nghi ngờ nó. Thằng Trung bạn nó nói: mày đừng sợ, có tao. Rồi tụi nó lại bu quanh những ông tài xế xe lam. Nó nghe nói là xe bây giờ không chạy trên con hương lộ nữa mà phải chạy vòng qua con đường khác ngang qua Thánh Thất Cao Đài, nơi đó dễ bị bắn sẻ, nếu không có lính mở đường. Tụi bạn nó nghe nói chẳng biết Thánh Thất ở đâu, trên đường nào, nhưng nghe thì vẫn thích nghe. Một ông tài xế lấy chân đạp thằng bạn nó, rồi chửi thề:

“ Đ. M sao không đi học còn đứng đây. ”

“ Bộ lấy tin tức hả ? ”

“ Tao bẻ giò hết bây giờ, ở đó mà lấy tin. ”

Đám tài xế lại quay sang những đứa học trò chĩa mũi dùi chửi bới. Thằng bạn của nó bị đạp một cái quá đau. Nó quay lại cự nự:

“ Sao ông đạp tui. ”

Một ông tài xế khác, quay lại đám tụi nó, nói:

“ Thôi đi học đi mấy thằng nhóc. Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba là tụi mày. ”

Khu phố quận bắt đầu ồn ào trên một đoạn ngắn phía trước chợ khi có những tiếng nổ làm rền vang khu phố. Tiếng nổ nghe rất gần. Có người nói:

“ B 52 tới ném bom tụi bay ơi. ”

“ Sao ông biết là B 52? ”

“ Nghe lính nói. Nó thả từng dây dài như rải đậu. Kiểu này chắc Gò Bồi nát thành cám. ”

Để rồi chỗ nào cũng vậy, bàn tán nhiều cũng là mấy ông tài xế xe lam. Buổi sáng khu phố trước chợ ồn ào một đỗi cho đến khi chợ búa giãn dần sau 10 giờ sáng. Nhưng buổi chiều thì khác hẳn, mới khoảng 5 giờ chiều thôi thì những nhà trong khu phố lo đóng cửa im ỉm. Có vài ba nhà chỉ còn mở cửa he hé.

\*\*\*

Mấy ngày nay nhà trường dùng làm nơi để cho những người từ Gò Bồi về tạm trú sau trận đánh. Thành Ân xin phép cậu nó trở về bên kia sông thăm mẹ. Buổi sáng nó đi thật sớm để về kịp tới nhà khi mặt trời lên. Đoạn đường dài khoảng hơn hai cây số vắng hoe. Nó lầm lũi đi dọc bờ sông, có cái gì lạnh lạnh sau cột xương sống. Nó đi cho nhanh không dám nhìn dòng sông hay những bụi bờ cỏ dại mọc bên đường. Nó mong cho mau tới bến đò, để chờ có đò về nhà sớm.

Bến đò chỉ có vài ba người chờ đợi. Đò còn bên kia sông, nó ngồi xuống trên thân cây dừa ngã đổ bên bờ sông nhìn những chân cầu nhỏ lên khỏi mặt nước sông buổi sáng, khăng khiu trông thật cô quạnh. Nhìn qua bên kia sông, chẳng xa bao nhiêu, ngôi trường nơi bến đò mà trước đó nó cùng với bạn bè tới học, mỗi khi có lính lên. Bây giờ bỏ hoang, sân trường như muốn chìm trong lớp cỏ tranh mọc cao tới đầu gối. Hình như chẳng có ai ngó ngang tới. Buổi sáng, ngồi nơi bến sông chờ đò ngang, nó nghe thấy một chút gì yên ổn lạ lùng. Phải chi xã có an ninh, nó ở bên mẹ nó.

Những ngày rồi cũng qua đi. Trường quận cũng trả lại cho trường quận. Những người dân tạm cư trên miệt Gò Bồi không còn tạm trú trong ngôi trường nữa. Họ đã được về sống trong khu định cư mới thành lập bên cạnh sân vận động. Những dãy nhà tôn ngang dọc, sáng lấp lánh mái tôn mới toanh dưới ánh nắng mặt trời. Sinh hoạt trong khu phố quận trở lại bình thường. An ninh có phần tương đối. Cuối tuần nào, nó cũng về thăm mẹ nó nơi cái xã ven rừng, bên kia sông.

Buổi sáng, thức dậy sớm, nó nghe có những tiếng ồn ào từ khu phố chợ. Người lớn và lũ trẻ con đang bu quanh thành một đám đông trên khu đất trống trước chợ. Nơi thường hay có những người đi bán thuốc dạo “ sơn đồng mai võ ” tới bán thuốc cho dân trong quận. Họ thường hay làm những trò mà người lớn cũng như con nít đều ưa thích. Nhất là trò múa võ, hay con khỉ biết đánh trống, đu dây, cầm nón đi xin tiền. Những lần như thế họ đánh trống, đánh phèn la inh ỏi, liên hồi, như thôi thúc người dân trong khu phố quận tới cho đông. Nhưng sáng hôm nay, không có những tiếng trống, tiếng phèn la đó, mà lại có nhiều người tới, vây quanh. Nó lên vào đám đông thì nhìn thấy hai cái xác người được lính kéo về bỏ trên mảnh đất đó tự khi nào, có lẽ từ tảng sáng sớm. Hai cái xác như chết từ đầu hôm, bị bắn banh ngực: một lớn, một nhỏ. Trên người chỉ có một cái quần cụt ngắn. Nó nhìn cái xác chết nhỏ nó muốn la lên, nhưng rồi nó kịp im lặng. Cái xác chết đó là thằng bạn nó, khi nó còn ở bên kia sông học chung với nó một trường. Thằng Thìn, chẳng lẽ nó là du kích? Đám người một lúc một đông thêm. Họ đứng vòng trong vòng ngoài bàn tán. Những tiếng vo ve của những con ruồi xanh đánh hơi nghe thấy mùi máu tanh, bay đến trên hai cái xác đó.

Mặt trời lên, rọi những tia nắng xuống trên hai cái xác chết cứng khô. Có người nói:

“ Có ai làm ơn làm phúc đem đi chôn đi. Để đó xem sao đặng. ”

Thành Ân ra khỏi đám đông. Nó suy nghĩ: thằng Thìn, cái thằng hiền khô mà lại là du kích. Ở đằng góc chợ, nơi trước cổng trường học của nó, chiếc xe lam phóng thanh của quận đang phát thanh một bài hát về lính. Tiếng hát được phóng đại qua hai cái “ haut parleur ” đặt trên

mui xe. Nó nghe rõ tiếng hát: “ Anh là lính đa tình.... ” Rồi nó làm lủi đi về phía những dãy nhà tôn mới cất, ở gần sân vận động./.

(Thư Quán Bản Thảo)

## Trong vùng giao tranh

Cơn mưa đêm hôm qua kéo dài hơn mấy tiếng đồng hồ, nước mưa xoáy mòn trên đỉnh đồi trọc tạo thành những con rãnh nhỏ, ngoằn ngoèo trên đỉnh đồi bị giới hạn bởi những giao thông hào và những hầm cá nhân của binh sĩ, chìm dưới mặt đất, nhô lên vào khoảng sáu bảy tấc, vừa làm lở châu mai, vừa làm lở thông hơi cho những người lính mà hầu như cả ngày chỉ biết chạy chứ không có đi, mỗi lần di chuyển, vì sợ những viên đạn bắn sè từ bên kia sông, trên những ngọn dừa mà một vài tên du kích nằm chờ sẵn. Ngoài những hầm cá nhân ra, còn có một cái hầm lớn ngay đỉnh đồi làm ban chỉ huy, vừa làm hầm truyền tin. Trên nóc hầm, được xây dựng khá kiên cố để đặt hai khẩu đại liên 12 ly 7. Nóc hầm làm bằng những thân cây dừa, vừa to vừa chắc chắn do công binh Việt Nam xây cất, để bảo đảm cho sự chiến đấu lâu dài và làm điểm quan sát, an ninh một vùng rộng lớn về phía Tây Bắc quận Bồng Sơn.

Tôi thức dậy khi mặt trời vừa lên. Những tia nắng sớm làm cho chúng tôi thấy dễ chịu hơn sau một đêm dài mệt mỏi trong căn hầm chật chội với mùi đất ẩm của cơn mưa đêm. Cùng với những người lính, nếu không có nhiệm vụ gì trên đồi, đều muốn chạy xuống đồi để còn có chút thoải mái, sau khi người lính gác được lệnh gỡ cuộn kẽm gai đã gài lựu đạn chiều hôm qua. Con đường xuống đồi nhỏ vừa đủ cho một người di chuyển, nằm khuất sau đồi để tránh tầm quan sát của địch từ phía bờ sông bên kia, cạnh con lộ trải đá dẫn từ quận Bồng Sơn lên An Lão.

Những giọt nước mưa đêm hôm còn đọng lại trên bờ cỏ ướt mềm, và trên những ngọn dừa hay trên những mái nhà tranh thấp lè tè, ướt sũng nước của những gia đình vừa mới trở về từ khu định cư ở dưới Bồng Sơn. Họ không muốn rời bỏ miếng đất hương hỏa của tổ tiên, sau khi thấy có quân đội về đóng đồn giữ an ninh ở đây. Xóm nhà không lớn lắm đã trở thành nơi sinh hoạt của những người lính đóng đồn với người dân trong một vùng có chiến tranh, mà trước đây họ phải gánh gồng mang theo tài sản, của cải bỏ nhà cửa ra đi, sau khi quận An Lão bị thất thủ. Cái xóm nhỏ trở thành nơi an ủi cho hai đại đội đóng quân, và gần như giữa những người lính với những người dân có sự cảm thông, gần gũi hơn. Một miếng đất trống được làm khu chợ, cũng chỉ có vài ba người lèo tèo buôn bán. Trước ngôi chợ nhỏ này còn có cái quán bán cà phê của chú Tư, là nơi tập trung đông đảo của những người lính đóng đồn từ trên đồi xuống, hay những toán kích trong đêm trở về, uống ly cà phê đen nóng, sau một đêm nằm kích thức trắng nơi bờ ruộng hay mé rừng.

Tiền đồn được anh em đặt cho cái tên là đồi Thánh Giá, vì bên cạnh ngọn đồi lớn còn có một ngọn đồi thấp, nhỏ hơn. Một cây thánh giá được dựng lên từ hồi nào. Sau này tôi mới được biết.

\*\*\*

Dưới ánh nắng chói chang và cơn gió hong hóc của mùa hạ, người bạn lái chiếc jeep đưa tôi rời khỏi chi khu Bồng Sơn ra phi trường quân sự của lữ đoàn 173 nhảy dù Hoa Kỳ, để chờ trực thăng đưa tôi lên đồi Thánh Giá. Sau ba ngày chờ đợi tại thị trấn phía bắc của tỉnh Bình Định. Thành phố Bồng Sơn chật hẹp, dơ dáy. Con đường chính của thành phố cũng là quốc lộ 1 với hai dãy phố. Một bên là dãy phố lâu, còn một bên về hướng lên phi trường là những khu nhà

tôn lạp xụp đầy bụi bặm, bát nháo với loại xe nhà binh của Mỹ, Đại Hàn có vẽ ngôi sao trắng. Với khu nhà tôn này, họ bán đủ loại, thập cẩm, khác với dãy phố lầu bên kia đường. Từ sợi dây dù màu ô liu cho đến quân trang quân dụng của đồng minh không thiếu một món gì. Từ một đôi giày bốt cho đến một cái ca nhôm. Từ một cái nón rùng cho đến một cái phù hiệu, cấp bậc của quân đội đồng minh và cả quân lực VNCH nữa. Thành phố chỉ có một cái phòng ngủ nhỏ, gần quận. Sáng nào, mấy cô gái cũng ngồi uống cà phê ăn sáng dưới gốc cây phượng trên vệ đường trước phòng ngủ với vệ mặt bờ phờ sau một đêm thức, và nói đủ thứ chuyện trên đời.

Thành phố có vẻ hồi hải của một cuộc chiến tranh, không còn âm ĩ, chờ đợi sau trận đánh úp đèo Phủ Củ trước đó không bao lâu. Không khí chiến tranh đang đe dọa xuống thị trấn với áp lực của sư đoàn Sao Vàng của địch. Mặc dù, không thiếu quân đội đồng minh và Việt Nam đóng quân ở đây. Người bạn tôi, Lợi, còn cho tôi hay: Nơi mà tôi đến là một tiền đồn quan trọng nằm về hướng tây bắc của thị trấn. Quan trọng không những cho Việt Nam mà còn cho cả đồng minh nữa. Vì thế tất cả hỏa lực yểm trợ đều dành ưu tiên cho nó. Có điều hãy thận trọng đối với những người dân trong khi giao tiếp với họ. Bởi vì còn có số dân vẫn bám vào miếng đất cũ sao khi quận An Lão bị thất thủ, không chịu về sống trong khu định cư. Nhưng cũng có một số mới trở về tạo dựng lại sự nghiệp. Dù ở lại trên phần đất cũ hay mới trở về cũng phải thận trọng. Chẳng bạn chỉ nói cho tôi nghe một vài điều tổng quát, sau này lên đóng đồn trên đó, sẽ cho biết nhiều điều hơn.

Phi trường toàn lính Mỹ. Thịnh thoảng có một vài sĩ quan Việt Nam đưa vợ con vào xin phương tiện về Qui Nhơn. Hình như mọi người đều im lặng trong khu nhà chờ, ít nói, trong không khí ngột ngạt của chiến tranh cùng với sức nóng của mùa hè, đang đổ xuống trong dãy nhà tiền chế rộng thênh thang lợp tôn này. Bên ngoài, tiếng động cơ của máy bay dội hắt vào, cùng với những đám bụi bốc lên từ cánh quạt của những chiếc trực thăng đang cất cánh. Sức nóng ngoài trời và trong dãy nhà chờ làm mọi người mệt mỏi. Lợi giới thiệu tôi với trung sĩ Tân, hạ sĩ quan quân y của tiền đồn cũng đang chờ trực thăng như tôi. Như vậy, nơi tôi đến, người lính đầu tiên tôi gặp là Tân. Anh còn trẻ, có lẽ mới ra trường chẳng bao lâu.

Ngồi đợi một chặp, Lợi đưa tôi và Tân ra bãi. Ba chiếc trực thăng đang đậu sẵn để bốc tôi, Tân cùng với vài ba người lính Mỹ, có lẽ cũng đi đến một tiền đồn nào đó như chúng tôi. Sau vài phút, ba chiếc trực thăng cất cánh. Bên tôi, người lính Mỹ, xạ thủ đại liên, to con như một anh khổng lồ chỉ cho tôi nhìn xuống phía dưới, và bảo: Vi Xi. Vi Xi mà có thấy không?

Tôi chẳng thấy gì ngoài những vườn dứa, và những ngôi nhà tranh nhỏ xíu nằm rải rác dọc theo chân núi. Hấn lại đưa ngón tay chỉ xuống mặt đất: Thấy không. Vi Xi ? Những tàu dứa che khuất, và rồi, tôi nhìn thấy một dòng sông uốn khúc, rộng lớn. Một bãi cát phẳng dọc theo bờ sông, trắng phao. Có vài ba chiếc vỏ, vài chiếc xuống con như chiếc lá nằm bất động trên dòng sông trong mùa nước cạn. Người lính xạ thủ vừa chỉ tay, vừa nói: Vi Xi kia. Vi Xi kia. Nhưng hấn không bắn. Một vài người lính Mỹ ngồi bên trong cũng chồm người ra xem. Dòng sông vẫn im ắng trong xanh ở phía dưới chân tôi. Hai chiếc trực thăng hộ tống bay trên cao. Nắng chói chang hắt vào khoang tàu. Tôi nhìn qua Tân, anh ngồi dựa lưng vào thành tàu, nhắm mắt, hình như anh không muốn nhìn thấy cái gì ở dưới chân anh, hay nghe thêm những câu nói của mấy thằng lính Mỹ. Có lẽ Tân đã quen với những cảnh như thế này rồi chẳng? Tôi nghĩ, chẳng lẽ chiến tranh Việt Nam lại xuất phát từ những ngôi nhà tranh nhỏ bé dưới những tàu dứa, hay bên bờ một sườn núi, hay trên một con thuyền nan nhỏ bé nằm chơ vơ giữa dòng sông??? Mà người xạ thủ Mỹ lúc nào cũng thấy Vi Xi từ những nơi đó?

Gần nữa giờ bay, người lính Mỹ chỉ cho tôi thấy tiền đồn. Một ngọn đồi khá lớn. Bên cạnh còn có ngọn đồi thấp, nhỏ hơn, nằm cạnh con đường trải đá. Tân mở mắt, sửa lại thế ngồi, nhìn xuống hai ngọn đồi, nói với tôi: Tới rồi.

Chiếc trực thăng quần thêm mấy vòng nữa. Tôi thấy một cuộn khói vàng bóc lên giữa khoảng đất trống, ẻo lả. Hai chiếc trực thăng hộ tống vẫn bay trên cao, chờ cho chiếc trực thăng bỏ tôi và Tân xuống. Người xạ thủ Mỹ giơ tay vẫy vẫy đám lính đang đứng dưới đất, rồi giơ hai ngón tay tạo thành hình chữ V, cười hỏ hỏ. Trong khoảng khắc rất nhanh, chiếc trực thăng xà về phía trước, bay vút lên, tạo nên một sức gió đẩy người tôi chúi nhủi.

Kỳ ra đón tôi với một vài anh em trong đơn vị, rồi anh giới thiệu tôi với đơn vị trưởng ban. Kỳ nói: Như vậy là tụi mình có thêm một người bạn mới. Tôi nhìn thấy đa số anh em người nào cũng còn trẻ. Tôi đưa mắt nhìn những người lính đứng ở mỗi góc dứa, hay dựa lưng vào phen vách đất của mấy ngôi nhà tranh, nhìn tôi. Những người lính mà hôm nay, ngày mai và mãi mãi là những người bạn của tôi nơi tiền đồn hẻo lánh này. Ánh nắng vẫn lung linh dưới những tàu dứa in trên nền đất ẩm. Kỳ nói:

- Vào đây nghỉ một chút cho khỏe, uống ly cà phê rồi hãy lên đồi sau. Nhớ tới đồi phải chạy cho nhanh, không khéo mất cái gáo dứa, nghe bạn. Làm ma không đầu đấy.

Tôi hỏi:

- Sao phải chạy? Trung úy.

Đám sĩ quan trẻ, nghe tôi hỏi cười rộ. Trên gương mặt chẳng có chút gì lo âu. Kỳ giải thích:

- Tụi du kích nó rình bắn sẻ hay lăm, bên kia sông kia. Không khéo mình bể đầu. Phải khom người mà chạy. Tụi tui sống ở đây quen rồi. Nói chứ đề phòng vẫn hay hơn.

Lần đầu tiên tôi chạy trên đồi và trở thành thói quen như mọi người. Đêm đầu tiên tôi đến được ngủ lại nơi hầm chỉ huy. Căn hầm được Kỳ cho thấp sáng bởi ngọn đèn " măng sông " mà ít khi được dùng đến, dù chỉ dùng trong chốc lát. Người lính truyền tin vẫn ngồi nơi cái bàn làm việc với tiếng máy phát ra một âm thanh buồn nản.

Đêm đầu thật khó ngủ. Một vài hạ sĩ quan tuần canh ngồi tán gẫu bên anh hạ sĩ truyền tin, với lon gô nước trà thật đậm được nấu xôi bởi những miếng thuốc bò. Máy đánh mật mã vẫn chạy rè rè. Bóng đêm chùng xuống ở bên ngoài căn hầm, buồn bã, chờ đợi.

Kỳ cho tôi biết về tình hình địch và bạn ở đây. Bạn, ta có thêm một đại đội, thay phiên nhau giữ đồn và lưu động. Khi đi lưu động nguy hiểm hơn, nhưng giữ đồn cũng dễ ăn đạn pháo. Còn địch, về phía bên kia sông là an toàn khu của chúng, chạy thẳng lên An Lào. Ta ít quân nên chưa hành quân qua đó lần nào, ngoại trừ có những đơn vị lớn. Còn bên này sông, lẩn lộn trong đám dân cũ và mới chẳng biết ai là bạn, ai là thù. Có thể ban ngày gặp mặt là bạn. Ban đêm là du kích cũng không chừng. Tốt hơn hết hãy thận trọng là hơn. Nhất là đám dân không chịu rút về khu định cư dưới Bồng Sơn, sau khi An Lào thất thủ. Có thể họ có con em là du kích, hay tai mắt của đám người bên kia sông, khi đêm tối trở về.

Dòng sông chảy quanh dưới chân đồi như một đường biên giới ngăn chia giữa ta và địch. Con đường trái đá chạy dọc theo bờ sông để lên quận An Lào đã bỏ hoang, hai chiếc tăng của quân đội đồng minh bị cháy bỏ lại bên vệ đường, dưới chân đồi. Dòng sông đang mùa nước cạn, mặc dù có những cơn mưa đêm bất chợt, nhưng nước trên nguồn chưa đủ mạnh để tràn bờ. Cho nên đơn vị lưu động phải trải quân nhiều nơi để chặn địch. Mặt trận nơi đây không gay go như những trận đánh lớn, mà khó khăn trong từng giờ, từng phút với đám quân không chịu xuất hiện, gần như đám quân ma, mà an toàn khu của chúng cách tiền đồn không bao xa. An

Lão.

Buổi sáng vừa mới thức dậy, đã nghe tiếng loa từ bên kia sông gọi qua. Không như mọi hôm nghe hoài một luận điệu chữi bới. Bên này sông trả lời bằng những tràn đại liên 12 ly 7, tiếng loa im bật trong ánh vàng hực của sóng lúa mênh mông đang độ chín rộ. Một chập, loa lại vang lên, kêu gọi ngưng bắn để cho dân ra gặt lúa. Tiếng loa vang trong gió sớm cùng với đám dân ở đâu bắt đầu xuất hiện giữa biển lúa bên kia sông. Những lá cờ trắng được vương lên, vẫy vẫy.....Kỳ đứng nơi miệng hầm chỉ huy, chữi thề: Đ.mẹ, tội bay làm khó dễ, đưa dân ra chết thay phải không, để rồi gặt lúa đem về nuôi quân nó. Lại một chuyện nan giải nữa đây. Kỳ gọi đơn vị bạn, và xin ý kiến thẩm quyền ở trên, tạm thời ngưng bắn vài ngày, sau mở cuộc hành quân hốt gọn số lúa này. Bốn ngày tạm yên. Tiếng loa bên kia sông không còn vang vang chữi bới vào mỗi buổi sáng như thường lệ. Tôi ra đứng bên bờ sông nhìn qua bên kia sông. Một vùng lúa mênh mông, bát ngát. Dân ở đâu họ đưa tới đông ghê gớm, mà ngày thường làm gì có số đông như vậy với vài ba ngôi nhà tranh nhỏ bé, ẩn khuất, nhìn thật xa từ trong chân núi. Tôi nghĩ, có lẽ dân từ An Lão hay Ba Tư được họ đem tới. Kẻ gặt, người gánh rộn ràng chạy vào phía núi mất hút. Tôi hỏi Kỳ: Tại sao lại phải để yên cho họ gặt lúa như vậy, không đốt hết những đám lúa kia đi. Kỳ cho tôi biết trong chiến tranh, ngoài súng đạn ra, ta còn đánh vào đám dân của chúng một đòn tâm lý nữa .Đốt làm gì, ta sẽ hốt trọn trong nay mai. Bốn ngày tạm yên. Những người lính ra ngồi nơi bờ sông nhìn qua bên kia bờ, mà chưa lần nào dám ngồi như vậy. Trên không, chiếc L19 như con diều lượn trên cao theo dõi con mồi dưới đất. Có một chút thanh bình nào đó trong tôi, như những năm tôi mới lớn trên những cánh đồng Đại Năm, Xung Phong ở quê nhà, khi mà chiến tranh chưa lần mò tới quê tôi. Một miền quê nhỏ bé, nằm cách xa thị xã Phan Thiết hơn một giờ đi bộ, mà tuổi thơ tôi đã lớn lên từ trong những góc rạ còn thơm mùi rơm mới cắt. Những thửa ruộng bao quanh làng vàng ửng những bông lúa nặng trĩu, mà bọn trẻ chúng tôi không bao giờ bỏ sót những bông lúa rơi vãi trên ruộng, mỗi khi gặt lúa về nhà. Như hôm nay, dòng sông ngăn chia ngày nào không còn có cái vè hận thù của ngày hôm qua. Người lính trên đồi được đi thẳng lưng, không còn phải cúi người chạy xuống đồi như mọi ngày nữa. Nhưng đêm đêm Kỳ vẫn gọi pháo binh ở Hoài Ân hay Bồng Sơn bắn cầm chừng, quấy phá.

Ban ngày, tôi có dịp đi vòng dưới chân đồi. Hai chiếc tăng của Mỹ bị cháy đen nằm bên vệ đường, cỏ mọc. Con đường trải đá nối liền với quận An Lão lâu ngày bỏ hoang, cây cối hai bên mọc đầy đụn, làm cho con đường như nhỏ lại, dài hun hút. Một chút gì rờn rợn đang chờ những người lính đóng đồn như chúng tôi ở trên đó. Vùng tự do của nông trường Sao Vàng và cũng là vùng oanh kích tự do của ta, mà chưa có một toán quân chủ lực lớn nào hành quân trên đó để chiếm lại quận miền núi đã lọt vào tay địch. Hình như mấy ông lớn đã quyết định bỏ. Chỉ còn lại cái tiền đồn này với một đám dân, có thể ngày là của ta, đêm của địch, như cái gai nhọn đâm vào yết hầu của chúng, không biết khi nào, họ kéo quân về nhổ cái gai này đi. Cho nên, đêm nào những chiếc trực thăng võ trang của Lữ Đoàn 173 nhảy dù Hoa Kỳ bay tới yểm trợ bởi những trái chiếu sáng và hỏa tiễn, gây thêm tinh thần phấn chấn cho những người lính nơi tiền đồn này.

Con đường này. Dòng sông này. Và những mái nhà tranh trong chân núi phía bên kia sông có thể là điểm xuất phát để tiêu diệt chúng tôi. Từ lúc đổi lên đây, tôi chỉ nhìn thấy một phần con đường từ xóm nhà bên này sông đổ về Bồng Sơn, thế mà còn chưa có an ninh, huống chi con đường ngược lên An Lão?

Những đám ruộng bên kia sông vừa mới gặt xong, thì đạn bích kích pháo bên kia sông lại bắn qua đồi. Kỳ cười: Bọn nó chào mình bằng những cái khốn nạn đó. và, Kỳ cho phản pháo.

Trong lúc tôi chun xuống hầm như muốn hụt hơi.

\*\*\*

Đồi Thánh Giá mà tôi được biết là vì trước đây có một ngôi làng nhỏ của bà con giáo dân sống bằng nghề nông và đánh bắt cá sông. Đi dọc theo bờ sông cách ngôi làng vào khoảng hai hay ba trăm mét có hai ngọn đồi, trên đó bà con giáo dân có dựng lên một cây Thánh giá. Ngôi làng này đã bỏ hoang sau khi chánh quyền An Lão bỏ đi, chỉ còn lại vài ba ngôi nhà tranh của một số người bám trụ ở lại, và một số nhà tranh mới cất trên nền đất cũ chung quanh ngôi giáo đường đổ nát, còn duy nhất một bức tượng của bà Maria đứng yên, buồn thảm trước khoảng sân vắng của nhà thờ, với cái gác chuông loang lổ vết đạn. Sau khi thấy có quân đội về đóng quân ở đây. Khoảng sân của nhà thờ được dùng để phơi những vỏ dừa khô của một vài gia đình sống chung quanh ngôi giáo đường đó. Khi xưa, nơi đây còn yên ổn, giáo dân mới dựng lên cây Thánh giá trên ngọn đồi bên cạnh dòng sông để nhìn qua bên kia bờ là những đám ruộng lúa mênh mông chạy vào trong núi, mà quanh năm với một màu xanh của núi rừng, của sông nước, cỏ cây hòa lẫn trong sóng lúa vàng tới mùa chín rộ ngoài đồng, đủ cho người dân nơi đây sống một đời yên ổn, ấm no, với tiếng chuông nhà thờ vang lên vào buổi sáng tinh mơ, hay buổi chiều chạng vạng.

Nhưng, hôm nay, ngôi giáo đường vắng lặng trong cái không khí ghê sợ của chiến tranh dù ngày hay đêm, bởi những trái đạn pháo của hai bên có thể rớt xuống lúc nào không biết. Cho dù sinh tử gần kề như thế, họ vẫn trở về sống trên miếng đất hương hỏa chẳng có gì trù phú cho lắm giữa hai vùng đang tranh chấp bởi chiến tranh. Họ sống như ngày nào họ đã sống, còn hơn là sống chật chội trong khu định cư, khi vị linh mục ra lệnh cho tất cả con chiên gánh gồng đi theo những đơn vị hành chánh tháo chạy từ trên An Lão xuống. Ngôi giáo đường từ đó bỏ hoang. Đám du kích về chiếm cứ. Ta mở cuộc hành quân bằng hai cánh: Hoài Ân qua, Bồng Sơn lên mới chiếm lại được đồi Thánh giá. Công binh được đưa tới để xây đồn đắp lũy. Nhưng ngôi giáo đường thì đã bị đổ nát bởi cuộc tấn công.

\*\*\*

Buổi sáng một vài anh em ngồi uống cà phê trong quán chú Tư, Tân rủ tôi đi lên nhà Hưng ở trên miệt nhà thờ chơi. Tôi hiểu ý của Tân, vì anh muốn làm quen với con gái của Hưng trên xóm nhà thờ đó. Tôi hỏi: Lên có chuyện gì không. Nhất là xem có lính của mình còn trên đó mới dám đi. Đi hai đứa nguy hiểm lắm. Tân nói có trung đội an ninh trên đó. Tôi hỏi Kỳ: Được cứ đi, nhưng phải về sớm, đừng ở quá trưa nguy hiểm.

Ngôi nhà của Hưng lợp tranh, thấp dưới những hàng dừa bên cạnh ngôi giáo đường. Ngôi nhà được rào bởi một hàng rào trồng toàn cây dâm bụt, mà Hưng cũng cất xén cẩn thận, đều đặn, trông đẹp mắt. Dù chẳng ai ngó ngang đến trong vùng mà bom đạn có thể trút xuống lúc nào không hay. Khoảng sân đất nện trước nhà của anh phơi la liệt những vỏ dừa dùng để làm chất đốt. Hưng đang ngồi trong nhà ngó ra khoảng sân đất nện, thấy chúng tôi vào, con chó sủa vang mấy tiếng, anh đuổi. Hưng mời chúng tôi vào nhà. Đã nhiều lần tôi nghĩ anh không phải là một nông dân đơn thuần, qua những cử chỉ khác với những người dân quê sống ở đây. Có lẽ anh là một nhà giáo hơn là người nông dân chỉ biết trèo dừa hái những trái dừa khô, để cho vợ con anh nạo củi dừa, ép dầu. Tôi hỏi:

- Hình như trước đây anh là một thầy giáo?
- Không phải đâu, thiếu úy.
- Tôi thấy anh không giống người nông dân, đơn thuần.
- Sao thiếu úy biết?

- Nhìn qua con người anh.

Hưng mỉm cười. Đưa mắt nhìn ra ngôi giáo đường đổ nát, như tiếc một cái gì đó đã mất trong khoảng đời còn trẻ của anh, mà đã lâu anh không thể nói với ai. Anh tâm sự: " Thiếu úy đoán đúng. Trước đây tôi là ông giáo làng, rồi sau này trở thành thầy giáo. Đời tôi sống trong làng này như một nhân chứng, mà hiện bây giờ ai cũng bỏ làng ra đi. Trước đây, khi cuộc chiến mới nổi dậy bằng những phát súng lẻ tẻ của một vài tên du kích. Sau năm 54, làng tôi chẳng có ông giáo nào. Chẳng ai dám ra làm thầy giáo. Họ sợ đủ thứ. Trong khi đó đám trẻ thì thất học, chỉ biết ruộng, dưa và tới nhà thờ. Sự im lặng đâu được một hai năm, tưởng rằng có hòa bình thật sự trong thôn ỏ, để cho đám trẻ con được đi tới trường học. Nhưng nào ngờ, trường chẳng có, cô thầy cũng không. Chính quyền lúc đó còn non nớt. Còn họ thì già dặn trong cuộc chiến đã lâu. Tuyên truyền. Ám sát. Thiếu úy biết mà, quân khu 5 cũ chứ ít sao. Thời đó, họ hăm dọa, bắt bớ, thủ tiêu nếu ai ra cộng tác với chính quyền quốc gia. Cho nên, chính quyền thì có đó, mà trường lớp thì không. Ngay cả lớp mẫu giáo cũng không có. Trẻ con bị thất học. Đám trẻ chỉ biết chạy rong ngoài đồng.....Tôi tình nguyện ra làm ông giáo làng để dạy dỗ con em chúng tôi. Tôi nhớ lớp mẫu giáo đầu tiên, chỉ là ngôi nhà tranh được dựng lên trước trụ sở, lèo tèo năm ba em tới học...thế mà đêm tôi không dám về nhà, phải ngủ lại xã với mấy ông chính quyền. Cho đến khi xây được ngôi trường, cô thầy được điều về khá đông, thì chiến tranh không phải là thứ lẻ tẻ của đám du kích nữa, mà là đạn cà nông của hai bên đổ ập xuống trên mảnh đất của tổ tiên tôi. Bên chiếm, bên giữ, bên nào cũng súng cũng đạn, đánh nhau chí tử. Thiếu úy mới đổi tới, không thấy cuộc rút chạy của quận An lão. Chúng tôi hết hồn. Cha xứ bảo chúng tôi đi, chúng tôi đi. Đi để tránh bom, tránh đạn, chứ ai biết đi để bỏ làng, bỏ xứ đâu. Thiếu úy thấy đó, nơi thờ phượng còn đổ nát hướng chi mạng sống con người có nhằm nhò chi đâu".

- Sao anh không ở dưới Bồng Sơn lại về đây. Dù gì dưới đó cũng yên ổn hơn. Tôi hỏi.

- Không yên đâu thiếu úy ơi. Khu định cư tôi ở cũng bị pháo kích mà. Chết nhiều cái vô lý lắm. Hơn nữa sống nhờ vào trợ cấp hoài sao.

- Về Bồng Sơn anh không đi dạy trở lại?

- Dạ không. Rồi anh trả lời không ăn nhập gì đến câu hỏi của tôi: Hình như con nít ở những nơi có quân đội Mỹ đóng, lũ nó thích đi nhặt những lon đồ hộp trên phi trường nhiều hơn là tới trường.

- Rồi anh bỏ khu định cư về lại đất cũ.

- Dạ. Sau khi nghe có lính về đóng đồn ở đây. Về làm lại cái nghề cũ của ông bà già. Thiếu úy thấy mà, nhà tôi dưa nhiều, bỏ uổng lắm.

Sau đó anh đưa tôi ra xem nơi nấu dầu dừa, bên cạnh cái hầm chìm để tránh đạn pháo, từ trong bếp đi ra. Tôi hỏi:

- Anh chị làm ăn như vậy không sợ " Nẫu " về bắt đóng thuế?

- Sợ thì ai cũng sợ. Nhưng nghĩ có lính của mình.

Tôi nhìn ra khoảng sân sau toàn những hàng rào rậm rịt, những thân dừa che khuất khó thấy. Những ngôi nhà tranh biệt lập, cách xa, làm sao phát hiện hết bọn du kích lén về hoạt động trong đêm. Nhất là những đêm, từng cơn mưa bất chợt đổ xuống, tối om, giữa bàn tay còn



không thấy thì làm sao mấy toán kích nằm phục cho hết được.

Có lần tôi nói với Kỳ, muốn nhờ Hưng ra dạy đám trẻ con của những gia đình trở về sinh sống trong vùng đất cũ, vì thấy chúng không có học hành chi cả. Kỳ ngại. Nhưng tôi cố gắng thuyết phục, cuối cùng Kỳ đồng ý. Và tôi trình bày hết ý định của tôi cho Hưng nghe và nhờ anh dạy dỗ đám trẻ con trong xóm. Sau vài ngày suy nghĩ, anh đồng ý để cho con gái anh dạy võ lòng cho đám trẻ mới lớn, bên cạnh còn có Tân. Hằng ngày, một trung đội phải mở đường giữ an ninh để cho đám trẻ từ xóm dưới lên học vào buổi sáng. Một ngôi nhà tranh đơn sơ được dựng lên dưới chân đồi. Ngày khai giảng lớp, trên gương mặt của những người lính đóng đồn thấy vui vui. Tôi thấy Hưng trầm ngâm. Có lẽ anh đang nghĩ về những ngày tháng cũ, mà bây giờ đứa con gái lớn của anh đang thay anh chăm lo việc dạy dỗ. Sau này, anh kể: " Gần hai mươi năm về trước, cũng từ một ngôi nhà tranh trước trụ sở, vài ba em nhỏ tới học với ông giáo làng trong xóm, dưới sự đe dọa của đám du kích do những tên cán bộ nằm lại sau hiệp định khuấy động, ngăn trở một nền giáo dục mới của một chính quyền còn non trẻ. Nhưng chần chừ phải là nền giáo dục nhân bản hơn nền giáo dục của đối phương đã dạy trong suốt thời gian chúng chiếm đóng như quân khu 5 trong thời kỳ 45-54.

Nền giáo dục nhân bản đang được mở rộng theo tình hình lớn mạnh của chính quyền xã ấp. Trường lớp đang được mở rộng thêm. Cô thầy được tăng cường đến thì chiến tranh không còn nằm trong phạm vi làng xã nữa. Những hầm súng đạn chôn giấu trước 54, sau hai năm được khai quật lên, cùng với con người như những đoàn quân ma xâm nhập, từ núi rừng trường sơn đổ xuống, từ biển khơi đưa vào. Chiến tranh không là những phát súng lẻ tẻ nổ như pháo chuột trong làng thôn nữa, mà nó đã lan tràn khắp cả nước, ghê gớm, với những loại vũ khí tối tân. Nhưng thôn ỏ vẫn là nơi tạo ra chiến trường, ít khi nào thấy đem lên núi rừng đánh nhau. Làng thôn vẫn là nơi thiệt thòi nhất trong cuộc chiến mà trẻ con hầu hết đều bị thất học. Trường mới được ổn định. Thầy giáo Hưng vừa mới toại nguyện nhìn ngôi trường mới xây bằng gạch, nước vôi còn vàng ửng chưa phai, các em chạy chơi trên sân gạch chưa ẩm đôi chân trần thì làng nước bỏ chạy, dân phải gánh gồng chạy theo, bỏ lại sau lưng đất cũ về nơi định cư mới, trong những dãy nhà tôn chật chội nóng bức, mà chiều chiều nhìn về hướng cũ để nhớ quê. Ai có ở trong cảnh trạng đó mới thấy lòng đau, ruột cắt.

Lính về chiếm lại đồi thánh giá. Dân trong khu định cư cùng đi theo. Đất cũ không bỏ người, mặc dù súng đạn chẳng tha ai trong cuộc sống. Một nơi phải nói là đạn bom lúc nào cũng trút xuống được, không bên này thì cũng bên kia. Cho nên trong cuộc sống hằng ngày người dân phó mặc cho cuộc rủi may, bom đạn nào ai biết mà tránh....Ngôi trường mới dù chỉ là ngôi nhà tranh được dựng lên dưới chân đồi, với vài ba cái bàn cũ kỹ, xiu vẹo nhưng cũng làm cho Hưng thấy ấm lòng. Nhất là nơi đó, có tiếng ê a của các em nhỏ tập đánh vần theo sự chỉ dẫn của Hạnh, con anh và Tân. Vùng đất chết, nay trở nên ấm áp.

\*\*\*

Cơn mưa trong ngày có khi tạnh, khi mưa. Đường lên đồi trơn trượt. Tôi làm biếng đi xuống đồi rút trong hầm như con chuột ướt. Buổi trưa nghe có tiếng nổ ở xóm trên, chát chúa. Tiếng nổ của trái lựu đạn. Tôi vọt chạy xuống đồi, những người lính như một phản ứng tự nhiên trong chiến đấu, đứng sau mỗi gốc dừa, tôi hỏi:

- Có chuyện gì thế?

- Lựu đạn nổ ở xóm trên, thiếu úy.

Tự nhiên tôi liên tưởng đến Hạnh. Giờ này lớp học tan gần mười phút, các em đã tản ra đi trên những con đường mòn ướt sũng nước mưa. Tôi gọi Tân. Kỳ đã cho bố trí quân đi lên chỗ có

tiếng nổ. Tôi đi theo. Tân xách túi cứu thương cũng vừa chạy tới. Nhiều tiếng khóc la phía trước của các em nhỏ. Cô giáo Hạnh thì sao? Một cảnh tượng trông thật thảm hại, không phải là lính như chúng tôi, mà là những người dân vô tội đang rên la, quần quai trên vũng máu và nước mưa. Kỳ cũng vừa đưa thêm hai tiểu đội tới. Những băng cá nhân được gỡ ra, những người lính bé ba em nhỏ cùng với Hạnh lên nằm trên đám cỏ còn ướt nước mưa, băng bó.....Cũng may, trái lựu đạn nổ bị cản lại bởi gốc dừa làm nhẹ bớt sức tàn phá của những mảnh kim khí. Tôi nhìn Hạnh nằm im, bất động. Những giọt máu ứa ra từ bờ ngực, ướt đẫm chiếc áo bà ba đen. Tân xé toạc miếng vải trước ngực, băng lại băng băng cá nhân, chích thuốc cầm máu cho Hạnh. Kỳ đã liên lạc về chi khu xin tải thương. Thân nhân của đám người bị thương bu quanh, khóc. Tôi nhìn gương mặt Hạnh, trắng bệch, đôi mắt nhắm lại, tự nhiên tôi thấy lo, hỏi Tân: Con bé có sao không Tân? Tân nói: Có lẽ không đến nỗi, nếu máy bay tải thương tới sớm.

Khoảng nửa tiếng sau, có tiếng trực thăng quần trên đầu. Tôi mừng thầm, Hạnh và mấy đứa bé có thể sống được. Kỳ cho bỏ trái khói đánh dấu bãi đáp. Hai người lính Mỹ nhảy xuống đem theo cáng đưa những nạn nhân lên phi cơ, phút chốc bay về hướng Bồng Sơn mất hút....

Tôi cùng với Tân lên nhà Hưng chia buồn, hy vọng chừng mười, mười lăm ngày Hạnh và mấy cháu trở về bình yên. Hưng chán nản, nói: Tại sao họ không để cho chúng tôi sống yên trên mảnh đất của cha ông chúng tôi, từ ngày hiệp định đình chiến đến bây giờ. Ngày trước, tôi dạy học xong, phải theo mấy ông xã đi ngủ. Bây giờ con tôi, nó có phải là cô giáo chuyên nghiệp đâu mà cũng tìm cách bức hại nó. Bao năm rồi chúng tôi sống trong nỗi lo âu, sợ hãi. Ngày thì sợ mấy ông bên kia nghi ngờ. Tối thì sợ mấy ông bên này nghi ngờ. Làm dân khổ quá thiếu úy ời !

Tôi nghĩ, Hưng đang trách chúng tôi, có điều anh không dám nói thẳng. Nhưng tôi biết, ngay cả chúng tôi cũng chỉ là những toán quân nhỏ, được đưa lên để làm nút chặn được chừng nào hay chừng nấy trước sức hung hãn của một bầy thú dữ, mà an toàn khu của chúng chỉ cách chúng tôi chừng 10 cây số. Không biết một ngày nào đó, chúng tiến quân vượt qua sông với những quả đạn sơn pháo 130 ly, thì chúng tôi cũng chỉ là những con chót được nhất ra khỏi bàn cờ, có xá gì đâu trong một cuộc chiến mà hai bên chưa bao giờ nghe tuyên chiến.

Đêm, tôi thao thức mãi câu nói của Hưng, khó ngủ. Có tiếng súng bắn vu vơ trong đêm. Kinh nghiệm để cho chúng tôi biết được chúng đang dọn đường để tìm về xóm .Trường hợp như vậy, những toán kích nằm im, chờ mồi. Đêm nào cũng thế, những người lính vẫn phải thức trắng đêm giăng bẫy để bắt con mồi. Người lính nằm chung với tôi một căn hầm, còn thức, đang nghe em bé Dạ Lan nói chuyện với các anh chiến sĩ ngoài tiền tuyến, trong cái radio nhỏ. Giọng nói như mật rót vào tai, trong khoảng không im ắng không một tiếng động, ngoài những tiếng côn trùng kêu rả rả bên ngoài, tựa như chúng tôi đang ở nơi bình yên, để nghe em kể chuyện trong đêm. Chứ cô bé Dạ Lan đâu có biết chúng tôi đang mong trời máu sáng, dù phải chạy xuống đồi, để biết mình vẫn còn sống thêm một ngày nữa.

\*\*\*

**Phụ đính I:**

**Thư Quán Bản Thảo 10 năm**



Nhớ lại ngày nào, cũng vào tháng 10 năm nay. Tháng 10 năm 2001, mấy anh chị em cầm bút gồm 5 người ban đầu gồm; Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Trần Bang Thạch, Cao Vị Khanh, Nguyễn Nhung. Mỗi người ở một thành phố khác, có anh ở tận bên Canada ( Cao Vị Khanh) gặp nhau tại thành phố Houston đã đưa lên cái ý định là làm một tạp-chí-văn-học cho vui. Chữ “cho vui” có nghĩa là làm tới đâu hay tới đó. Và trong ý nghĩ của tôi chắc Thư Quán Bản Thảo, nếu hình thành cũng chỉ tồn tại được 2 số là cùng. Bởi nhiều lý do...trong đó lý do chính đáng nhất là tiền.

Nhóm năm người không ai là chủ biên tập, thứ ký tòa soạn. Nhóm đề nghị tôi chăm lo bài vở. Anh Trần Hoài Thư chăm lo kỹ thuật in ấn và layout . Tôi ở một thành phố nhỏ tận miền bắc Texas. Còn anh Trần Hoài Thư thì ở tận miền đông Hoa Kỳ. Cách nhau vạn dặm. Thế mà, hôm nay, sau mười năm, một chặng đường dù gì cũng đáng ghi nhớ. Nhất là sau hai năm hiện diện, vào năm 2003 TQBT đã kết nối lại được hầu hết các anh em cầm bút cũ ở trong nước, và có thêm nhiều cây bút mới ở hải ngoại đã đến với chúng tôi. Với tiêu chí của tờ báo là *Văn học Nghệ thuật*, không chính trị, không đi những bản tin cộng đồng...Chỉ hai năm thời ( 2001-2003) những người trẻ cầm bút trước 1975 còn trong nước tưởng rằng “tan đàn rã đám” nào ngờ gặp nhau lại . Nào: nhóm Ý Thức , nhóm Khai Phá cũ ngày nào, những bạn bè cầm bút miền Trung, miền Tây nay đã gặp lại. Tôi nhớ mãi lời nói của nhà thơ Nguyễn Phan Thịnh, anh đã mất ở Sài Gòn, nói với tôi: *không ngờ sau tháng 4-1975 anh em lại hội tụ với nhau dưới một “mái nhà”*. Mái nhà của một tạp chí văn học chưa có gì gọi là bè thế như những tạp chí văn học đã phát hành bên Cali. Nhưng anh em đến với nhau từ một tấm lòng yêu-ch -nghĩa. Từ một tấm lòng ấy, như ngày nào ở cái tuổi đôi mươi gặp nhau nói chuyện văn chương “rôm rã” một thời.

Bởi vì với TQBT phải nói thật lòng chúng tôi không dùng tờ báo để mưu sinh trong cuộc sống đời thường, có nghĩa là “không bán không buôn” mà chỉ đem văn chương chữ nghĩa đến với độc giả nào còn yêu mến những tác giả tác phẩm của một-thời-đáng-yêu ấy (1975 về trước). Và, cũng nhờ những độc giả, nhờ những bạn bè giới thiệu mà TQBT đã đi hết một chặng đường 10 năm. Mười năm, ngồi nhìn lại những tập đã phát hành cùng với những sáng tác của những cây viết cũ mới ngày hôm nay đã làm nên *một TQBT* chính tôi cũng không ngờ. Từ đó chúng tôi quyết định 2 tháng phát hành một lần ( định kỳ) để độc giả khỏi phải chờ đợi lâu. Và với nhu cầu bài vở, tạp chí càng ngày càng thêm trang trên 200 trang cho mỗi số (5"x7"). Nhưng vẫn không bán. Cho nên có nhiều độc giả đặt câu hỏi: *tiền đâu mà chúng tôi in*

*một tạp chí dày như thế mà không lấy một trang quảng cáo(?). Câu hỏi này, nhà văn Trần Hoài Thư cũng đã trả lời trên những số TQBT.*

Mười năm với 44 số. TQBT đã làm được nhiều số chủ đề với những cây bút miền Nam, như: Tưởng nhớ Y Uyên ( TQBT 18). Nguyễn Nghiệp Nhượng ( TQBT 19). Võ Hồng ( TQBT 21). Tưởng nhớ Vũ Hữu Định ( TQBT 23). Hoài Khanh ( TQBT 24). Nguyễn Nho Sa Mạc ( TQBT 26). Tưởng nhớ Phan Nhự Thức (TQBT 27) Tưởng Niệm Từ Thế Mộng ( TQBT 29). Nhà thơ Trần Dạ Lữ ( TQBT 32). Giới thiệu ba người viết cũ: Nguyễn Lệ Uyên, Hoàng Ngọc Châu, Nguyễn Minh ( TQBT 31). Một thời Ý Thức ( 33). Ngoài ra mỗi số chúng tôi cũng đưa ra những tiêu đề cho mỗi số và truy tầm những tư liệu rất có giá trị từ thư viện Cornell của Hoa Kỳ mà ít có những ai làm báo bên Mỹ bỏ công tìm kiếm. Như số chủ đề Trường Xưa ( TQBT 35) tìm lại những Đặc San Gia Long. Chu văn An, Nhận Diện ( Gò Công). Giai phẩm xuân Trương Vĩnh Ký. Ấn Tráng của trường Lê Văn Duyệt. Trưng Vương, Duy tân Phan Rang. Xuân Phan Thanh Giảng. Giai phẩm Quốc Gia Nghĩa Tử...tập chủ đề này đã đem lại nhiều thích thú cho độc giả. Họ nhìn lại những kỷ niệm thời học trò.

Mười năm qua, phải nói TQBT cảm ơn những độc giả đã có lòng thương mến ủng hộ tiền tem, tiền mua giấy mua mực, dù không nhiều, nhưng đây rõ là một tấm lòng đáng trân quý, và cũng là một động lực rất lớn để chúng tôi tiếp tục hoàn thành. Với tấm lòng thương mến của độc giả và của bạn bè, cho nên từ số TQBT số 31 năm thứ Bảy, phát hành vào tháng 4-2008, vì bận việc làm ( 8 tiếng/ngày ở hãng xưởng) tối về còn phải lo bài vở, layout cho số tới. Sức khỏe không được tốt, sẵn anh Trần Hoài Thư nghỉ hưu, tôi đã thông báo với độc giả và bạn bè cảm bút kể từ số TQBT 32 tôi không còn đảm nhận nữa, giao toàn bộ lại cho anh THT lo. Số 31 đến tay độc giả và bạn bè trong và ngoài nước. Các bạn đã gửi điện thư đến chúng tôi và hỏi: *thiếu một người TQBT làm sao tồn tại?Anh THT một mình có làm nổi không?* Đó là tấm lòng của bạn bè và của độc giả dành cho tôi và anh THT. Tôi xin cảm ơn và ghi nhận những tấm chân tình của các anh chị em đã dành cho TQBT. Dù không còn chăm sóc bài vở, nhưng số nào anh THT cùng với tôi hỏi ý với nhau để làm cho tờ báo càng phong phú hơn. Từ đó, số 32, anh THT đảm nhận TQBT càng đứng vững mãi cho tới ngày hôm nay. Nhưng, từ một tạp - chí - văn - học - làm - cho - vui lúc ban đầu thật sự đã đi vào lòng độc giả, đã để lại nhiều điều hay, nhiều cảm mến. Và, ngay cả những ai muốn viết về những nhà văn, nhà thơ như một tài liệu để nghiên cứu thêm. Nhưng cũng cần phải nói thêm, nhóm chủ trương hôm nay chỉ còn có ba người: PVN, THT và TBT. (Trần Bang Thạch)

Nhưng hôm nay, TQBT không còn “ĐINH KỲ” nữa mà chỉ là “BẤT ĐỊNH KỲ” vì...sức khỏe anh THT ( vừa đọc bài, layout, in ấn lại còn đảm trách việc in tác phẩm của “nhà in” Thư Ấn Quán) . Việc “định kỳ” hay “bất định kỳ” đối với TQBT, một tạp chí không lấy nó làm kế “sinh nhai” thì việc “định kỳ” hay “bất định kỳ” không là vấn đề chi cả, chỉ buồn cho độc giả đã đến với chúng tôi vì một tấm lòng nay phải chờ đợi “hơi lâu” để có tạp chí trên tay mà đọc. Bất định kỳ đối với chúng tôi không có nghĩa là lâu dài. Có thể là một tháng, nửa tháng...không chừng; Vì việc in ấn do chúng tôi tự in không lệ thuộc ( phần viết của anh THT ở phần trên). Chỉ sợ sức khỏe của anh THT không cho phép. Và lại chúng tôi toàn những người ở xa nhau, không cùng trong một thành phố để giúp nhau được. Mười năm, với một tạp chí văn học “nghèo rớt mồng tơi” này vẫn còn hiện diện, vẫn còn những lời “khen” của những cây bút đàn anh và bạn bè. Cũng còn những lời “khen” của độc giả là một niềm vui rất lớn và ý nghĩa để cho chúng tôi tiếp tục, dù là bất định kỳ. Kỷ niệm mười năm, TQBT thành thật tri ân những độc giả và những anh chị em cảm bút đã ủng hộ và gửi bài trong suốt thời gian qua và còn gửi bài cho những số tới trong một cuộc chơi chữ nghĩa này.

(TQBT số 45 chủ đề nhà thơ Lâm hảo Dũng. Số tới 46 nhà văn Doãn Dân.)

## Viết về những người bạn



Cám ơn Nhà văn Trần Hoài Thư, *Chủ trương tạp chí Thư Quán Bản Thảo* đã gửi tư liệu *Chủ đề Ý Thức do tạp chí Thư Quán Bản Thảo ở Hoa Kỳ thực hiện (tháng 10-2008)*. VCV

Tôi không nhớ vào tháng nào trong năm 1969 tôi rời khỏi Bình Định đổi về thị trấn Tháp Chàm (Phan Rang). Nhưng trước khi đến Tháp Chàm, tôi ghé lại Nha Trang ở chơi với những anh bạn cầm bút nơi thành phố biển này. Một trong những người bạn ở Nha Trang mà tôi ghé đến là Lê Minh.. Anh giới thiệu tôi về “ăn cơm” ở nhà bà mẹ của anh ấy. Dầu gì, đời lính độc thân như tôi, có chỗ ăn ở đầu tiên khi đến một nơi lạ, cũng thấy đỡ lo hơn chạy tìm chỗ ăn hằng ngày. Vất vả lắm! Ngôi nhà của “mẹ”, mẹ Lê Minh, người Huế dân Phú Cam, chẳng biết vào lập nghiệp ở Tháp Chàm khi nào, nhưng tất cả các thành viên trong gia đình đều nói giọng “Huế rặc”; Vả lại Hoàng- em trai của Minh- cũng đã biết tôi vài lần khi ra Qui Nhơn và Nha Trang. Không ngờ tôi cũng gặp Lê Ký Thương trong ngôi nhà này. Anh làm ở tiểu khu Ninh Thuận. Khối CTCT thì phải? Ngày nào cũng gặp anh, nhưng chỉ nói chuyện vu vơ chơi sau những buổi cơm chiều, không bao giờ nói đến chuyện quân đội, và anh cũng không nói đến Ý Thức. Lê Ký Thương người ít nói chỉ cười cười và kín đáo.

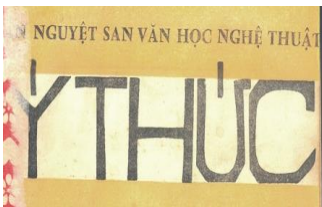
Phải nói, Ninh Thuận là một tỉnh ly “thanh bình”. Ai đổi về đây tựa như “lính cậu”. Không thấy chiến tranh hiện diện nơi đây, hay trên từng gương mặt lo âu của người dân như những nơi tôi đã từng đến. Một buổi sáng, đi làm, lang thang thả bộ đến đơn vị gần lên dốc cầu móng- cầu dành cho xe lửa- thì tôi thấy có một “anh chàng” lái xe honda màu đỏ rất đàng hoàng, chững chạc, trông như có vẻ nhà giáo chạy qua mặt tôi. Sau đó quay lại chạy chậm bên tôi, rồi hỏi: có phải Phạm Văn Nhân không? Tôi nói phải, rồi nhìn anh nhíu mày: ai thế? Võ Tấn Khanh đây. Tôi buộc miệng vui: Tôn Nữ Hoài My? Hai đứa chúng tôi cười ngất. Thế là quen nhau.

Đấy, cái thời của chúng tôi trong những thập niên 60, 70 là thế đó. Đối với những anh em, bạn bè đã ít nhiều cầm bút nói chuyện văn chương chữ nghĩa khi gặp nhau, dù lần đầu, nhưng như đã quen nhau từ lâu lắm. Bạn bè cứ trải lòng ra mà chơi. Không câu nệ. Về ở chơi với nhau năm mười ngày, nửa tháng rồi đi cũng chẳng có việc gì. Nhiều khi “móc” tiền túi, có bao nhiêu đưa hết cho bạn để tiếp tục cuộc hành trình, nếu muốn ra đi nữa. Chuyện bạn bè văn nghệ là thế; cho dầu mới gặp nhau lần đầu. Tôi nghĩ hôm nay, những người cầm bút trẻ, họ sống có vẻ “thực dụng” hơn chúng tôi. Chắc không có cái “thân tình” của thập niên 60-70 của thế kỷ trước.



Lữ Kiều, Trịnh Công Sơn, Hồ Thanh Ngạn,  
Ông Khai Trí, Nguyễn Minh

Như tôi đã nói: người đầu tôi gặp là Lê Ký Thương. Người sau: Võ Tấn Khanh...và, qua Võ Tấn Khanh tôi biết thêm những anh em trong nhóm Ý Thức và ngôi nhà 11 Nguyễn Thái Học Phan Rang. Nơi các anh làm trụ sở cho tờ báo. Nơi đó có Nguyễn Minh, có Trần Hữu Ngũ, có Lê Ký Thương, có Võ Tấn Khanh. Ý Thức đổi tên từ Gió Mai ở Huế. Khi vào Phan Rang có thêm hai người trong nhóm chủ trương là Lê Ký Thương và Võ Tấn Khanh. Võ Tấn Khanh vui tính hơn Lê Ký Thương. Và Nguyễn Minh rất “xè xòa, cởi mở” cho nên dễ gây tình thân với tất cả mọi người. Không ngờ căn phòng tôi thuê lại gần nơi VTK dạy học- trường tiểu học Đô Vinh, Tháp Chàm- Cũng nhờ có VTK mà tôi lại có phương tiện để về Phan Rang và đến với anh em trong nhóm Ý Thức. Đêm nào, tôi với Khanh, với Nguyễn Minh, Lê Ký Thương , Trần Hữu Ngũ, có cả Tô Đình Sự ( từ quân trường Đồng Đế biệt phái về Ty Thuế Vụ Ninh Thuận ) Tối thường hay gặp nhau ngồi uống cà phê nơi quán Diễm, mà chủ nhân của ngôi quán này là người bạn thân của Nguyễn Minh. Người nghệ sĩ chơi đàn Guita bằng tay trái: Vô Thường. Anh qua Mỹ và đã mất tại Cali .



Ý Thức, một tạp chí văn học, theo tôi, khác với những tờ báo mà tôi được biết qua những bạn bè của tôi ở từng địa phương tôi đến. Những tờ báo ở mỗi địa phương trong thập niên 60 ấy nở rộ như đóa hoa “ sớm nở tối tàn”; mặc dù có rất nhiều cây bút trẻ thành danh cộng tác. Tại sao thế? Có lẽ vì không đủ tiền để tiếp tục in cho những số tiếp theo chăng? Hay những tạp chí này chỉ lưu hành ở địa phương mà số độc giả quá ít ỏi và quá xa lạ chăng? Hay không cạnh tranh nổi với những tạp chí từ Sài Gòn phát hành ra? Nhưng dù gì, văn học miền nam cũng phải ghi nhận một điểm son “chói ngời” với những cây bút trẻ đã làm nên một nền văn học nhân bản, tự phát, không gò bó trong khi viết. Dấn thân và không viễn mơ. Còn Ý Thức thì phát hành rộng rãi hơn. Nhất là sau khi dời Ý Thức vào Sài Gòn. Và, tòa soạn cũng theo chân người viết.

Viết tới đây, tôi nhớ lại những tạp chí văn học ở địa phương, dù gì vẫn còn trong trí nhớ của bạn bè. Như:

\* Tạp chí Sóng ở Tuy Hòa, vào những năm 1963, 1964(?). Do nhà thơ Hoàng Đình Huy Quan và nhà thơ Nguyễn Phương Loan chủ trương.( Nguyễn Phương Loan sau này vào quân đội, ngành pháo binh, và tử trận ở Pleime). Sóng sau này còn có thêm nhà thơ Phạm Cao Hoàng và nhà văn Nguyễn Lệ Uyên nữa. Báo quay ronéo, nhưng chỉ sống được vài số. Đến năm 1970-71(?) nhà thơ Trần Huyền Ân có ra một tạp chí khác ở Tuy hòa ( không nhớ tên) in typo, nhưng cũng chỉ sống được 2 số.



\* Ở Qui Nhơn, tạp chí Nhìn Mặt do Đặng Hòa ( Nguyễn Thị Thùy My), in typo, ra được hai số rồi không ra nữa. Bên cạnh tạp chí Nhìn Mặt, Đặng Hòa còn mở thêm cái quán Cà Phê lấy tên “Quạt Mo” trên đường Phan Bội Châu để hy vọng anh em cầm bút ở Qui Nhơn tới uống mà có tiền lo cho tờ báo. Quán chỉ mở có 2 tháng thì đóng cửa vì lỗ, và tờ Nhìn Mặt cũng chết theo.

\* Nha Trang cũng thế. Tờ Dựng Đất do Lê Minh chủ trương, ra được 3 số. Tôi còn nhớ Dựng Đất số 1 phát hành vào tháng 6 năm 1969 dày khoảng hơn 100 trang, in typo rất đẹp. Những cây viết nổi danh ở Nha Trang như Võ Hồng, Thạch Trung Giã có viết bài . Bên cạnh còn có những cây viết trẻ như Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Âu Hồng, Thế Vũ, Tàn Vy, Tô Đình Sự, Chu Trầm Nguyễn Minh..v..v..

\* Ở Phan Thiết có tờ Quê Hương do Lê Văn Chính ( Sương Biên Thùy) và những cây bút địa phương thành danh, như Nguyễn Bắc Sơn, Từ Thế Mộng, Nguyễn Như Mây, Huỳnh Hữu Võ ..v..v.. Những anh em ở xa tới công tác tại địa phương còn có Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Dương Quang.

Đó là những tạp chí mà tôi biết được. Ở đây, tôi có một câu hỏi là tại sao ở mỗi địa phương lại có một tạp chí văn học như thế? Có lẽ cũng vì cuộc chiến tranh VN đã cuốn hút bao nhiêu người trẻ vào con đường binh nghiệp. Cứ ra chiến trường khắp 4 vùng chiến thuật, và cái điểm để anh em cầm bút gặp nhau là nơi thành phố mỗi lần có dịp về .

Chiến tranh và tuổi trẻ đã tạo cho những anh em có một cái nhìn thực dụng hơn trong khi viết. Không viễn mơ trong mỗi bài viết của mình. Từ đó, những tạp chí – cứ cho gọi là địa phương- nói chung và Ý Thức nói riêng qui tụ được nhiều cây viết trẻ trong thời đó. Ngay cả khi Ý Thức rời khỏi số 11 Nguyễn Thái Học, Phan Rang để vào Sài Gòn ( 666 Phan Thanh Giản) tiếp tục làm Ý Thức và nhà xuất bản trong đó cũng đã qui tụ được nhiều cây bút trẻ mà một thời miền Nam biết đến.

Viết về Ý Thức, một thời kỷ niệm với anh em khi còn ở Tháp Chàm, dù trong khoảng thời gian quá ngắn ngủi – 8 tháng – tôi lại đổi đến một đơn vị khác: Dục Mỹ. Khánh Hòa. Nhưng, mỗi lần nhớ đến hay nhắc đến, cái tình bạn ngày đó sao mà “thân tình” ghê gớm. Căn phòng tôi thuê chỉ là căn phòng bằng tôle, từ vách cho tới mái. Nhưng lại là nơi anh em bạn bè về đó thăm tôi trong những ngày nghỉ. Căn phòng đó có cả Tô Đình Sự lái xe Honda đến, căn phòng đó có Nguyễn Minh, có Trần Hữu Ngũ, có Võ Tấn Khanh hầu như không bao giờ thiếu anh em trong căn phòng chật chội này, dù chỉ vừa đủ kê một cái giường và cái bàn cùng những chiếc ghế ộp ẹp. Nhưng, có lẽ, vui nhất đời tôi khi về Tháp Chàm là những ngày tháng Trần Hoài Thư (THT) được Lữ Quỳnh đưa anh vượt Cù Mông để tìm cách vào Nha Trang. Và, tôi đưa anh vượt trạm Du Long để về sống với tôi trong căn nhà tôle nóng như cái lò hấp bánh mì này trên một ngọn đồi thấp nhìn xuống đường rầy xe lửa từ trong ga Tháp Chàm ra. THT về Tháp Chàm, tôi vui như những năm tháng hai đứa chúng tôi còn “lang thang” ở Qui Nhơn.

Cuộc đời quân ngũ của tôi với THT, dù khác đơn vị, nhưng có lẽ có cái cơ duyên hay sao mà tôi với anh “gắn chặt” với nhau trong những lần “rong chơi” đây đó. Cũng vì những lần “rong chơi” ấy mà chúng tôi có một kỷ niệm không sao quên được sau năm 1968 ( Mậu Thân). Hai đứa tôi lại “dù” về Nha Trang chơi vài ba ngày ( lúc nào cũng dù đi chơi ). Ông bạn Lê Minh lại bị cầm trại, không về nhà được, đưa tôi với THT vào ngủ trong những chuồng ngựa ở viện Pasteur. Những chuồng ngựa này đều có mang những số thứ tự trên cái bảng treo trước chuồng. Và Lê Minh nói: tụi mình là những con ngựa, mỗi thằng tự chọn cho mình cái chuồng mà vào đó nghỉ. ( LM thuộc lính tiểu khu Khánh Hòa)- Anh cũng đã mất ở Đà Lạt vào khoảng 4 năm trước.

Chuồng ngựa. Ba đứa tuổi ngựa. Và, hai người lính bơ vợ trở về thành phố thấy lạc lõng vô cùng. Để đến khi Lữ Quỳnh đưa anh vượt đèo Cù Mông về Phan Rang với tôi (khoảng năm 1969). Vài tháng sống trong căn phòng tột chật hẹp, thiếu nhiều phương tiện, tự đi chợ, tự nấu ăn. Và mỗi buổi chiều anh ra đứng bên tảng đá nhìn xuống đường rầy xe lửa Tháp Chàm, Nhìn về hướng Sông Pha, anh nhớ Đơn Dương. Nhớ đến cái ga xép nhỏ bé ngày nào mà anh đã có một thời sống ở đó- anh đã nói với tôi như thế- Tôi nghĩ, thời gian anh sống ở Tháp Chàm là thời gian anh viết hăng say nhất. Vì chiến tranh, sự chết chóc hằng ngày, những đôi mắt đại khờ của những bà mẹ quê trong những vùng hành quân mà anh đã đi qua...thật sự đã lụi xa. Tôi nghĩ, anh nên xa cái đơn vị mà anh đã một thời chiến đấu. Ân huệ cho anh ư? Chắc chắn là không. Với một người có nhiều tác phẩm đi trên báo, với một người mang kính cận gần 7 diop. Bỏ kính ra, anh chỉ mò chứ không thể nào thấy mọi vật trước mặt mình. Thế mà, anh vẫn miệt mài hành quân. Và phục vụ trong một đơn vị ai nghe danh cũng phải ngán: đơn vị thám kích. Thật tình mà nói nếu không có Lữ Quỳnh đưa anh qua Cù Mông để về với tôi, thì hôm nay, phải nói thật lòng, chúng tôi ..chắc không còn gặp lại anh ngày hôm nay. Về với Tháp Chàm trong những tháng anh sống thật yên ổn nơi thị trấn nhỏ bé này. Anh viết, viết ngày viết đêm không mệt mỏi. Và cái nhan đề cho tác phẩm đầu tay của anh đã được hình thành từ những đêm hai đứa tôi ngủ trong chuồng ngựa của viện Pasteur năm 1968.

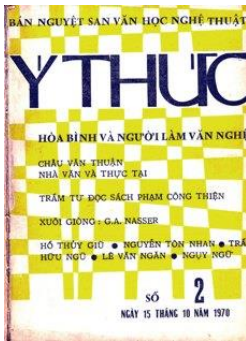
Tác phẩm đó đã được Nguyên Minh, cơ sở Ý Thức, nơi số 11 Nguyễn Thái Học, Phan Rang đánh máy và layout trên những tờ stencil để hoàn thành cho anh, và cũng cho cơ sở Ý Thức đầu tiên in ấn. Tôi nhớ, bìa do Lê Ký Thương trình bày. Và Lữ Kiều làm cliché ở Sài Gòn gửi ra cho NM để in tại nhà in Phan Rang. Tập truyện “Nỗi Bơ Vợ Của Bầy Ngựa Hoang” đã hình thành theo sự mong đợi của anh, và của anh em Ý Thức. Và, riêng tôi, trong cuộc đời quân ngũ lại có thêm một kỷ niệm – không biết vui hay buồn – khi tập truyện này phát hành, tôi mang nó vào Sài Gòn ở nhà một người bạn trên đường Chi Lăng, Phú Nhuận. Nhà của anh chị CDB làm ở tòa soạn Quyết Tiến trên đường Võ Tánh. Đọc xong, chị CDB bắt đầu “quay” tôi bởi vì trong truyện ấy có tên thật của tôi, mà THT đưa vào. Nói lại cho THT nghe, anh chỉ ngồi cười ngất. Hôm nay không biết anh chị CDB ngày ấy ở đâu. Tôi cố công tìm anh chị hoài, nhưng không gặp. Dù gì, đây cũng là những kỷ niệm vui trong cuộc đời còn rất trẻ của chúng tôi vào thời ấy. Phải không Trần Hoài Thư? Tôi chỉ mong sao Nguyên Minh tìm lại bản thảo của tập truyện này để chúng tôi in lại như những tác phẩm mà THT và tôi chủ trương tủ sách di sản văn chương miền Nam.

Viết về các bạn bè trong nhóm Ý Thức mà không viết về kỷ niệm khi tập truyện ngắn đầu tay của THT được hình thành, e cũng là một điều thiếu sót. Tôi viết để nhớ lại những kỷ niệm một thời không quên cái tình bằng hữu, cái tình của những bạn bè cầm bút chơi với nhau trong thập niên 60’ của thế kỷ trước. Cái tình “không vụ lợi”; vì có lợi đâu mà vụ. Cái tình văn nghệ sao mà “đẹp” lắm. Không thể nào diễn tả được.

Sau thời gian ở Tháp Chàm, THT lên Ban Mê Thuật về Sư đoàn 23, rồi về vùng 4 làm phóng viên chiến trường, lập gia đình trong đó. Tôi rồi cũng ra khỏi Tháp Chàm vào đầu năm 1970. Từ già Võ Tấn Khanh, Lê Ký Thương ( Nguyên Minh đã vào Sài Gòn ). Tôi thấp nhang trên bàn thờ Tô Đình Sự như để nhớ một người bạn thơ mà chúng tôi thường hay gặp từ lúc anh còn ở trường HSQ/ĐĐ. Sau khi tôi với Trần Hoài Thư từ già Tháp Chàm, thì Võ Tấn Khanh lên dạy trung học ở Đà Lạt không còn dạy tại trường tiểu học Đô Vinh. Chỉ còn lại Lê Ký Thương, Trần Hữu Ngũ. Hôm nay, Trần Hữu Ngũ cũng từ già các anh để ra đi. Và, sau khi mỗi người mỗi nơi chia tay nhau, hai con ngựa hoang ( tôi và THT ) đã lập gia đình. Không còn rong chơi như ngày nào nữa.



Trong bài viết của anh Lữ Quỳnh viết về “Những Kỷ Niệm Về Một Thời Ý Thức” *Bán Nguyệt San Ý Thức qua năm thứ hai có phần chệch hướng*. Tôi nghĩ cái mà anh viết về “chệch hướng” này, có lẽ cũng vì tình bạn bè và trọng nề của Nguyên Minh mà ra. Khi ấy ngoài Ý Thức ra, còn có hai cơ sở: nhà xuất bản Ý Thức và nhà phát hành Hàm Thụ. Do đó mà Nguyên Minh không “kham nổi” công việc, phải nhờ đến bạn bè. Trong đó có nhà thơ Thái Ngọc San (TNS). Nói đến TNS anh em đều biết anh là một người “trốn lính” không bao giờ chấp nhận chế độ lúc ấy. Bạn bè còn nghĩ anh là người “phía bên kia”. Tuy nhiên, biết như thế, anh em vẫn chơi- không mang tính “chính trị” mà chỉ trên tình bạn bè cầm bút. Do đó mà NM đưa anh về Ý Thức vừa “bảo bọc” vừa “che chở” cho anh để cho anh có một chỗ ở. Và, nhờ anh chăm sóc bài vở và trả lời độc giả. Đến nỗi khi có TNS về làm ở tòa soạn Ý Thức, nhiều người cứ nghĩ rằng Ý Thức là do TNS chủ trương. Đây là một sự “hiểu lầm” khá trầm trọng. Mà phải hiểu là TNS không có chân trong nhóm Ý Thức. Nhắc đến TNS, tôi lại nhớ có lần, hình như vào 1968 thì phải, anh từ Lâm Đồng về Huế. Đến Qui Nhơn thì bị bắt vào TTTM/NN ở Gành Ráng. Anh nhắn tôi với THT. Hai đứa tôi vào thăm. Thấy anh bị đất quá, tôi với THT còn bao nhiêu tiền đưa hết cho anh, THT còn cởi áo thun đưa cho anh mặc. Tình bạn chúng tôi chơi với nhau không mang một tính toán gì cả. Lúc ấy cũng có Lữ Quỳnh đóng ở Qui Nhơn, Nhưng có lẽ TNS không biết có LQ. Cho nên nhắn tôi và THT mà thôi. Nhưng sau đó, nghe anh cũng đã trốn thoát được về SG và NM đã đùm bọc anh.



## Bìa Ý Thức số 2

Ý Thức số 24 đình bản. Tôi nghĩ sự đình bản này là để các anh chuẩn bị cho một bước đi khác cho những số tới, chứ không phải do BTT đình bản. Chúng ta phải biết như vậy. Nhưng trước khi Ý Thức đình bản. Tạp chí đã có sự thay đổi về hình thức, mà có lẽ Lữ Quỳnh và THT quên đi. Đó là khuôn khổ của tờ báo hình “vuông” cạnh đều cạnh. Hình thức vuông vức này là do ý của Nguyễn Lệ Uyên đưa ra, và Nguyên Minh chấp nhận.

Và hôm nay, viết về những người bạn trong nhóm Ý Thức khi từ Huế (Gió Mai) vào Phan Rang (Ý Thức) từ một tạp chí quay ronéo và cơ sở in Ý Thức đã in tập truyện đầu tay của THT cũng quay ronéo làm cho tôi nhớ lại bạn bè trong thời gian qua. Nay, trong nhóm ấy, cũng có anh đã nằm xuống. Cũng có nhiều anh còn trong nước. Và cũng có nhiều anh ra hải ngoại. Cái may cho tôi ngày hôm nay là tôi vẫn còn giữ trong máy của tôi những tập truyện: của Nguyên Minh, của Trần Hoài Thư (truyện viết trước 1975), của Trần Duy Phiên, của Lữ Quỳnh, và tập thơ của Hồ Thanh Ngạn. Những người ở trong Ý Thức ngày nào.

Thư Quán Bản Thảo được hình thành từ bao năm nay. Để Ý Thức trong nước cũng hình thành trở lại, với cái tên khác (Ý Thức Bản Thảo), dù không được phát hành đều đặn, nhưng cũng tạo được một nơi để anh em gặp mặt nhau trên những con chữ, trên những sáng tác mới để gửi đến bạn bè và độc giả của hai tờ tạp chí mà theo tôi: như hai mà một này. Cũng mong sao

như Lữ Quỳnh nói: *Nhưng biết đâu, trong và ngoài nước, một ngày không xa, tạp chí Ý Thức mới của những người bạn già lại xuất hiện.*

Điều này, mong lắm thay!

## Thư Quán Bản Thảo bước qua năm thứ 11, nghĩ về một người bạn



Từ trái sang phải: Phạm Ngọc Lư - Trần Hoài Thư  
Nguyễn Lệ Uyên - Phạm Văn Nhân (chụp tại Tuy Hòa 1969 ?)

Thư Quán Bản Thảo mới đó đã bước qua năm thứ 11. 11 năm có phải là thời gian đủ dài để độc giả nhớ đến một tờ báo văn học, mà trên tiêu chí của tờ báo đã ghi. 11 năm hiện diện trên văn đàn hải ngoại vẫn còn tồn tại, dù có lúc “định kỳ” có khi “bất định kỳ”.

Định kỳ hay bất định kỳ chỉ là thời gian đến tay độc giả chậm một chút. Chứ không bỏ cuộc chơi “chữ nghĩa” mà đã qua 11 năm vẫn còn “trụ” được; mặc dù tình hình kinh tế có “khó khăn”. Tiền giấy, tiền mực, rồi cước phí gửi bưu điện. Nhất là tiền cước phí, hầu như năm nào cũng tăng. Giấy mực xem như việc phải có đủ để hoàn thành một tạp chí theo mong muốn, nhưng cước phí bưu điện cũng đã làm cho nhiều tạp chí phải “suy nghĩ”, trong đó có Thư Quán Bản Thảo. Do đó chủ trương của anh Trần Hoài Thư, cũng đã nói lại nhiều lần trên tờ báo là: *độc giả nào còn yêu mến TQBT xin gửi ủng hộ tem theo giá cước hiện hành của bưu điện, để chúng tôi gửi báo đến tận nhà.* Và như thế TQBT không bán, chỉ yêu cầu độc giả ủng hộ “cước phí bưu điện” mà thôi.

Tuy vậy, cũng có vài độc giả “lờ đi”. Xem như chúng tôi, những người làm “văn học nghệ thuật” này phải có bổn phận gửi báo tới cho họ. Đối với số độc giả này, chúng tôi buộc phải suy nghĩ và xét lại.

Một tạp chí hoàn toàn văn học mà “tâm huyết” của chúng tôi đã và phải làm cho bằng được là: làm sống lại một nền văn học đích thực của một miền Nam, chỉ mới có 20 năm thôi, kể từ ngày đất nước qua phân (1954 đến 1975) nền văn học miền nam như thế nào, các bạn cũng đã biết. Không những chỉ có những tờ báo lớn phát hành ở Sài Gòn, mà các tỉnh lẻ cũng phát hành những tạp chí văn học có giá trị thời ấy nữa. Những cây viết trẻ “nở rộ” trong vòng sau 10 năm của 20 năm chia đôi đất nước. Và, trong 10 năm đó chiến tranh càng ngày càng khốc liệt, lấy từ cái mốc năm 1964 đến 1975. Lớp trẻ được tung ra chiến trường càng nhiều thì làm cho nền văn học miền Nam thêm khởi sắc. Không biết sự suy nghĩ của tôi có đúng không, nhưng phải nói thời điểm này, ngoài chiến trường, những nhà văn, nhà thơ trẻ như những ánh lửa thấp sáng lên trong đêm trường ngút ngàn khói lửa. Họ đã tạo nên một nền văn học nghệ thuật đầy hoài bão và khát vọng của chính mỗi con người sống trong sự phân hóa của chiến tranh mà họ tham dự. Từ đó, văn học miền Nam có thêm nhiều cây viết mới.

Sau tháng 4-1975, nền văn học miền Nam được chuyển tiếp ra hải ngoại. Nhưng các tạp chí văn học có giá trị cũng chỉ đếm được chẳng là bao nhiêu, rồi cũng “đẹp tiêm”. Có lẽ cũng vì cước phí bưu điện quá cao, rồi tiền in ấn không kham nổi chăng? Và, còn độc giả nữa. Vâng,

đúng vậy, tờ báo sống được là nhờ độc giả. Không có độc giả là tờ báo đó “chết” ngay. Phát hành ra “chẳng ai” đọc. Thường thường độc giả ở Mỹ thích đọc những tờ báo chợ hơn, nhưng những tờ báo này không chuyên hẳn về văn học. Chỉ cần quảng cáo. Phát không ở những cửa tiệm và chợ của cộng đồng, không phải bỏ tiền ra mua. Sự kiện này đã khiến những tạp chí chuyên về văn học, trong đó có TQBT càng gặp khó khăn. Nhất là với một tạp chí hoàn toàn văn học, không quảng cáo như TQBT thì chắc chắn phải đến một thời gian nào đó cũng phải “đóng cửa” thôi. Tuy nhiên, với quyết tâm làm sống lại nền văn học miền Nam cũ, qua sự “tái xuất giang hồ” của những cây viết một thời trên văn đàn miền nam mà độc giả miền Nam đã biết, qua những số chủ đề giới thiệu về những nhà thơ, nhà văn hay những tạp chí quen thuộc trước 1975, qua những lần độc giả gửi điện thư cũng như gọi phôn, ngay cả trong nước, khuyến khích, động viên chúng tôi... Đó là những lý do chính giúp chúng tôi vượt qua những khó khăn, cố gắng duy trì một tạp chí văn học đúng nghĩa, không không làm thương mại, không bị chi phối bởi quảng cáo.



Tạp chí TQBT đã phát hành

11 năm qua, 48 số phát hành, một điều khích lệ rất lớn và rất vui với nhóm chủ trương; vì bên cạnh chúng tôi còn có những độc giả trẻ ủng hộ chúng tôi. Đó là nguồn hạnh phúc rất lớn đối với anh em chủ trương tờ báo. Bên cạnh đó, chúng tôi còn có thêm nhiều cây viết mới. Những nhân tố mới này (người viết trẻ) đã làm cho nền văn học Việt nơi hải ngoại ngày càng thêm khởi sắc ở vào thế hệ thứ hai. 48 số cũng chưa đủ nhiều. 11 năm cũng chưa đủ dài để đóng góp vào nền văn học Việt hải ngoại; vì lớn lao quá, nhưng làm được lúc nào hay lúc nấy để làm sống lại một nền văn học đích thực của miền nam cũ chuyển tiếp sau tháng 4 -1975 đã một thời đi vào lòng người, hay nói khác đi là đã đi vào lịch sử văn học miền Nam.

48 số đã phát hành, từ số 1 đầu tay, còn chập chững, còn sơ sài trong lối in ấn cho đến hôm nay đã đi vào chuyên nghiệp, phải nói như thế, là nhờ có anh Trần Hoài Thư, người có sáng kiến hình thành nên cơ sở Thư Ấn Quán để làm nơi in ấn TQBT và những đầu sách cho những nhà văn, nhà thơ nào cần yêu cầu. Có thể, dù có khó khăn như nói ở trên, nhưng TQBT vẫn sống, để đến tay bạn bè, độc giả.

11 năm kỷ niệm TQBT hình thành mà không nói đến cơ sở in và xuất bản Thư Ấn Quán có lẽ cũng là điều thiếu sót. TQBT hình thành cũng từ cơ sở này. Và những đầu sách của bạn bè cũng từ cơ sở này. Cơ sở in và phát hành, nói cho vui vậy thôi. Chứ cơ sở Thư Ấn Quán chẳng có văn phòng, chẳng có nhân viên, chẳng có máy móc. Chỉ là một căn hầm (basement) tại nhà của anh chị Trần Hoài Thư. Từ cơ sở này, lúc đầu chỉ có vài cái máy vi tính chạy rất chậm, một vài cái máy in cá nhân, và một cái máy cắt xén giấy bằng tay, mà nhân viên kiêm ấn công, trình bày sách, layout, sưu tầm, *shipping v.v...* chỉ duy nhất một mình anh THT gánh vác, vậy mà giờ đây, hàng trăm đầu sách, trong đó có những bộ sách đồ sộ lần lượt ra đời... Tôi lại nghĩ đến một người bạn của chúng tôi, nhà văn Nguyễn Minh còn trong nước. Ngày đó, lâu rồi, vào khoảng năm 1968-69. Tôi với anh THT về Phan Rang, cơ sở in của tạp chí Ý Thức, do Nguyễn Minh và bạn bè của anh chủ trương. Cơ sở còn thô sơ của cái thời đó. Máy in chỉ là một cái máy quay ronéo, và một bàn máy đánh chữ. Thế mà Ý Thức cũng đã đến tay độc giả, một trong

những tờ báo để lại tiếng vang một thời. Ý Thức sống tới 24 số thì lịch sử sang trang. Cơ sở Ý Thức cũng đã xuất bản nhiều đầu sách cho bạn bè. Trong đó có tập truyện đầu tay của THT. Nghĩ đến Thư Ân Quán, tôi nghĩ đến anh, đến những ngày đầu trần trụi, khó khăn, tìm kiếm để tạo nên một Thư Ân Quán ngày hôm nay. Nghĩ đến công việc làm của anh dưới cái basement hôm nay, lại nghĩ đến anh ngày xưa, con người sống hết mình với bạn bè, chơi hết mình với bạn bè, có bao nhiêu chơi hết bấy nhiêu không tính toán. Sống nay chết mai, tính toán làm gì cho mệt. Nhiều khi, hết tiền hai đứa chia nhau một liều thuốc...thế mà, những công việc tỉ mỉ, tần mẫn của một người chọn xếp từng trang báo đã in ra theo số trang, khâu từng xấp giấy bằng chỉ, đóng những trang bìa bằng giấy cứng. Tôi phục anh. Với anh và tôi, ngày xưa sống bất cần đời, thì hôm nay, anh làm được nhiều việc cho một tạp chí văn học, để lại cho “đời”- có thể nói như thế- những bài thơ, những truyện ngắn của những tác giả một thời của miền nam cũ sống lại, qua những trang giấy lên đến hàng ngàn trang thơ cũng như văn mà chúng tôi sưu tầm in thành sách.

Từ một người không biết gì về kỹ thuật in, đóng. Thế mà hôm nay, tôi có thể tự hào về người bạn của tôi, sau Nguyễn Minh. Anh đã trở thành “chuyên nghiệp” nếu đọc giả nhìn thấy những bộ sách đã phát hành từ Thư Ân Quán do anh làm ra.

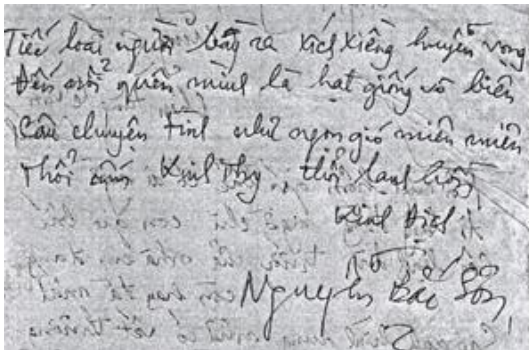
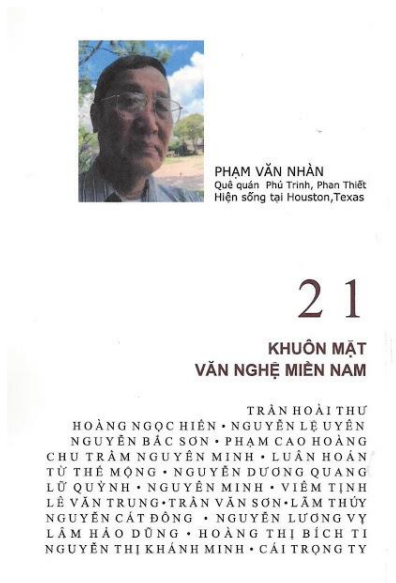
Cũng vì muốn gìn giữ một nền văn học miền Nam trước 1975, mà chúng tôi gọi là: *Văn học miền Nam trong thời chiến*, đã thôi thúc chúng tôi, cũng như bạn bè cầm bút cũ, cũng như độc giả yêu cầu, chúng tôi đã làm và còn làm thêm nữa qua những bài văn, bài thơ mà chúng tôi đã sưu tầm được. Đây cũng là mục đích của TQBT. Ta thử nhìn lại từ năm 2006. Đầu tiên là tập Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến, dày khoảng trên 800 trang, bìa cứng, khâu bằng chỉ. Qua năm 2007 chúng tôi sưu tầm thêm thơ và quyết định phát hành tiếp chia làm 2 bộ: tập I và II cùng tên, có bổ sung. Mỗi bộ trên 700 trang. Bìa cứng. Qua năm 2008 những tập thơ được sưu tầm lần lược phát hành: Thơ Tình Miền Nam, dày trên 700 trang. Thơ Tự Do Miền Nam trên 600 trang. Một Thời Lục Bát Miền Nam, 600 trang. Bìa có hai loại cứng và mềm. Sau đó một năm, năm 2009 cho phát hành Văn Miền Nam Trong Thời Chiến gồm bốn bộ được đánh dấu từ bộ I đến bộ 4. Mỗi bộ dày trên 700 trang, gồm khoảng 117 tác giả, mỗi tác giả chỉ lấy một truyện, dù chưa đầy đủ sẽ sưu tầm thêm để bổ sung. Bìa có hai loại: cứng và mềm. Từ sau tháng 4-1975 hầu hết những tác phẩm văn thơ miền nam cũ không còn, từ những tạp chí văn học một thời của miền nam sau hai mươi năm, từ năm 1954 đến 1975 cũng không còn. Chế độ đương đại hôm nay cho “đốt” sạch kể từ sau tháng 4 năm 1975 ấy. ... Vì thế, với chủ trương của Thư Ân Quán, cùng với một vài người bạn văn có tâm huyết trong và ngoài nước, như nhà thơ Thành Tôn ( Mỹ), nhà văn Nguyễn Lệ Uyên (VN) còn lưu giữ mỗi người một ít gởi đến cho chúng tôi. Dù cho những tờ báo, hay tạp chí mà hai anh gởi đến chúng tôi đã bị một ăn, gáy bìa không còn, vàng úa trông rất “thảm hại”. Đồng thời anh Trần Hoài Thư không kể mưa, tuyết vẫn phải lái xe thường xuyên đến thư viện “Quốc Hội Hoa Kỳ” để xin copy rồi về chia nhau đánh máy. (tôi và anh). Ngoài ra anh cũng phải nhờ đến một vài độc giả có “tâm” với nền văn học miền Nam cũ đánh máy. Có như thế chúng tôi mới hoàn thành được cái tâm nguyện là: *làm sống lại và gìn giữ văn thơ miền Nam cũ*. Có một điều rất thú vị là Văn Miền Nam Trong Thời Chiến, 4 bộ dày cộm như thế, vào năm 2010 tôi về thăm nhà, độc giả trong nước tiếp nhận bộ VMNTTC một cách rất nồng nhiệt. Một cô độc giả, rất trẻ, ngồi uống cà phê với chúng tôi nói là nhạc miền nam trước 1975 tôi thường hay nghe, nhưng văn thì không bao giờ đọc được. Thế mà cũng đến tay cô được bộ Văn Miền Nam Trong Thời Chiến.

Bên cạnh những đầu sách đã xuất bản ( chúng tôi chỉ là những người đi sưu tầm, in lại và gìn giữ). Có những tác giả, chúng tôi cũng không biết mặt, sống hay chết sau tháng 4-1975. Cũng như có những tác giả mà chúng tôi biết họ không còn nhớ cái truyện họ viết đi trên báo nào, năm nào vì là truyện đầu tay của họ, lâu quá rồi quên mất đi. Thế mà chúng tôi tìm được. Với mục đích lưu giữ lại những tác phẩm một thời đó, cho nên, không lấy sự phát hành làm nguồn sống cho bản thân ( in và bán), chỉ yêu cầu, độc giả nào yêu thích văn chương miền nam chỉ hỗ trợ cho chút phí bưu điện và giấy mực. In theo yêu cầu. Cũng như tạp chí Thư Quán Bản Thảo

mà 11 năm qua, chúng tôi cũng làm việc ấy. Không bán và chỉ yêu cầu hỗ trợ cho chút phí bưu điện hay tem mà thôi.

Ngày hôm nay, ngồi viết lại, trong số những người bạn của tôi, trong nước cũng như ngoài nước, những độc giả một thời gắn bó với Thư Quán Bản Thảo cũng như những đầu sách được in ra từ Thư Ấn Quán. Tôi phải cảm ơn những bạn bè cầm bút cũ một thời đã đến với chúng tôi, bên cạnh đó, cũng phải cảm ơn những người viết trẻ nơi hải ngoại này, đã đến với TQBT. Và, ngày hôm nay: TQBT và Thư Ấn Quán vẫn còn là nhờ công sức của nhà văn Trần Hoài Thư, một người bạn “cùng khổ” với tôi một thời “lận đận” khi còn khoác trên người bộ quân phục. Lúc nào và lúc nào anh cũng tha thiết với : văn chương chữ nghĩa. Hôm nay, tôi nghĩ 11 năm qua, TQBT và Thư Ấn Quán đã làm cho anh vui. Vui trên từng con chữ. Phải vậy không, người bạn “bên trời lận đận”?

## Về Nguyễn Bắc Sơn



Thủ bút Nguyễn Bắc Sơn

Tôi thường gọi anh bằng cái tên thân mật hồi còn nhỏ: Hải. Sau này Hải dùng bút hiệu Nguyễn Bắc Sơn cho những bài thơ viết về chiến tranh đi trên tuần báo Khởi Hành do anh Viên Linh làm Thư ký, một tuần báo văn học nghệ thuật của quân đội rất nổi tiếng, không những trong giới “lính” chúng tôi, mà còn cả giới trí thức dân sự như giáo sư và sinh viên nữa..... Năm 1972, một tin vui đến cho Sơn: khi tập thơ *Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi* được nhà xuất bản Đồng

Dao ấn hành, tờ báo Sống của nhà văn Chu Tử giới thiệu ngay trên trang nhất, vào một chỗ trang trọng nhất của tờ báo lúc bấy giờ. Và, Nguyễn Bắc Sơn đã thành danh và bay bổng trên con đường văn học miền Nam thời chiến tranh.

Hôm nay, hơn 30 năm sau, tập thơ của Sơn được chúng tôi ( Thư Ấn Quán ) in lại và gửi đến độc giả yêu mến thơ anh ( tháng 5/2005, theo phương pháp Book-on-demand ). Nhìn tập thơ của người bạn cũ nằm trên bàn làm việc của tôi ( do tôi và anh Trần Hoài Thư trình bày bìa), rồi nhìn lại tấm hình của anh, tôi thấy một niềm vui - bao - la - chi - lạ. Vâng, vui lắm! Khi tôi gọi điện về nhà thăm anh Từ Thế Mộng, và nhờ anh nói lại với Hải tập thơ đã in lại bên này, Hải vui, và vui cả trên hai con mắt của anh mở to, rất sáng. Tôi biết điều ấy! Tập thơ cũ, hình ảnh cũ của Hải lại về...

Mới ngày nào phải không Hải? Thoáng cái đã 18 năm, hình như vào khoảng năm 1987, 1988 thì phải khi tôi còn đi làm kiếm sống bằng nghề “ thợ hồ ” sau những năm “ học tập cải tạo ” về trong thành phố của bọn mình lớn lên. Thịnh thoảng, có những buổi sáng anh đến chỗ tôi làm. Và, ngày nào cũng cái quần kaki bạc màu, cái áo sơ mi màu nhạt ( thường là màu trắng hay màu mỡ gà ), đôi dép Nhật lệt xệt, cứ thế mà anh đi tìm bạn bè. Nói như anh Từ Thế Mộng: “ Ừa la cà với bạn bè, ai rủ cũng đi, không rủ cũng đi, đi bất cứ đâu, ở bất cứ nơi nào có bạn....”. Và, mỗi lần anh đến, tôi với anh lại đèo nhau trên chiếc xe đạp cà tàng của tôi, đến cái quán cà phê quốc doanh đặt trong vườn hoa gần nhà ga thành phố. Một chỗ ngồi dành cho những người lao động bình thường như kéo xe lôi, đạp xe ba gác...Những buổi sáng như thế thật yên tĩnh trong khuôn viên vườn hoa, anh lại đọc cho tôi nghe những bài thơ anh mới làm tối hôm trước.

Làm sao nhớ hết những bài thơ anh đọc cho tôi nghe trong khuôn viên vườn hoa năm ấy, khi mà bối cảnh xã hội lúc bấy giờ không cho phép tôi dám cầm bút trở lại, khi mà đầu óc còn xơ cứng, nặng nề, khi mà cái bao tử của cả gia đình bắt tôi phải thật sự kiếm sống bằng đủ nghề chân tay. Do đó, tôi cũng phải biết giữ mình với một khoảng cách “ văn nghệ, văn gừng ” sau ngày tôi ra khỏi trại. Chính tôi, không ai khác, phải giữ khung thành cho vững đứng để cho trái banh nào lọt lưới. Khổ thân. Tuy nhiên khi gặp lại bạn cũ và nhất là ngồi nghe lại những bài thơ của bạn mới làm, trong một khung cảnh im ắng.... là thấy vui rồi. Cho dù cái máu văn nghệ văn gừng ngày nào ...nó đã thoát hơi bay mất.

Với thơ của Nguyễn Bắc Sơn, không phải chờ đến năm 1972 mới thấy thơ anh hay qua nhận xét của những cây viết “ cổ thụ ” của văn học miền Nam mà trước đó tôi đã đọc thơ anh, và rất chịu... Vâng, tôi không ngờ một người bạn thuở nhỏ mà tôi tưởng là “ chỉ giỏi võ ” lại “ hay cả thơ ” sau này nữa.

Những năm còn quần quật trong quân ngũ, được nghỉ phép là về quê thăm gia đình, bạn bè. Tôi nhớ, có lần anh đưa tôi xem bài thơ *Mật khu Lê Hồng Phong*. Trong bài thơ có đoạn ...” *Đêm nằm ngủ võng trên đồi cát/ nghe súng rừng xa nổ cắc cù..*” Tôi không thích hai câu thơ này lắm. Nghe “ nó ” làm sao ấy. Chỏi với câu 3, theo ý riêng của tôi lúc ấy: *Chợt thấy lòng mình bát ngát*. Vì anh cũng lính. Tôi cũng lính có chút máu văn nghệ trong người. Anh làm thơ, tôi không làm thơ, nhưng đã là *nghe súng rừng xa nổ cắc cù* là tội mình “ phải cảnh giới- mất ngủ ” chứ không thể nào thấy lòng mình bát ngát được. Tôi có nói thẳng ý của tôi nhưng không có ý nghĩa là chỉ một câu thơ đó làm cho bài thơ mất hay. Phải nói là tuyệt nữa. Bởi vì bài thơ gây một ấn tượng thích thú trong tôi, không biết có phải thơ của bạn mà tôi nhớ mãi trong khoảng thời gian đi lính của tôi không? Vâng! Chỉ 4 câu thơ sau đó thôi: *Mai ta đụng trên ta còn sống / Về ghé Sông Mao phá phách chơi / Chia sót nỗi buồn cùng gái điếm / Đốt tiền mua vội một ngày vui*. Đồ anh lính trận nào khi đọc 4 câu thơ trên mà không nhớ? Thực tế quá, phải không? Bốn câu thơ trong bài thơ *Mật Khu Lê Hồng Phong* này theo tôi trong suốt thời gian còn



tiếp tục đời lính. Năm 1972, lên Kontum, rồi Pleiku công tác, từ Non Nước xuống Hàm Rồng về thị xã vào ngày nghỉ cuối tuần, không phải chỉ có một Sông Mao của Nguyễn Bắc Sơn để người lính *chia sót nỗi buồn cùng gái điếm*; mà nơi nào trên quê hương lại không có những Sông Mao như vậy? Một cái quận An Khê núi rừng nhỏ bé thôi cũng đủ cho ta thấy cả một khu Sông Mao ở đó. Và, còn đâu nữa, Tháp Chàm tôi đến cũng vậy. Không nói đâu xa, dưới chân đèo “ Ngoạn Mục ”, cái xã nhỏ tí ti người dân tộc nhiều hơn người kinh, thế mà, cũng có Sông Mao. Đừng nói chỉ đến những thành phố lớn có quân đội đồng minh trú đóng. Sông Mao trong thơ của Sơn còn “ nhẹ nhàng ” quá đổi. Trước mặt, thì chết chóc. Sau lưng thì có quá nhiều Sông Mao. Thử hỏi, đời lính chúng tôi lúc ấy làm sao không thích những câu thơ của Sơn?

Chiến tranh! Nói thật lòng, chẳng ai thích đâu. Dù chúng tôi là những người lính một thời trực diện với cái chết ngoài chiến trường. Nhất là ở những thôn xóm mà người lính đi qua. Điều tàn. Xơ xác. Tôi nghiệp. Ai cũng mong có Hòa Bình. Ngay cả tôi cũng vậy thôi. Có người đọc thơ anh, nói anh “ phản chiến ”. Tuy nhiên, tôi biết, anh vẫn khoác áo lính cho mãi đến tháng 4/75. Nói lên ước mơ hoà bình trên một quê hương có quá nhiều chết chóc do chiến tranh gây nên, là phản chiến hay sao?

\*\*\*

Với chủ đề về thơ Nguyễn Bắc Sơn cho Thư Quán bản Thảo 20, chưa phát hành, mà bạn bè của Sơn ở hải ngoại gọi điện hay email tới hỏi tôi khi nào thì phát hành, nhớ gọi báo đến. Tôi vui. Trong những người bạn của Sơn ở Pháp có Phạm Tam Nại, trước 1975 Luật Sư, không biết có phải như trong bài thơ: *Chúng Ta Không Phải Sinh Ra Để Sống Như Thế Này*, trích đoạn:

...

*bạn ta những thằng đang cời trần kêu khổ  
Trong những căn nhà hộp  
Bỗng nhiên  
Đưa trở thành quan tòa  
Đưa trở thành thầy giáo  
Đưa tài xế  
Đưa nhà văn  
Đưa quan ba  
Thật quái gở*

Trong thơ của Sơn, anh thường nhắc đến những người bạn một thời với anh. Cho nên, ngoài những bạn thuở còn nhỏ với Sơn, tôi còn biết có một người rất thân sau này khi anh đã vào lính. Đó là nhà thơ Sương Biên Thùy ( Lê Văn Chính ) khi anh Chính đổi về tiểu khu Bình Thuận. Vì thế, khi làm chủ đề về thơ của Nguyễn Bắc Sơn, tôi gọi điện thoại nói rõ cho anh Chính hay. ( sau này anh Chính lấy bút hiệu là Lê Mai Lĩnh ). Và, anh vui lắm, khi nhắc đến Nguyễn Bắc Sơn. Tôi nghe anh Trần Hoài Thư nói lại khi lên thăm anh ở Connecticut, anh lấy thơ của Sơn ra đọc và khóc. Do đó, với số chủ đề này, anh đã gửi đến tôi hai bài viết về Nguyễn Bắc Sơn ( phóng bút ). Bài 1: *Nguyễn Bắc Sơn Chút Tình Mang Theo Xuống Mộ Chí* dài khoảng 17 trang. Và bài 2: *Bình Nhị Nguyễn Văn Hải* dài 12 trang. Bài thứ 2 là bài viết theo thể loại vui khi anh đổi về Bình Thuận gặp Nguyễn Bắc Sơn. Nếu Thư Quán Bản Thảo đi hết một loạt hai bài này, gửi về Phan Thiết cho NBS đọc thì rất là “ đầy ấp tình bạn ”. Tuy nhiên, sau khi tôi đánh máy ( đặc biệt chỉ dành riêng cho bạn tôi- Lê Văn Chính ) tổng cộng 29 trang loại giấy 8 ½ x 11 rà soát lại và đưa vào trang Thư Quán Bản Thảo thấy chiếm quá nhiều trang ( trên 60 trang cho bài viết của anh Lê Mai Lĩnh ) mà số trang của Thư Quán Bản Thảo lại có hạn ( 200 trang cho mỗi số ), do đó, bài viết thứ hai của bạn tôi viết về Nguyễn Văn Hải buộc tôi phải gác lại để có chỗ cho những bạn bè khác trong phần “ sáng tác văn học - thơ và truyện ” nữa. Một ý riêng nhắn bạn ta, lần sau gửi bài xuống cho tôi, bạn làm ơn gửi cái floppy disk viết

bằng font chữ Việt thì tiện cho tôi lắm lắm. Đi làm về, tối ngồi gõ 29 trang bài viết của bạn ( gõ bằng hai ngón tay như “ gà mổ thóc” ê cả người. Dù mệt, nhưng cũng phải gõ trên bàn phím, vì chữ nghĩa của bạn dành cho Nguyễn Bắc Sơn quá chân tình. Còn nói như anh Từ Thế Mộng ( trong nước ) khi viết về Nguyễn Bắc Sơn, anh ấy nói: Lê Văn Chính viết sao hay quá, 29 trang giấy chỉ trong 2 đêm là xong, còn anh viết có 4 trang thôi mà tới 20 ngày. Sáng nào cũng thức dậy khoảng 3 giờ sáng để viết .... Để rồi, từ trong nước, ngoài nước số chủ đề về thơ của Nguyễn Bắc Sơn cũng hoàn thành.

*Viết năm 2005 (Thư Quán Bản Thảo số 20)  
Sửa chữa bổ sung năm 2015*

## Một tấm hình làm ta nhớ

Buồn, lang thang trên blog của bạn bè. Thấy bạn ta có một tấm hình mới chụp. Ta cười vui rất vui. Nhìn lại ta và bạn ta. Những người vượt thoát ra ngoài “thất thập cổ lai hy“, ngoảnh lại thấy đời qua mau quá nhỉ ?

Phải không, bạn hiền một thời vất vả. Nhiều người, có lẽ nhìn bạn qua tấm hình “tóc bạc trắng phao” mà buồn cho một Trần Hoài Thư ngày nào xa lắm. Nhưng, với tôi thì không. Nhìn bạn tôi thấy vui. Vui như có những con chim sẻ nâu đang vờn xuống sân nhà của ngôi nhà cổ 100 năm, ngày nào tôi lớn. Vui như ngày nào gần 50 mươi năm có lẽ, trong ngôi nhà thuê ẩm hơi mốc vì thiếu bàn tay chăm sóc của con người. Thế mà vẫn vui, vẫn cười. Dù trước mặt chúng ta là một vùng sinh tử đang chờ. Bạn từ chiến trường về. Ta mượn câu thơ trong bài “Màu Tím Hoa Sim” của Hữu Loan: *Đôi giầy đinh bết bùn đất hành quân*. Bạn trở về nơi ngôi nhà trong khu sáu. Tiền lính tính liền, tình yêu cũng không, nghèo chết xác thế mà vẫn vui trên mái tóc của hai người bạn còn xanh.

Cũng may, đôi giầy đinh bết bùn đất hành quân ấy vẫn còn cho mãi đến hôm nay, Nhìn lại, tôi với bạn, đã vượt ra ngoài khuôn mẫu : thất thập cổ lai hy thì phải vui là phải chứ?

Tôi khoái mái tóc bạc này. Đâu còn một Trần Hoài Thư : óm o gầy mòn. Linh gì mà óm quá, chữ của Nguyễn Lệ Uyên dùng để chỉ tôi với bạn. cái tặng người nó là vậy mà. Mập ú na ú nặng làm sao mà lợi. Mấy ông ú na ú nặng thì ngồi văn phòng núp bóng. Còn mấy thằng gầy, ăn gạo sậy, uống nước sông nước suối, ba lô súng đạn, nằm bờ nằm bụi thế mới có ngày hôm nay. Không thành thơ vui thú rượu bầu, nhưng cũng nghĩ lại ta đã làm tròn xong bổn phận.

Cái tuổi trên ngoài bảy mươi, tôi nghĩ về bạn thôi, không dám nghĩ về ai cả. Bạn đã vượt thoát đến một trình độ : hoàn hảo. Về cái gì? Xử sự và xử thế. Đúng không? Tự nhiên nhìn mái tóc bạc phơ trên đầu bạn. Tôi nghĩ như thế.

Mà đúng vậy, trải nghiệm qua cuộc đời bạn đã không làm thì thôi. Làm thì đến nơi đến chốn đúng với tâm nguyện của chính mình, ngay thẳng. Không vượt ra ngoài khuôn khổ của đạo. Không như những câu thơ quá buồn mà bạn đã làm:.....

*“Hãy nhìn đầu ta một vùng trắng phủ  
Hãy nhìn tóc ta, sợi ngắn sợi dài  
Đã gần hai năm bỏ phé tóc tai  
Đời thăm quá lấy ai mà “trang điểm ?”*

Còn chị đấy chứ. Ở cái tuổi ngoài bảy mươi. Bạn cười. Chị vui. Và, tôi đang nhìn thấy bạn cười kia mà. Mặc dù, tôi biết bạn còn trăm cái lo, ngàn cái lo. Lo cho vợ. Từ cái ăn, cái mặc, cái tắm, cái rửa, cái đi đứng, và cách nói chuyện cho chị Yến vui. Cho nên, nhìn bạn mỉm cười. Nhìn mái tóc bạc như ông tiên, đầu cần trang điểm ( một hình thức bề ngoài ) là tôi biết chị Yến sẽ vui và bạn sẽ vui biết mấy. Phải không? Từ cái vui đó như có *bướm hoa xúm xít vờn chơi*.



Nhất là ở cái tuổi ngoài bảy mươi. Đỗ Phủ có làm bài thơ : Khúc Giang Nhị Thủ, trong đó có hai câu thơ:” *Nhân sinh thất thập cổ lai hy. Xuyên hoa giáp điệp thâm thâm kiến*” Theo bản dịch của Vũ Quốc Huệ : *Xưa nay bảy chục tuổi đời hiếm hoi. Bướm hoa xúm xít vờn chơi....*Do đó, nhìn hình bạn, phải nghĩ bạn hôm qua và ngày nay thì mới biết được hết được một người bạn. Ngày xưa, mượn mấy câu thơ của Đỗ Nghê : *Súng dòn/ Ánh sáng lóe lên/ Đạn đạn trên nền trời...* Thế mà tụi mình vẫn cười, vẫn vui và vẫn tếu thì hôm nay, tóc trên đầu dù có bạc trắng thì *bướm vẫn vờn chơi* ở cái tuổi: nhân sinh thất thập cổ lai hy này.

Tôi vẫn thích tấm hình này của bạn , cho nên tôi vui ở cái tuổi như bạn hôm này, mà tức cảnh ( hình) nên lời vậy.

\*\*\*

## Phụ đính II:

### Buổi chiều trong thành phố

Mười năm. Phải. Tôi trở về lại thành phố mà tôi đã lớn . Những con đường. Những góc phố như ngày nào tôi đã đi qua và nhìn thấy. Phố vẫn như cũ, chẳng có gì thay đổi sau mười năm tôi ra đi. Không như những thành phố tôi đã trải qua. Những ngôi nhà cao tầng mới cất. Những con đường mở rộng cho những chuyến xe cơ giới nhà binh vận chuyển. Thành phố mà tôi trở về hôm nay vẫn mang bộ mặt của một cô gái quê còn rụt rè, nhút nhát, không chịu tô thêm chút son phấn để thành phố có một bộ mặt mới, đẹp hơn. Nhưng dù gì trong cuộc chiến vừa qua, nó ít mang tính mỹ hóa hơn các thành phố khác.

Nhưng ở đâu rồi cũng thế, cũng những chiếc xe nhà binh với ngôi sao trắng chạy qua vội vã. Và, chị Khả vẫn thường viết thư cho tôi kể về những đêm pháo kích hay những tiếng đại bác vẫn nổ đi đùng đọt về trong đêm. Những lá thư của chị như một chuyện cổ tích ngàn lẻ một đêm, kể hoài kể mãi không hết những chuyện xảy ra ở quê nhà.

Nhưng bây giờ thì khác, thật sự tôi đã trở về. Khi tôi bỏ cái lớp áo bên ngoài từ một thành phố rộn rịp người ta bỏ chạy ở thị trấn Ba Ngòi. Một bà già ngồi bán nước trà nóng bên lề đường với một cậu bé, có lẽ là cháu ngoại hay nội chi đó, giúp bà mang ly trà nóng tới cho khách. Thấy tôi cời giầy cời áo bỏ lại. Bà nhìn rồi hỏi: cậu có áo quần xi-vin không? Tôi cười: vậy cũng được mà bác. Có nghĩa là chỉ cần cái quần xà lỏn màu cứt ngựa với cái áo thun trắng mặc trong người. Ngày hôm nay tôi thấy tôi nhẹ tênh. Chẳng vướng bận gì sau 10 năm làm lính. Tôi thấy bà nói chi đó với đứa cháu, thằng bé chạy về nhà mang ra cho tôi một bồ đồ. Tôi mặc vào cụt ngắn. Thằng bé đứng nhìn rồi cười. Tôi cũng cười theo với nó. Buổi trưa ở Ba Ngòi nắng gắt. Ngọt ngọt bởi người là người từ miền ngoài đổ về. Tiếng khóc tiếng la của trẻ con. Tiếng chửi bới ồm ồm từ một góc phố trên quốc lộ. Tiếng bánh xe cơ giới rít mạnh trên mặt đường như giận dữ tạo nên một âm thanh nghe chát chúa, khô khốc. Tôi nhìn thằng bé, nhìn bà già nói lời cảm ơn rồi đón xe xuôi Nam. Thằng bé nhìn theo, nói với: bồ đồ của ba cháu đấy, chú mặc lấy hên. Tôi đưa tay vẫy nó. Buổi trưa ở Ba Ngòi một lần hôm đó là thôi, và tôi không trở lại.

Chị Khả dặn: cậu đi chơi cẩn thận, thành phố còn bất ổn lắm đó. Tôi cười: ai biết mình đâu chị. Vừa nói tôi vừa đưa tay lấy cái nón nỉ của thằng cháu con chị Khả. Cái nón nhũn vành vì đội lâu ngày, lụp xụp xuống vành trán. Tôi nói với chị, tôi đi. Chị hỏi: tối về dùng cơm, chị chờ. Tôi cười cười: thôi chị ạ. Tấp vào nhà thằng bạn nào đó rồi cũng xong. Cẩn thận. Chị dặn lại: thành phố hôm nay có những con người lạ lắm.

Mười năm, con đường từ nhà chị Khanh xuống phố vẫn còn nhiều ổ gà. Vẫn dãy phố cổ im lìm, mệt mỏi. Bên kia đường là khu bệnh viện. Chiếc cổng sắt đóng kín, một vài chiếc xích lô nằm chờ khách như một thói quen mỗi ngày họ đến rồi đi. Cứ thế tôi đi suốt dọc con đường mà tôi đi lại hàng ngày thuê còn đi học. Hàng phượng bên đường vẫn xanh lá. Từ ngã tư bưu điện, nơi phát xuất những con đường xuống biển, ra ga mà ngày nào tôi cũng đạp xe đi đi lại lại với lũ bạn. Tiếng cười. Tiếng chọc phá vui ngày nào như còn đâu đây bên những gốc phượng già. Chiếc cầu sắt đen sạm bắt qua sông thời Pháp thuộc như nhịp thở của người dân trong thành phố. Gãy đi thời kỳ nước lụt năm nào được sửa lại cũng bằng với những thanh sắt đen sì đó. Dòng sông với dãy phố chạy dài dọc theo con đường dẫn xuống biển. Dãy phố lâu quét vôi vàng đã tróc lớp vôi cũ từng mảng lớn. Một bức tường chắn ngang chiếc đầu máy xe hủ lô thời Pháp của ty lục lộ vẫn còn đặt ở đó. Mấy mươi năm rồi khối sắt và nước sơn màu vàng đã bạc màu.

Nhà người bạn tôi đây. Mở cánh cổng bên hông ra nhà sau. Nước cống thải chạy dọc theo bức tường của ty lục lộ cũ bốc lên có mùi hôi. Cửa đóng chặt. Tôi nhón người nhìn vào nhà. Trống vắng. Có tiếng người ho trong dãy hành lang dài mờ mờ với những chiếc thùng gỗ lớn hình tròn dùng để làm nước mắm trong dãy nhà dọc đối diện với bức tường của ty lục lộ cũ, mà khi vào tôi không để ý. Tiếng người đàn ông hỏi:

- Ông tìm ai đó?

- Dạ. Tìm anh Khanh ạ!

- Đi hết rồi. Đi hơn tuần nay, lúc thành phố mới lộn xộn.

Tôi nói: Vậy hả bác?

Vừa nói tôi vừa bước chân xuống bậc cấp của ngôi nhà định đi. Người đàn ông lại hỏi với:

- Sao cậu không đi như nhà cậu Khanh?

- Đi đâu hả bác?

- Thì đi chứ đi đâu. Đi tìm một chỗ để sống. Lộn xộn mà. Mấy người nhà giàu đều đi hết. Mấy ngày nay tôi cũng chẳng dám ra đường. Sợ tai bay vạ gió.

Tôi cười cười rồi chào ông ra đi. Có tiếng người con gái ngồi đâu đó. Nói:

- Ba cứ nói. Không sợ!

Người đàn ông nói thêm:

- Cậu không biết. Hai hôm trước chợ bị đốt. Tôi tưởng cả thành phố cháy theo ngôi chợ rồi.

Tôi nói: vậy hả! Rồi đi dọc theo bờ sông. Biển không xa, chỉ cách vài con đường. Nhớ lại, ngày còn đi học, vào những đêm thanh vắng thường ngồi trên sân thượng nhà Khanh có thể nghe từng tiếng sóng vỗ ào ào. Dưới sông, những chiếc thuyền đã vào bến đậu. Và ánh đèn điện leo lét dưới chân cầu sắt đen sạm đủ để soi rõ những chiếc thuyền đánh cá từ biển vào chạy qua cầu về trên xóm lò heo. Đèn trên cầu vẫn sáng lờ mờ như thời chiến tranh đệ nhị sợ máy bay đồng minh thả bom. Và ngôi vườn hoa cỏ trong thành phố cũng thế.

Thành phố mười năm trước tôi ở vẫn ánh đèn lờ mờ soi không tỏ lắm trên những con đường rợp bóng me Tây hay phượng vĩ. Và bây giờ vẫn vậy.

Thằng bạn đã ra đi. Còn ai nữa. Tôi đến nhà vài đứa cũng cửa đóng then cài. Thành phố như vừa trải qua cơn bão lớn. Cuốn trôi hết tất cả ra biển. Con đường chính. Phố xá đóng cửa. Rác rến ngập trên vỉa hè. Chỉ còn vài ba ngôi nhà cửa hé mở. Một tiệm sách vẫn còn mở hờ cánh cửa. Tiệm sách này của một ông thầy dạy học trường tư. Tôi vào mua một tờ báo. Nhật báo cũng chẳng có. Chỉ còn vài ba tạp chí văn học. Thấy tên của người bạn in trên bìa tạp chí BK. Thích quá, mua ngay. Định tối về nhà chị Khanh nằm dài dưới nền gạch hoa mà đọc. Tôi hỏi ông chủ tiệm sách: còn tạp chí nào khác nữa không? Ông ta cười méo xẹo: làm gì còn, tháng này không có báo chí chi cả. Đường bị cắt khoảng rừng lá. Xe Sài Gòn không ra được.

Lâu, không gặp người bạn văn này. Kể từ khi rời khỏi Tháp Chàm. Hấn đi chinh chiến biệt tăm. Tôi cũng thế. Biển biệt chiến chinh. Thôi được, cứ đọc văn của người bạn như đã thấy bạn.

Thằng bạn nóng tính. Cái nóng của người lính bình thường khi bị xúc phạm. Cả tôi nữa, cũng thế. Để rồi cả một chai bia không biết làm sao trút hết cơn giận đập bể nát trên mặt bàn trong ngôi nhà tranh ở ngoại ô thành phố Qui Nhơn mà đáng lẽ phải đập chai bia ấy lên trên đầu của người bạn thơ khi hắn mới bị bắt về tội trốn lính. Cũng vì mấy chữ mà hắn gọi chúng tôi là lính đánh thuê.

Rời khỏi con phố chính, đi ngược lên dốc cầu tìm tới quán cà phê bên cạnh vườn hoa cỏ. Quán cà phê có tự hồi nào, lâu lắm dưới tàn cây me Tây. Ngày đó, mỗi lần về thăm phố, mấy đứa bạn hay rủ ra đây ngồi uống cà phê, tán gẫu hóng gió từ dưới sông lên và nghe nhạc TCS. Lạ, ở ngoài chiến trường về mà sao vẫn thích nghe loại nhạc này. Có lẽ cũng cầu mong một sự an bình nào đó cho bản thân qua những dòng nhạc của ông. Thực tế và hiện hữu. Đại bác đêm đêm dội về thành phố. Người phu quét đường dừng chổi đứng nghe...Chị Khả vẫn thường viết thư cho tôi và cũng thường ca cẩm như thế. Đại bác ...dội về thành phố..., ngồi uống cà phê buổi sáng nơi ngôi quán này, nghe bạn bè nói lại một cô giáo đi chiếc xe PC để tới trường dạy học. Khi đi ngang qua sân quần vợt bên hông toà tỉnh thì pháo kích. Cô giáo ngã chết bên chồng sách vở học trò của cô vừa chấm điểm tối hôm qua. Những bông hoa tươi thắm của mấy cháu học sinh đem tới đặt nơi cô nằm xuống. Tươi mát những đoá hoa của tình thầy trò. Bây giờ, tôi lại đến quán này. Sân quần vợt vắng tanh. Cô chủ quán giờ đã già hơn những năm trước. Giờ này, cô cũng chẳng nhìn ra tôi. Bộ áo quần xi vin rộng lưng thùng. Cái nón nỉ nhũn vành của đứa cháu. Đôi dép nhựa lệt xệt trên đường. Chẳng ai biết tôi là ai. Và, tôi cũng chẳng biết ai. Khi một vài thanh niên ngồi bàn bên trong đưa mắt nhìn tôi có vẻ...khi thấy tôi bước vào cửa. Có lẽ họ nghĩ tôi như chị Khả đã nói: Thành phố hôm nay có nhiều kẻ lạ. Bởi vì, khi tôi mới bước chân vào quán, họ im lặng và sửa lại thế ngồi. Tôi lạ lắm sao dưới vành nón nỉ lụp xụp như thế này?

Nắng chiều trải trên những ngọn cây trong công viên. Gió dưới sông thổi lên mát. Ngôi quán trở nên xa lạ một cách lạ lùng. Đâu rồi những người bạn một thời cà phê thuốc lá. Đâu rồi những buổi sáng ngồi uống cà phê nghe chim sáo hót trên những tàn cây cao trong công viên. Đâu rồi những hoa vong nở rộ đỏ thắm trên cành. Những buổi sáng đẹp trời lạ lùng với những đứa bạn... Tôi trả tiền ra đi, cô chủ quán ngồi bó gối trên cái ghế bành bên bằng những sợi dây mây, tôi thấy những ngón chân của cô nhịp nhịp trên thành ghế với lớp sơn móng chân đỏ tróc ra trông nham nhở. Cô chủ quán cũng chẳng nói chẳng rằng. Có lẽ cô cũng nhìn tôi: thành phố có nhiều kẻ lạ.

Rời quán, định đi về nhà chị Khả, nằm dài dưới nền gạch đọc cái truyện của người bạn trong tờ tạp chí vừa mới mua. Nhưng rồi tôi đi dọc theo bờ sông ngược lên đầu nguồn đến một xóm chài. Phải rồi. Bạn bè đã bỏ đi. Hi vọng còn một người bạn đang tu trên chùa. Tôi tìm đường lên động cao. Dưới chân động là xóm chài và dòng sông uốn quanh. Bóng chiều ngã về phía Tây. Mặt trời đỏ ối trên những đám mây chiều u uẩn. Những ngôi nhà sàn. Những người con gái đang vá lưới, nhìn tôi: thành phố có nhiều kẻ lạ. Tôi tìm đường lên chùa. Những người con gái này như mới ăn ánh đèn đêm. Tối xuống là áo quần nhiều màu sắc lượn phố cười nói ồn ào trên đường hay vào rạp xem cải lương. Tôi biết như thế mười năm về trước.

Đường lên chùa, ẩm nước. Những dòng nước vẫn rỉ ra hàng ngày hàng đêm từ trong động cát chảy ngoằn ngoèo ra sông. Đường lên chùa đã xây bằng những bậc cấp, dễ đi. Đứng trước cổng tôi ngần ngừ nên vào hay trở ra. Giờ này, có lẽ sắp công phu. Nhưng, người bạn tôi đã thấy. Chiếc áo nâu di chuyển từ trên bậc thềm chùa đi ra cổng:

- Ông mới về đó à?

Tôi đỡ cái nón nỉ xuống cầm trên tay, vái một vái.

- Vâng! Thầy mạnh giỏi?

- Vẫn mạnh. Còn ông?

- Lo!

Ông cười. Nụ cười hiền.

Bây giờ chúng tôi không phải là những thằng bạn khi xưa nữa. Ngày nó vừa học xong trung học, bỏ vào Sài Gòn đi tu ở một ngôi chùa nào đó. Không còn mầy tao như ngày nào thả rong ngoài ruộng để chơi những trò chơi của trẻ con nữa, mà hôm nay tôi phải xưng hô đàng hoàng hơn.

- Lo cái gì? Thầy hỏi.

- Đủ thứ!

- À! Tôi hiểu rồi: cái có và cái không của ông hôm nay phải không? Ông lại cười. Nụ cười đôn hậu.

Tôi nói thầm trong bụng: chán bỏ mẹ khi tới thăm ông. Nhưng còn ai nữa đâu khi mười năm tôi trở lại thành phố này. Chúng nó đã bỏ đi hết rồi. Chỉ còn tôi với ông là bạn cũ.

- Thầy cứ nói. Sao lại không lo. Thầy khác. Tôi khác. Khi mà...

- Tương lai của ông đã mất...?

- Không phải thế. Tôi..sợ việc khác...

Thầy nhìn xuống dòng sông, cười:

- Địa ngục. Thiên đàng. Khổ. Sướng chứ gì? Này ông: địa ngục chẳng có mà thiên đàng cũng không. Đừng lo. Tất cả là huyễn hết. Ông vẫn an nhiên tự tại. Ngày hôm nay có khác hơn ngày hôm qua. Nhưng ông vẫn là ông tự tại trên cõi đời này. Cõi đời này có mà không, thì ông lo nghĩ làm gì cho bạc tóc.

Rồi ông nắm tay tôi, nói:

- Vào đây.

Trên lối đi vào chùa, những bông sứ trắng rụng đầy. Một mùi thơm thoang thoang trong không gian chiều xuống. Mặt trời vẫn ửng đỏ trên dòng sông. Tôi và ông ngồi xuống trên băng đá, dưới những tán bông sứ. Dưới chân đồi, dòng sông vẫn chảy không ngừng. Và, cái làng chài nhỏ bé kia vẫn có cuộc sống như ngày nào, dù cho bạn bè tôi có bỏ đi. Sông và làng chài vẫn hiện hữu. Tôi và người bạn tu hành vẫn còn đây trong thành phố mà tuổi thơ của tôi và ông vẫn còn chất ngát hương thơm. Như mùi hoa sứ hôm nay trước sân chùa. Ông nói:

- Ông có thấy gì không?

- Thấy gì?

- Mùi hoa sứ.

- Có nghe thấy.

- Đấy. Mười năm, ông chinh chiến, có khi nào ông để tâm mà nghe cái mùi hoa rất đơn sơ này đâu? Tuổi nhỏ của ông và tôi hay đi nhặt những hoa sứ này trong ngôi vườn của một ông Tây trên toà sứ. Lúc ấy bọn mình ngỡ là bình yên. Ai ngờ, ông nhỉ ! Nhưng, bây giờ ông ngồi lại đây với tôi, và ông đã thấy ông rồi đó.

Tôi cười nhìn xuống dòng sông.

Người bạn tu hành của tôi nhìn về chân trời phía Tây đỏ ối ánh mặt trời chiều. Nói. Giọng nói nhẹ tênh trong hơi thở: ông đừng bỏ đi đâu nữa. Tất cả rồi cũng là không. Ông ạ.

Tôi nhìn người bạn tu hành. Vái một vái xuống chùa như một lần thăm. Vâng. Tất cả rồi cũng là không. Qua khỏi động cát, nhìn lại, chùa trên cao. Và, sau lưng tôi, vẫn còn nghe thấy hương thơm của hoa sứ và tiếng chuông chùa ngân./.

## Dốc Mơ

Buổi sáng ngồi uống trà, Hòa nghe tôi về tới thăm. Và, rữ tôi đi uống cà phê. Tôi đồng ý nhưng chỉ thích uống cà phê ở vỉa hè hơn là vào những tiệm có máy điều hòa không khí. Ngọt ngọt, khó chịu. Ngồi ở vỉa hè thoáng, nhìn ông đi qua bà đi lại vui hơn. Hòa nói, tôi nghĩ mấy ông ở

bên đó quen ngồi uống cà phê có máy điều hòa, ngồi bên ngoài sợ “vi trùng xâm nhập”. Người bạn vừa nói vừa cười. Tôi hiểu cái hóm hỉnh trong câu nói của người bạn, rồi hai đứa cười xòa trong số tuổi mà người nào nhìn lại cũng già. Hơn nữa đời người rồi, có còn trẻ chi đâu. Tính trên đầu ngón tay, chẳng còn bao nhiêu đứa còn sống.

Hòa nói, ông thấy thế nào? Tôi nhìn hắn, thế nào là thế nào? Thì ngồi uống cà phê nơi vỉa hè này. Thích lắm, tôi yêu khoảng không gian này mà đã hơn hai mươi năm tôi không thấy được. Bên đó không có? Không. Tôi không biết thành phố khác như thế nào. Những thành phố có nhiều người Việt sinh sống tôi cũng chẳng biết, hầu như không quan tâm lắm. Còn ông thì sao, cuộc sống? Bình thường của một người làm “cu li” ngày tám tiếng trong hăng. Chừng tuổi này còn làm à, chưa về hưu à? Về rồi, nhưng ráng làm thêm kiếm chút thu nhập. Tiền hưu ít ỏi. Đói. Không thể về quê thăm nhà được thì làm sao ngồi đây với ông mà nói dóc.

Người bạn nhỏ râu cằm, nhìn ra đường, một cậu bé trạc tuổi 13, 14 tuổi đi tới ông mua cho con vài tấm vé số, tối nay xổ đó ông? Tôi lấy 10 tấm cùng một con số như nhau, tôi nói trúng trở thành tỷ phú phải không? Đứa bé nói dạ phải, trở thành đại gia đó ông. Tôi cười vỗ đầu nó. Lành lắm, con nhà ai khéo ăn khéo nói. Hòa bảo con nít bây giờ là thế, lành mới kiếm sống được.

Mỗi thời mỗi khác, ngày xưa, tôi hay nói hai chữ “ngày xưa” của những năm 1966 của thế kỷ trước, những đứa trẻ như thế này cũng bập bẹ vài ba tiếng Mỹ để dẫn dắt những người lính Mỹ hay Đại Hàn đến chỗ ăn chơi trong một thành phố có quá nhiều quán bar và động đĩ, để kiếm chút tiền còm từ mấy người con gái mua dâm. Còn bây giờ cũng những đứa bé chừng tuổi này đi bán từng tấm vé số phụ cho gia đình để đi học thêm là điều đáng quý. Hòa bảo với tôi như vậy. Tôi quay qua đứa bé, hỏi: Cháu còn đi học không? Dạ còn. Nhìn trên gương mặt sáng sủa. Tôi tin. Hòa nói những đứa trẻ nhà nghèo tự nó phải tìm thêm thu nhập cho gia đình để mua sách vở. Tôi hiểu.

Cuộc chiến đã qua gần bốn mươi năm, sự yên bình đã trở lại trên quê hương. Không còn những cái chết và sợ hãi của người dân do bom đạn hai bên tham chiến trút xuống. Thành phố hôm nay mở rộng. Kinh tế phát triển. Nhưng hố sâu giàu nghèo trong dân vẫn còn cách biệt. Không thể giải quyết hết được. Hòa nói như vậy, còn bên ông có vậy không, giàu nghèo? Hút mẹ gì, ông tưởng tự bản là giàu hết chắc. Ai cũng có nhà lầu xe hơi? Còn có lắm người đi ăn xin nữa kia. Ông giỡn? Không tin, ông lấy chuyến du lịch qua đó mà xem. Có điều họ ăn xin theo lối “tư bản”, viết vài ba dòng chữ trên tấm bìa, đứng ở ngã tư đèn xanh đèn đỏ. Thất nghiệp. Không nhà. Ai cho một đồng thì cảm ơn. Như vậy thì ở đâu cũng có người nghèo? Hòa đăm chiêu. Tôi hóp một hóp cà phê nóng. Xã hội mà.

Ngồi cà phê với người bạn già trong xóm sau hai mươi năm gặp lại. Trước một chín bảy mươi lăm, Hòa là con một nên khỏi phải bị “động viên” vào lính. Tụi bạn thường chơi với nhau bảo Hòa là “hủ mắm treo đầu giàng” của dòng họ. Còn chúng tôi thì cứ ung dung đón chờ cái giấy gọi lên đường. Trốn không được thì phải cầm súng, thế thôi. Chẳng có chút bận tâm. Không lấy đời lính làm cứu cánh. Như hôm nay, sau hai mươi năm về thăm quê, gặp lại vài người bạn cũ, lòng thấy thanh thản vô cùng.

Bỗng, Hòa hỏi ông còn nhớ Chừ không? Chừ! Nhớ chứ. Gần 50 năm tôi không gặp. Bây giờ hắn ta là một nông dân thông dong, nhân nhả cỡ như phú hộ thời còn “thực dân tây”. Mặc áo bà ba “sa tanh” lảng bóng. Tôi cười, ông nói gì mà ghê thế. Giỡn cho vui. Chừ bây giờ có cuộc sống thoải mái của một nông dân với những khu vườn trồng thanh long xanh mướt. Ông lên thăm Chừ không, tôi gọi nó?

Tôi vui lắm, khi gặp lại bạn bè. Ở cái tuổi đất gần trời xa gặp lại bạn cũ là một niềm vui. Tôi nói với Hòa như thế. Chừ, người bạn nhỏ khi còn ngồi ghế trường làng lớp nhì, lớp nhất năm nào. Bỗng dưng một hôm tôi gặp Chừ đổi đến đơn vị của tôi. Nhìn nhau trong ngõ ngàng nhưng lại vui. Chừ đến khoảng đầu gần một năm, thì tôi lại ra đi nơi khác, không còn liên lạc với nhau. Khi đó tôi về hậu phương, một ngành không chiến đấu. Còn Chừ, nghe đầu đơn vị cứ biệt phái, tăng phái hết chỗ này tới chỗ khác. Đời sống mấy ông thích thật, đi nhiều nơi nhiều chỗ. Một bà lão đi tới trên tay cầm xấp vé số, mời mọc. Tôi lấy một xấp 10 tờ. bà già cảm ơn rồi qua bàn khác. Tôi nói thích cái con mẹ gì, thằng nào cũng sợ chết. Nhưng với Chừ tôi có một kỷ niệm buồn. Một cái chết của Mơ. Mơ nào? Ông đưa tôi lên thăm Chừ sẽ biết.

Đã lâu tôi mới trở lại vùng quê này. Con đường vào nhà Chừ không còn là con đường dùng để xe trâu, hay xe bò đi mà là con đường nhựa thẳng tắp. Nhưng ngôi nhà gạch kang trang, thoáng mát. Nhà Chừ không là ngôi nhà ngói nhỏ như ngày nào mà là ngôi nhà lầu, cao ráo, đồ xộ. Ngày xưa, chung quanh nhà trồng toàn mía. Một loại mía Tây, to tròn, ngọt nước. Mỗi lần thu hoạch, Chừ bó lại từng bó 10 cây, có thương lái tới mua. Còn bây giờ ruộng mía đó không còn thấy mà từ cổng vào là cả một khu vườn trồng thanh long xanh mướt. Hòa nói ban đêm thật đẹp, đèn sáng từ những bụi thanh long này trông rất đẹp mắt. Tôi thấy Chừ đứng trên bậc cấp của ngôi nhà chờ. Bộ áo bà ba lụa đúng như Hòa nói, mở gà. Tôi cười khi gặp Chừ sau cái bắt tay thật chặt. Không ngờ bọn mình cũng có ngày gặp lại sau cuộc chiến. Chừ nói. Làm sao chết được hả ông, còn sống là có ngày gặp lại. Tôi nói nhìn ông đúng là một nông dân nhàn nhã như Hòa đã nói. Thì lớn rồi, con cái nó nuôi, mình chỉ ngồi xem lũ nhỏ làm. Tụi trẻ bây giờ năng động lắm. Còn giỏi nữa.

Ba chúng tôi ngồi trong bộ ghế salon làm bằng gỗ đánh bóng, gió từ ngoài thổi vào mát, cửa sổ mở toang. Tôi lại nhớ gương mặt Chừ của 50 năm về trước, còn trẻ lắm, tôi cũng vậy, không ngờ hai thằng bạn hồi còn học tiểu học trường làng lại gặp nhau tại đơn vị này. Lúc đó tôi nhìn trong đôi mắt của Chừ có cái gì đó buồn buồn, tôi rú qua hầm tôi uống cà phê vì tôi mới gởi mua dưới thị trấn BS. Chừ qua hầm của tôi vẫn gương mặt buồn buồn ấy. Tôi hỏi có chuyện gì vậy? Tin nhà. Không, chuyện chiếc xe Lam bị vướng mìn vào tuần trước. Thằng Chánh chưa kịp gỡ thì chuyến xe đã qua. ...Bây giờ, 50 năm sau, gặp lại tôi, Chừ hỏi ông còn nhớ Mơ không. Sau khi chuyến xe lam bị vướng mìn?

Nhớ Mơ không? Tôi nhìn ra khung cửa sổ như muốn dấu một nỗi buồn mà câu chuyện ấy đã qua 50 năm rồi, nhiều khi tôi cũng không muốn nghĩ tới nữa. Công việc sau đó của tôi ngập đầu khi tới đơn vị khác, rồi sau này phải lo cho vợ, cho con, nhiều khi tôi lại muốn quên, ngay cả cuộc chiến mà bọn mình tham dự, tôi cũng không muốn nghĩ đến. Mơ, tôi nghĩ 50 năm qua, nàng đã siêu thoát.

Nhưng lạ, sao hôm nay Chừ lại nói đến Mơ? Lòng bỗng dưng thấy buồn buồn ray rứt. Mấy mươi năm không gặp ông nhỉ? Chừ hỏi. Lâu lắm đấy, tính hôm nay vào khoảng 50 năm. Vừa đời người. Chừ thở dài. Thế mà hôm nay gặp là vui lắm rồi. Hòa nói. Vui thì có vui. Buồn cũng có buồn ông ạ. Bây giờ gặp lại ông, tôi nhớ con dốc đó. Hình như ông đặt cho nó là dốc Mơ. Ừ, tôi nói. Nếu Mơ không chết trong chuyến xe lam đó, hai đứa tôi lấy nhau. Còn thằng Mít? Chừ hỏi thằng Mít cũng tán cô ấy? Tôi cười, với Mơ thì nhiều người theo lắm. Một cô gái thợ may, ít nói, mắt to gương mặt như trăng sáng, đôi môi chum chim cười hoài, đỏ như son ấy, con gái xứ dừa mà cậu nào không muốn tán. Thằng Mít nói với tôi có lần thấy Mơ may cò "Mặt Trận"? 50 năm qua tôi vẫn không tin, tôi nói với Chừ như thế. Tôi hỏi, ông còn nhớ ngày đó tôi với ông tới hiện trường, trong cái giỏ mang theo của Mơ có rất nhiều quần áo trẻ con nào xanh, nào đỏ, nào vàng, nào trắng. Những xấp quần áo trẻ con mà Mơ mang xuống thị trấn BS để giao hàng có cò "Mặt Trận" nào không? Hay chỉ toàn là máu của Mơ dính vào trong những bộ quần áo trẻ con còn thơm mùi vải?

50 năm qua, chiến tranh cũng lùi lại gần 40 mươi năm rồi ông nhắc lại để làm gì. Hòa nói như vậy là tôi hiểu Mơ mà ông nói khi nãy nơi ngồi uống cà phê vỉa hè. Tôi nhìn Chừ, nhìn Hòa chẳng có ai vui khi nghĩ đến cuộc chiến, nhất là cuộc chiến trên quê hương mình. Dân khổ vẫn là nông thôn. Bây giờ tôi nhìn ông, nhìn lại ngôi nhà của ông đã thay đổi nhiều quá không phải như mấy mươi năm trước mà tôi có dịp lên chơi với ông. Thanh bình rõ trên vùng quê này. Phải chi ngày xưa, con dốc nhỏ mà chỉ có tụi mình biết và đặt tên Dốc Mơ, sau cái chết của người tôi thương ấy, cô gái thợ may 17 tuổi, ông và tôi cũng khoảng đôi mươi thì đẹp biết bao nhiêu sau ngày im tiếng súng, như hôm nay, ông nhỉ?

Chừ ngồi im trong sự suy nghĩ của ba người bạn già, hai người tham chiến một người không, để tùy mỗi người theo đuổi sự suy nghĩ im lặng trong căn phòng khách nhà Chừ sau cái chết của Mơ mà Chừ vừa mới nhắc lại. Chỉ có tôi, Chừ ạ, vết thương năm xưa chừ bỗng nhiên sống lại. Tôi nghĩ người con gái thợ may 17 tuổi năm xưa đó, hồn nhiên đến rồi hồn nhiên ra đi, giờ chắc đã siêu thoát, cũng như con dốc mà tôi đặt tên Dốc Mơ chỉ có tôi và ông cùng một số người biết. Giờ này chắc không ai biết nó là Dốc Mơ ở nơi nào. Cái địa danh đó nó mù mờ quá. Chỉ có trong cuộc chiến mà thôi. Vâng, con dốc nào ông đã đưa tôi về với tuổi thanh xuân của tôi một thời buồn nhiều hơn vui trong cuộc chiến ấy./.

*\* một loạt bài viết khi về lại thăm quê sau hai mươi năm, gặp lại bạn bè\**

## Một chút gì để nhớ



*Ảnh: Getty*

Buổi tối, dãy phố bên kia đường đèn sáng trưng. Những chiếc xe khách dừng lại bên nay cầu, những người đàn bà và con nít chạy đến mời mọc khách trên xe để bán những thứ mà họ đem tới. Một buổi tối như mọi buổi tối ồn ào cho tới khuya. Vũ nói với tôi như thế, khi ngồi uống trà với Vũ trước hiên nhà bên ngôi chùa cũ mà những ngày còn bé, Vũ sống trong ngôi chùa này. Ngôi chùa tôi đã đến thăm mỗi khi có dịp về thị trấn thăm em. Thăm chùa và thăm vị sư còn rất trẻ. Ông thích làm thơ, ngoài những giờ sớm chiều tụng kinh và gõ mõ.

Tôi thích cảnh u tịch trong ngôi chùa khi ngồi hàn huyên với ông bên tách trà nóng sau hậu liêu. Ngồi với ông, tôi quên đi những năm tháng buồn bã mà tôi đã dấn thân vào trong cuộc chiến này. Chẳng thấy có cường độ giảm. Mà ngày càng khốc liệt hơn.

Nhưng hôm nay, về lại đây, em đã ra đi. Chỉ còn lại Vũ, sống âm thầm, như một nhân chứng để nhìn lại khoảng thời gian đã qua. Để nhìn lại những thay đổi từ một thị trấn nhỏ ngày xưa mất an ninh, đường xá vẫn là những con đường cát nóng bỏng. Nhưng với tôi, thị trấn này vẫn là một nơi rất gần, và còn mãi trong trí nhớ những ngày qua. Bạn bè, em và ông sư.

Buổi chiều, Vũ hỏi tôi có ra biển không? Tôi nói có. Chị Vũ cười: một kỷ niệm khó quên phải không? Tôi rít mạnh hơi thuốc lá, nói với chị biển lúc nào cũng có trong tôi mà. Tôi biết, chị cười

cười...nhìn tôi với Vũ đi về phía những đồi cát. Biển không xa, chỉ qua vài ngọn đồi cát là gặp. Như ngày xưa, em thường rủ tôi ra ngồi dưới chân đồi cát, nhìn biển. Những con sóng vẫn đuổi nhau, ngày này qua ngày khác. Có những buổi sáng trời im, gió lặng, nước biển rút ra xa và những con dã tràng đang se cát dưới chân hai đứa. Em rượt đuổi và những dấu chân trần in trên cát như ngày nào trên bãi biển quê em. Đẹp lắm!

Sau đồi cát, một vài ngôi nhà Tây còn bỏ lại, một nơi nghỉ mát của những người dân trên phố thị xuống, những cây sứ trắng lâu năm, như những gốc cổ thụ cho hoa thơm ngát chung quanh. Những bông sứ thật dễ thương, màu trắng pha ít vàng, mà có hôm gió mạnh, tôi đưa em lên ngồi trong sân của khu nhà Tây này. Mùi hoa sứ thoang thoang như mùi con gái ngày nào, lần đầu đưa em dạo chơi trên bãi biển Nha Trang, khi tôi có được vài ba ngày nghỉ, đến thăm khi em mới ra trường chọn về làm việc nơi thị trấn này. Em bảo, em sợ tiếng chân người và tiếng chó sủa. Những đêm có tiếng súng bắn nhau bên kia những ngọn đồi, Vũ thường nói với tôi, đêm nào chẳng thế. Chiến trận lớn thì không có, nhưng nhỏ thì lai rai, hai bên đều giành giật.

Bóng đêm và nỗi sợ hãi trên từng gương mặt của mọi người. Còn tôi thì ở xa và quen rồi. Và cứ thế, giữ mối liên hệ quen em, hẹn hò nhưng vẫn giữ một khoảng cách im lặng trong suốt cuộc đời của tôi. Để rồi sự im lặng ấy cũng như những đồi cát mênh mông, những ghềnh đá nơi bãi biển, những gốc hoa sứ cằn cỗi trong khuôn viên của những ngôi nhà Tây mà tôi và em hay ngồi. Sự im lặng của mỗi người cứ thế kéo dài cho đến tận hôm nay ra biển một mình với Vũ. Nước lớn. Gió lớn. Những con sóng bạc đầu cứ xô nhau đuổi vào bờ không làm chùng bước của em và những người đã đưa em đi. Và, em đã ra đi.

Anh đến và em đã đi xa rồi, như chiếc bóng ngày hôm nay anh đuổi mãi chắc không bao giờ bắt được. Bây giờ chỉ còn là kỷ niệm. Nuôi dưỡng nó phải không, tôi nói với Vũ. Nhiều khi tôi muốn quên đi để còn phải sống và tìm việc làm để sống. Và, lỗi tại ai? Vũ hỏi. Tôi chịu. Chờ đợi. Vâng, chờ đợi, biết đâu ngày nào đó gặp lại em, như trên bãi khuya, nơi bờ biển quê em ngày nào lang thang uống rượu trở về ngôi nhà trọ của người bạn ở đường Phan Đình Phùng hát nghêu ngao: Nha Trang, ngày về, mình tôi trên bãi khuya...Không, không phải trên bãi khuya mà còn trên những con đường khuya khác nữa, dưới ánh đèn vàng vọt có mấy người bạn cùng một màu áo trận lang thang, đá những lon bia của ai đó uống vắt bừa bãi. Tiếng kêu leng keng khô khốc trên đường khuya, hay nằm ngủ dưới bóng những cây bàng trong khuôn viên của viện Pasteur, nghe thời gian trôi qua trong đêm và tiếng sóng vỗ bên kia đường Duy Tân mà buồn ứa nước mắt. Bây giờ Vũ hỏi tôi, tại ai? Tôi nào biết. Có thể tại tôi không dám nói; vì nói ra sợ em tan biến như bọt biển, cho nên tôi im lặng suốt đời.

Cũng như hôm được về, đón chuyến xe đò trên đường về quê. Xe dừng lại dưới chân đèo, đón chuyến xe lam để vào thành phố. Hy vọng sẽ gặp lại em cũng trở về quê cũ, sau tháng 4 năm 1975. Nào ngờ, tất cả đã đổi thay. Bạn bè cũng ra đi, những con đường đã qua, vắng ngắt. Lang thang mãi chẳng gặp ai để hàn huyên, nhắc lại một thời đã qua, nó như một kỷ niệm. Dù, không là gì cả, chẳng ai vượt được thời gian qua để làm sống lại. Nhưng ít ra, nó vẫn còn đọng lại trong tâm của mỗi người một chút gì để nhớ, phải không? Như ngày nào, em nhớ khói thuốc lá tôi thường hay hút, bastos xanh. Em bảo, em ghiền khói thuốc ấy.

Tôi nói với Vũ điều ấy, như nhắc lại một hình ảnh đẹp. Vũ cười, lảng mạn đấy. Chị Vũ ngồi bên cạnh cũng cười và phụ họa: ít có cô nào nhớ khói thuốc lá của người mình yêu. Tôi vội đính chính.

Bụng tách trà nóng áp vào lòng hai bàn tay, nghe ấm áp vô cùng. Chị Vũ cười pha thêm nước sôi vào bình, hỏi: khi chiều ra biển anh nhớ gì không? Nhớ chứ chị. Một kỷ niệm đẹp mà, khó quên. Vừa nói, tôi vừa nhìn chị. Chị mập thêm ra và đẩy đà dù đã năm mặt con. Ba đứa ở bên trời Tây, cuộc sống ổn định khi tuổi về già không như ngày nào còn lặn lội.

Tiếng ồn từ bên kia đường bắt đầu lắng xuống dần. Ngôi chùa cũ ẩn dưới vòm cây về khuya thật âm u. Ông sư ngày xưa đã tịch, Vũ còn giữ lại những bài thơ ông làm như một kỷ niệm mà tôi đã gặp, đã được đọc thơ ông. Một ông sư có tính nghệ sĩ. Biết buồn khi nhìn lá rơi. Và, biết vui khi thấy một đứa bé chào đời. Dù biết đời là khổ. Tôi trở lại đây, sư đã ra đi, em cũng ra đi.



Sự ra đi không trở lại. Ông đã vào cõi vĩnh hằng. Có còn chăng là những bài thơ viết trên những trang giấy đã úa vàng. Còn em, thì ở xa vạn dặm. Với tôi, như nhìn về một phương trời xa nào đó, để tưởng nhớ mà thôi. Tôi nói hoài với Vũ như thế.

Trời về khuya, gió biển thổi qua những đồi cát hơi lạnh. Tôi bưng tách trà nóng trong đôi tay như để tìm chút hơi ấm, hỏi Vũ: bên kia đường, tôi nhớ ngày xưa đâu có nhà cửa nhiều như thế? Vũ kéo dài hơi thuốc lá: chỉ vài ba ngôi nhà tôn lán cư. Phía sau những ngôi nhà đó là đồi cát, ông biết mà, quê tôi toàn cát với đồi. Đi sâu vào trong đó là rừng và núi. Con đường giao liên từ trên núi xuống. Ngày nào, đêm nào cũng có người ngã xuống. Hai bên đều cố giữ nó. Súng nổ. Như em từng nói với tôi, em sợ bóng đêm, tiếng chó sủa và chân người...

Vũ ngời duỗi chân ra, thoải mái: bây giờ tiếng súng đã im, người ta về cát nhà mở quán. Bỗng nhiên từ chân cầu đổ xuống thành nơi hội tụ cho những chiếc xe khách đường dài chạy thâu đêm. Cuộc sống có đổi thay.

Nhưng, ngôi chùa cũ vẫn như ngày nào. Những ngôi nhà Tây trên đồi cát vẫn như ngày nào. Những gốc sứ cằn cỗi kia vẫn như ngày nào. Và, chỉ có tôi là thay đổi, già đi với thời gian. Đêm về khuya, tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá nghe càng rõ, một thứ âm thanh đều đều không ngắt quãng, nghe sao buồn quá đổi đêm nay.

## Vẫn mãi mãi biệt tăm

Cầu thang nhỏ, hẹp vừa đủ một người lên xuống, ngoài dãy nhà hai tầng, có vẻ cũ kỹ nằm sâu trong con hẻm có nhiều nhà cao tầng. Ngôi nhà có nhiều phòng cho nhiều hộ ở, xập xệ không sửa chữa. Tôi với người bạn đứng ngoài, gõ cửa. Cầm ra mở. Ngạc nhiên và vui:

- Sao anh biết em ở đây mà đến?

Tôi cười. Nụ cười của mấy mươi năm mới gặp lại. Vẫn vậy, dù có già đi:

- Người bạn cho số nhà tìm đến.

- Ai thế?

- Thương.

- À, mấy ông bạn già của anh phải không?

Tôi nói phải. Không mời khách vào nhà à?

Cầm lại cười, rồi nói: vui quá, quên mất. Tôi quay qua người bạn, giới thiệu:

- Đây anh Nguyễn, bạn anh.

Cầm gật đầu chào. Mấy mươi năm rồi hai chúng tôi mới gặp lại. Tôi nói với Nguyễn như vậy.

Phòng khách nhỏ nhưng ấm cúng. Có một cái tủ thờ Phật Quán Thế Âm. Dưới là hình bác trai. Gọn. Căn phòng bày biện đơn giản, không cầu kỳ của một người có mức thu nhập thấp đã về hưu. Tôi nói:

- Cho anh thấp một nén nhang cho Bác.

- Vâng. Cầm đến tủ thờ, lấy nhang. Tôi cắm nhang trong cái lọ bằng sành, nhỏ. Trầm ngâm nhìn Bác qua tấm ảnh chụp có lẽ khi còn là một công chức tỉnh. Hình hơi úa vàng, nhưng còn rõ. Ngày xưa, tôi thường tới nhà chơi với Cầm xem như một người bạn bình thường không có tình ý gì cả giữa trai và gái. Bác xem tôi như con trong nhà. Ngày Bác mất tôi lại bận việc không về được khi chiến trường càng ngày càng khốc liệt, đi đứng không phải dễ. Thế mà mới đó đã mấy mươi năm qua.

Cầm phá tan ý nghĩ của tôi: hai anh dùng cà phê nhé?

- Có cực cho cô em không? Tôi nói.

- Không. Cà phê hòa tan mà. Nhanh thôi. Sáng nào thức dậy em cũng thường hay pha một tách ngồi uống nhìn qua khung cửa sổ này.

- Lãng mạn thế! Tôi vừa nói vừa cười.

Cánh cửa sổ được mở từ lúc nào. Ngoài là hành lang hẹp, những giò hoa lan treo lơ lửng, màu xanh của lá tạo cho không gian bên ngoài một cái nhìn dễ chịu. Bên kia là những ngôi nhà cao tầng che khuất tầm mắt. Cầm nói:

- Sáng nào cũng ngồi nơi cái bàn này nhìn ra ngoài uống tách cà phê tự mình pha, nghe vài ba bản nhạc nhẹ. Cứ thế ngày qua ngày.

- Ngày nào cũng thế?

- Có cái gì để vui nữa đâu anh.

- Có còn hát cho bạn bè nghe nữa không. Tiếng hát một thời con gái.

Nổi vui như hiện về. Cầm nói:

- Thích lắm. Thích lắm anh ạ. Mỗi lần gặp lại bạn bè cũ. Người nào cũng già, con cháu đầy đàn. Nhưng gặp nhau vui lắm. Chỉ có anh là đi biệt tăm. Cầm quay qua Nguyễn: anh biết không lâu rồi chúng tôi không gặp nhau, ba tôi cứ nhắc hoài, anh ấy đi biệt. Rồi hôm nay lại vát thân già trở về. Chuyện như trong mơ, phải không anh Nguyễn?

Người bạn tôi không nói gì, nhìn qua khung cửa sổ. Ngọn gió thổi nhẹ làm lung lay cành lá. Tôi ngồi gõ nhịp ngón tay trên mặt bàn, một giai điệu của một bản nhạc quen cho lần cầm trại đã hơn 50 năm, kể từ khi tôi rời khỏi thành phố biển.

- Cầm hỏi, anh gõ nhịp bản nhạc nào thế?

- Cầm còn nhớ bài Sáng Rừng?

Tôi nhìn qua khoeo mắt của Cầm. Đuôi mắt ấy vui lên thấy rõ. Để rồi Cầm khe khẽ hát. Và...cái đêm họp bạn đốt lửa trại để chia tay của thời thanh thiếu niên thuở nào: *..còn đêm này thôi anh ơi. Biết đâu ngày mai cách xa muôn đời. Cùng trao tay say xưa vui. Kiếp người sương gió trăm phương trời. Kề nhau đêm nay anh ơi. Sưởi lòng lãng du một tối. Với ngàn tiếng ca, tiếng đàn cùng lửa bập bùng...*

Trời càng về khuya càng lạnh. Cầm ngồi hát say sưa với đám bạn quây quanh. Tôi cởi chiếc áo khoác choàng lên đôi vai run của nàng. Em ngó tôi như thăm cảm ơn. Ngã đầu vào vai tôi cùng hát: *...màn sương đêm buông chơi vui. Lửa rừng khuya sáng soi khung trời. Cùng nhau vui đi anh ơi...*

Tiếng hát càng về khuya càng vui và rộn ràng, Và trên đôi vai gầy của cầm tôi thấy vui, một niềm vui hạnh phúc. Có phải tình yêu không. Tôi chưa dám nghĩ tới.

Nhưng chiến tranh. Cũng vì chiến tranh. Tuổi thanh xuân vừa mới lớn ấy không còn là: *biết đâu ngày mai sáng tươi lên rồi* như trong bài hát mà tuổi thanh xuân chúng tôi thường hay hát trong những dịp đốt lửa trại. Tôi không còn gặp ai nữa, ngay cả Cầm, cô bạn gái một thời còn rất trẻ. Nhưng, bỗng một hôm, có dịp về thành phố Qui Nhơn, tôi gặp Cầm. Hỏi ra mới biết Cầm học nơi đây đã hai năm rồi. Ngày gặp ở Qui Nhơn là ngày cuối Cầm tốt nghiệp ra trường. Ngày hôm ấy, chúng tôi đi chơi nhiều nơi trong thành phố này. Từ Gành Ráng tới Quy Hòa rồi Khu Sáu. Và, sau ngày gặp nhau ở Qui Nhơn, tôi không gặp lại Cầm nữa. Cô bạn mà tôi cứ ngỡ có thể một ngày nào đó sẽ...yêu nhau. Nhưng, chinh chiến đã làm chúng tôi biệt tăm. Từ buổi sáng đứng trong sân ga để tiễn đưa Cầm về lại thành phố quê nhà trên chuyến bay của hãng hàng không Việt Nam thời đó. Buổi sáng hôm đó trời không mưa, trời không mưa. Có nắng hanh vàng. Tôi đứng nhìn cho đến khi thân tàu vút lên cao về hướng biển.

Cầm nói:

- Bạn bè của em mỗi lần gặp lại hay nhắc tới anh, và họ nói anh đã chết rồi. Có lần đọc báo thấy có tên anh trong mục phân ưu.

Tôi cười:

- Anh biết, người bạn nghe lầm. Và bạn bè cũng lầm luôn. Tưởng anh chết thật rồi. Nào ngờ gặp nhau ở Phan Rang mới vỡ lẽ. Nhưng nói cho cùng, chiến tranh mà, có chừa ai đâu dưới lần tên mũi đạn. Không chết trước cũng chết sau.

- Anh nói gỡ.

Tôi cười.

- Khi nào hai anh đi? Cầm hỏi.

Nguyễn nói:

- Còn một tuần nữa, chị ạ.

- Anh đến thường xuyên với em chứ?

- Vâng. Nhưng không hứa trước.

- Lại nữa. Giống như năm nào. Hình như năm 68 ở Qui Nhơn anh cũng nói như vậy khi chuyển tàu đưa em đi. Phải không?

- Và biệt tăm.

Cầm buồn trên đuôi mắt đã có nếp nhăn nhìn qua khung cửa sổ. Ánh nắng vàng hắt hiu từ khung vách của ngôi nhà cao tầng phía trước dội lại. Màu vàng buồn.

Tôi hứa sẽ trở lại ngày mai, cũng vào giờ này để cùng ngồi uống cà phê nhìn qua khung cửa sổ trong một khu chung cư rẽ tiền, nhưng ám cúng vì có em. Nàng vui. Một nỗi vui như thuở nào. Một nỗi vui như có luồng hơi ấm nào đó lại trở về trong đêm đốt lửa trại cuối cùng hằng mấy chục năm qua. Đôi vai gầy, mỏng và run dưới đêm sương lạnh. Chiếc áo khoác của tôi và nụ cười của nàng. *Màn sương đêm buông chơi voi* của năm nào như hiện về trong tình bạn già, một nam một nữ, mà tuổi thanh xuân hôm nào, hôm nay chỉ còn là những kỷ niệm đẹp trên quỳ.

Cuối cùng rời chuyến bay cũng cất cánh vào lúc nửa khuya. Tôi nhìn Sài Gòn qua khung cửa nhỏ của con tàu. Sài Gòn vẫn ngập trong ánh đèn. Và bạn bè tôi, cùng Cầm chắc giờ này đã ngủ. Và, như năm 68 với Cầm, tôi vẫn biệt tăm khi con tàu mang tôi rời khỏi quê hương không biết khi nào trở lại./

*Amarillo, ngày 27-11-2011*

## Nơi chốn cũ

Cơn nóng ban trưa còn giữ lại trong ngôi nhà tôn, mặc dầu ánh nắng đã dịu dần. Trời như đứng gió. Chiều nào tôi cũng ra ngồi trên tầng đá nhỏ nhô lên khỏi mặt đất đầu vào khoảng ba bốn tầng tây, bên cạnh cái bàn làm bằng gỗ tạp, để cả ngày ngoài trời, mặc cho nắng gió, sương bụi, hay những cơn mưa đổ xuống. Tầng đá nhô lên bên hông nhà không biết từ đời thuở nào, đen bóng. Một vài người bạn của mẹ tôi tới chơi nói tầng đá đen này là đá thần, đá thánh nên mới đen như vậy. Đừng có dại mà leo lên ngồi trên đó, có ngày chết toi. Ai nói mặc ai. Trời nóng như lửa đốt, tôi vẫn ngồi. Người lớn nói: Dọn nhà ba lần bằng một lần cháy nhà. Ngôi nhà tôn này là ngôi nhà thứ ba của cha mẹ tôi, dọn tới cất trên miếng đất bỏ hoang đầy gai lươi lông và cỏ dại. Nói bỏ hoang thì cũng không đúng, miếng đất dù sao cũng có chủ, bán rẽ lại cho cha mẹ tôi. Hình như đầu vài chục đồng thì phải, lúc còn Tây chiếm đóng. Ngôi nhà thứ ba này trụ lâu hơn, và anh em chúng tôi lớn lên từ trong ngôi nhà này.

Lần thứ nhất dọn nhà gia đình phải bỏ khu đất cũ, từ một nơi xa xôi nào đó ở miệt Ruộng Võ mà ông bà đã tạo nên. Khu đất cũ chỉ nghe người lớn kể lại, lũ trẻ chúng tôi chưa lần nào hình dung ra: Nào những lằn Tây đi càn, bố ráp, đạn pháo bắn bừa từ phía ga Mương Mán bắn lên. Từ trên phi trường bắn tới. Khu đất cũ đó không còn ai dám ở. Nhà cháy. Người bỏ đi. Tản cư về tụ lại thành một khu xóm mới bên cạnh đường rầy xe lửa, cách nhà ga Tỉnh không bao xa. Ông tôi làm nghề thợ thiết. Cha có chút ít chữ nghĩa, kiếm được cái chân dạy học ở trường làng. Sáng đạp xe đi. Trưa đạp xe về. Trên chiếc xe đạp cũ kỹ, bỏ không ai thèm lượm. Đêm nào cũng vậy, gần sáng thì có chuyến xe lửa từ dưới ga chạy lên, khoảng bốn năm giờ chi đó.

Những bánh sắt nghiêng trên đường rây nghe rầm rầm. Lúc đầu không quen, giựt mình thức giấc. Sau, nghe thét rồi cũng quen. Đầu máy chạy bằng hơi nước và đốt bằng củi. Một hôm như thường lệ, chiếc tàu lửa chạy ngang qua, những tàn lửa rớt xuống đường rây, gặp gió thổi mạnh cháy ngôi nhà đầu, không ai cứu kịp, cháy lan cả xóm. Xóm mới làm mỗi cho bà hỏa. Chẳng có thằng Tây nào đền bồi. Những cuốn vở học trò mà cha tôi mang về chấm bài trong đêm, cháy rụi. May mà trong nhà chạy thoát ra được, chứ không thì chết cháy như những con chuột ngoài đồng mà lũ nhỏ bắt thui.

Khu nhà nơi xóm mới cháy. Bà con tản mát đi mỗi nơi. Gia đình tôi mua lại miếng đất bỏ hoang mọc đầy gai lười lông, trên ngọn đồi thấp xoay xoay về hướng nhà ga. Phía dưới ngọn đồi là những đường rây xe lửa. Dựng ngôi nhà lên, được vài ba năm thì Tây rút. Hết chiến tranh. Hòa bình lập lại. Những đám trẻ chúng tôi được tới trường, được đi biểu tình, được hoan hô đã đảo. Thời gian này cha tôi bị chính quyền gọi lên, gọi xuống. Ông rệu như con mắm thấy rõ. Chẳng bao lâu, nhà trường cho cha tôi thôi việc, không còn tới trường dạy học nữa. Sau này chúng tôi mới biết là do thằng Ty làm tình, làm tội ông. Cái thằng chó săn làm mật thám cho Tây còn sót lại, nay chuyển qua công an dưới chế độ mới, bắt ông khai thác để làm tiền. Gán cho ông cái tội có dính giáp với những người kháng chiến nào đó trên khu đất cũ ngày nào. Cha tôi phải chịu không biết bao nhiêu trận đòn. Nào nước đổ vào mồm, vào mũi, có khi đổ cả nước mắm, sống đi chết lại mấy lần. Nửa đêm bị gọi lên đồn đánh. Gần sáng lại tha. Thân gầy của cha tôi như muốn dài thêm ra, khi ông mò về tới nhà, nằm thườn người ra nơi ngưỡng cửa. Bọn tôi chỉ biết khóc. Từ đó, ông chẳng nói gì, im lặng suốt ngày như người câm, ra vào trong nhà như một cái bóng mà không có hồn. Thằng Tân, em tôi có lẽ vì gần gũi với ông hơn, nên cũng ít nói. Cả nhà hình như không ai muốn nói điều gì nhiều trong ngôi nhà tôn này.

Cho đến khi cha tôi nằm xuống, thằng Tân cũng học xong hết tú tài, tình nguyện vào lính. Ngày tiễn nó vào lính, nó chỉ nói với mẹ một câu: Con đi. Nó tiết kiệm lời nói đến nỗi mẹ tôi muốn ứa nước mắt. Tôi nhớ, bà đứng dựa người vào gốc cây so đũa mong manh bên hông nhà nhìn thằng con út ra đi. Không biết bà có khóc không. Tôi nghĩ, nước mắt đâu nữa mà khóc.

Tảng đá đen bên hông nhà như thân thuộc với tôi vào mỗi buổi chiều. Tôi thích ra ngồi đó để nhìn qua bên kia những đường rây là những ngọn đồi thấp, có vài ba ngôi nhà Tây mái ngói đỏ còn sót lại của những tên Tây nhà ga, nay được dùng làm nhà cho nhân viên hỏa xa ở. Xa hơn một chút là ngôi tháp cổ. Có lẽ đây là ngôi tháp cuối cùng của dân Hời. Buổi chiều, ráng trời đỏ ửng, nhìn ngôi tháp cổ hẳn lên bao nỗi buồn, mà khi màn đêm buông xuống những con dơi từ trong ngôi tháp cổ đó bay ra. Dơi nhiều vô số.

Những con đường sắt dưới chân đồi im ắng suốt ngày. Lâu lâu lại có cái đầu máy kéo theo một vài toa tàu cũ rích, chạy tới chạy lui. Đầu máy bây giờ chạy bằng dầu cặn. Không giống như xưa chạy bằng hơi nước, tiếng còi tàu hú lên, người nghe náo nức.

Ngày cha mẹ tôi về lập nghiệp ở đây, chỉ lựa thưa vài ba ngôi nhà của dân tản cư. Nay thì đông vô kể. Dân ở các vùng xa kéo về cũng có. Dân mảnh mung đỏ tới cũng có. Nhất là từ khi có lính bảo vệ đường sắt về đóng ở ga. Và, phi trường được chỉnh trang lại cho quân đội Mỹ trú đóng. Những ngôi nhà được cất lên vội vã, vô trật tự bằng những tấm ván ép lấy cấp từ trên phi trường, sơn đủ thứ màu tùy theo thị hiếu của chủ nhân. Từ đó, xóm nhà ga trở nên ồn ào cho đến hơn nửa đêm về sáng. Giống như những bầy dơi từ trong ngôi tháp cổ bay ra vào ban đêm tìm mồi của đám gái và mấy bà chứa. Giành giựt. Chửi thề cùng với đám trẻ nít đưa mồi dẫn đường. Nhà cửa cất lộn xộn, che khuất, gió như trốn hẳn về phía bên kia những ngọn đồi thấp không tới được ngôi nhà tôn của chúng tôi.

Buổi chiều, sức nóng còn hâm hấp giữ lại dội xuống từ trên mái tôn làm ngột ngạt trên mỗi ô

vuông và con người. Mẹ tôi như có thói quen, ngày nào cũng ngồi trên bộ ván kê trước hiên nhà, không nói không rằng, tay lúc nào cũng ngoáy vào trong cái ống trầu làm bằng đồng thau, nhỏ nhắn. Đôi mắt của bà như mờ nhiều dưới đôi kính lão trệ xuống trên sống mũi. Bà vẫn ngồi nơi bộ ván đó hằng ngày, ngoáy trầu hằng giờ không mệt mỏi. Thỉnh thoảng bà hỏi tôi thằng Tân có thư từ gì về không. Mỗi lần hỏi như thế bà lại đi từng bước một, chậm rãi, tới thấp nhang trước bàn thờ của cha tôi. Hình như bà van vái cho thằng Tân được khỏe mạnh.

Tiếng con Nhiều như reo vui bên bờ giếng sau nhà. Gọi tôi:

" Anh Hai! Hình như anh Tân về thì phải ? "

Tôi đứng lên nhìn ra ngõ, phía khoảng đất trống dẫn lên nhà. Tôi nói với Nhiều:

" Thằng Tân chứ còn ai nữa "

Nhiều là đứa em gái con của người di về sống với mẹ tôi từ khi nó mới mười lăm, mười sáu tuổi. Cha chết trong kháng chiến. Mẹ tảo tần nuôi mấy đứa con trong vùng quê. Kiệt sức vì con bệnh lao, không thuốc men, để rồi bà nằm xuống trên miếng đất của ông bà ngoại tôi để lại cho di út lập nghiệp. Còn Nhiều, mẹ tôi đem về nuôi, cho học vài chữ, lấy xong bằng tiểu học rồi cho học nghề may, đi làm thợ dưới xóm Cồn.

Tiếng con Nhiều như chùng xuống:

" Anh Hai! Anh Tân hình như còn một chân. Ảnh chóng nạng. "

Tôi mở cánh cửa ngõ đi xuống con dốc để đón Tân. Nó chỉ cười cười khi tôi nhìn thấy cái chân phải của nó cụt lên gần tới háng. Cái ống quần lính được vén lên quá đầu gối, cận thận. Vành nón rùng xụp xuống như che khuất đôi gương cận của nó. Tôi hỏi:

" Mày bị thương ? "

Tân không trả lời câu tôi hỏi, có lẽ thừa trong lúc này, khi lâu quá hai anh em mới gặp lại. Tân nói:

" Mẹ khỏe chứ ? "

" Ủ! mày tệ. Không có một lá thư gởi về. "

" Lính tráng mà, thời giờ đâu viết thư. "

Trên những bước đi thật chậm của Tân dưới sức chống của cây nạng gỗ. Cái xách tay mang trên vai, lép xẹp. Tôi nói:

" Đưa xách tao xách cho. "

" Chẳng có gì đâu. Vài ba bộ đồ trện với cây thuốc lá. "

Tới cổng. Con Nhiều đứng chờ. Nó mừng ôm anh Tân nó. Rồi nhìn cái chân cụt của Tân. Tự nhiên nó khóc òa.

Mẹ tôi đã ra đứng đợi Tân dưới gốc cây so đũa, khi nghe con Nhiều nói. Gốc so đũa khi xưa bà đứng nhìn tôi tiễn Tân vào lính. Thì nay cũng dưới gốc so đũa già nua này, bà lại đứng đón

thằng Tân trở về. Nhưng hôn nay, đôi mắt của bà đã mờ, dưới đôi kính lão bà làm sao thấy được cái chân cụt của nó. Thằng Tân ôm lấy mẹ tôi, vừa nói vừa cười:

" Mẹ khỏe hả mẹ "

Tôi thấy bà cười. Nụ cười móm. Đôi kính lão bà lại lấy xuống, dụi mắt. Tôi nghĩ suốt nguồn này đã cạn từ lâu trong đôi mắt của mẹ tôi, nay lại trào ra. Những giọt nước mắt vui còn sót lại trong tuổi già hiu hắt của đời người. Lại thêm một cây nhang nữa bà sẽ thắp trên bàn thờ của ba tôi.

Những ngày có Tân về, mẹ tôi cũng phá lệ đôi chút. Thỉnh thoảng bà đi thật chậm ra nơi tảng đá, nơi mà tôi thường hay ngồi vào những buổi chiều một mình, nay lại có thêm Tân, để nghe hai anh em nói chuyện. Chiếc bàn gỗ cũ kỹ, chịu nắng mưa, nay cũng được chắp vá thêm với vài ba miếng gỗ được tháo ra từ những thùng đạn pháo binh. Chiếc bàn xem chẳng đẹp đẽ gì, nhưng chắc chắn, không đến nỗi tệ. Mẹ tôi không khi nào ra ngồi ở đây. Nhưng từ lúc có thằng Tân, bà hay ra ngồi chơi với chúng tôi một đôi. Con Nhiều, sau mỗi buổi chiều đi may dưới xóm Cồn về, cũng mua một vài món chi đó, làm món nhắm cho tôi với Tân ngồi lai rai. Mỗi lần dọn thức ăn ra, tôi nhìn thấy đôi mắt của đứa em gái tôi vui vui. Đứa em mồ côi cha, lẫn mẹ.

Có lần vui, Nhiều nói:

" Anh Tân, Em thường hay gặp chị Minh "

" Có nói gì với mày không? "

" Mỗi lần gặp chỉ, em thường hay dẩu mặt "

" Tại sao? "

" Minh nghèo "

" Nghèo cũng là con người chứ mậy, Ngẩng đầu lên mà đi chứ. "

" Anh nói vậy. Vì nghèo nên chị không lấy anh "

" Nhảm nhò chi ba cái chuyện lẻ tẻ đó."

" Anh không buồn "

" Tao để lại chiến trường cái chân phải của tao đây mà còn không buồn, huống chi ba cái chuyện lảm cẩm."

Tôi ngồi nghe hai anh em nói chuyện với nhau, cũng thấy vui. Ít ra, cũng còn có một vài câu chuyện để nói cho nhau sau một ngày làm việc. Không có thằng Tân về, một mình tôi vẫn ngồi nơi tảng đá đen này cho đến khi trời tối hẳn. Cái bóng của mẹ tôi vẫn lằm lủi trong ngôi nhà thật âm thầm, bên cạnh đứa em con bà dì, an phận của một cô thợ may. Có lần nó đi làm về gặp tôi, nó nói: Em gặp chị Minh, ngồi trên xe với ông chồng của chị. Phải chi là anh Tân, anh nhỉ. Tội nghiệp, lúc nào nó cũng nghĩ đến hạnh phúc của thằng anh nó. Còn thằng Tân, từ lúc ra trường chỉ có vài cái thư gửi về, rồi thôi. Có khi cả năm, nó trở về đôi ba ngày, rồi lại đi. Có hỏi, nó cũng chỉ nói cho qua : Lĩnh tráng mà, thời giờ đâu viết thư.

Với cái chân phải của thằng em tôi thật sự đã bỏ lại trên chiến trường ở đâu tận ngoài miền

Trung, mà nó kể lại cho tôi nghe trận đánh cuối cùng của nó, khi đơn vị đang tấn công vào một ngôi làng : " Anh biết, thật lảng xẹt khi đạp phải cái mìn của chúng. Nghe tiếng nổ, tôi chẳng còn biết gì nữa. Sống hay chết. Tỉnh dậy thì thấy nằm ở quân y viện rồi.

Có cái gì lạ lạ nơi chân phải. tôi định giơ chân lên xem, thì có tiếng của một thằng lính nói:

" Ông thầy đừng động đây, chân mới chữa đó."

Tôi quay người lại, thì là thằng Cam.

" Còn mày. Có sao không Cam. Ngoài tao với mày còn ai nữa."

" Thằng Vĩnh mang máy cho ông Thầy, nó bị cắt đứt một khúc ruột. Cũng mới vừa ra từ phòng hồi sức. Em chỉ bị nhẹ thôi. "

" Chỉ có ba thằng "

" Dạ. Ông thầy biết không. Lúc đó em như thấy có bàn tay vô hình nào đó xô thầy trò mình té nhủi vào trong bụi rậm "

" Mày cũng tin chuyện đó nữa sao "

" Dạ. Đánh giặc mà không tin sao được ông thầy. Không thì thầy trò mình chết bởi trái mìn khôn kiếp đó rồi.

Thế rồi, Tân nói tiếp:

" Còn chân tao, sao phải chữa? "

" Nghe đâu bày nhầy lắm. Không chữa làm sao được ông Thầy. "

" Tao nghe nói y khoa dạo này tiến bộ lắm. Sao không nói xương, nói gân lại mà phải chữa."

" Khi đưa ông thầy từ phòng hồi sức ra, lúc đó ông thầy chưa tỉnh. Em nghe nói cái chân của ông Thầy mất rồi. Chỗ thịt bày nhầy. Bác sĩ phải cho chữa. Nói vậy, chứ nay mai, ông Thầy đâu có ra trận với tụi em nữa. Cái chân cụt. Chiến trường chề. Phải chi em được như ông Thầy, con vợ em nó mừng dám cúng một con heo lắm."

" Mày nói giỡn. Chắc gì nó mừng hay nó bỏ."

" Em nói thiệt mà. Con gái nhà quê, chứ phải ở phố đâu mà sợ bỏ ông Thầy. Hỏi thiệt, ông Thầy có vợ chưa ?"

" Chưa. Cho nên tao không sợ vợ bỏ. Tao sợ mẹ tao buồn.

" Buồn gì ông Thầy. Thời buổi này giải ngũ là tốt. Chắc nay mai ra viện, em đào."

" Mày nói thiệt?"

" Thiệt chứ. Em nhớ con vợ em."

" Chịu nổi với mấy thằng quân cảnh không ? "

" Ở quê làm gì có quân cảnh, ông Thầy."

" Còn mấy thằng xã trưởng, cảnh sát. Mày đã là lính, mày chịu nổi với mấy thằng đó không."

" Đồi họ tên lại là xong."

" Nó bắt được mày là lao công đào binh đấy. "

" Lao công đào binh là gì, ông Thầy"

" Tải đạn. Lao dịch ở chiến trường mà chẳng có vũ khí trong tay. Chết như con chó. Ráng chịu."

" Kệ mẹ. Em cũng đào. Phải chi ông Thầy còn đủ chân, đủ tay em không thèm đào".

Tân nói với tôi " Anh biết không. Tụi lính xem vậy mà có tình lắm. Tôi nghe thằng lính tôi nói, lẳng lặng nhìn xuống cái chân của tôi. Mất đi một phần trên cơ thể của mình, tôi không buồn. Nhưng ngày mai đây, chiến trường làm cho tôi nhớ đến những người lính của tôi. Thằng Cam nó nói phải. Cái chân cụt của tôi, chiến trường chê. Nay mai tôi phải rời khỏi nơi đây. Rời khỏi những tiếng rên la, đau đớn trên cơ thể của mỗi thương binh. Rời khỏi cái mùi ê te tràn ngập trong phòng ngoại thương để chống nạng ra hội đồng y khoa, chờ ngày giải ngũ. Bỏ lại sau lưng những tiếng rên la của đồng đội. Tôi giải ngũ sao??"

Tôi nhìn thằng em. Nó ít nói từ ngày cha tôi mất. Thậm chí, khi nó tình nguyện vào lính, nó cũng chỉ nói với mẹ tôi vài chữ: Con đi. Mẹ tôi nhìn nó ra đi với những giọt nước mắt ứa ra. Nay nó lại nói với tôi như những lời tâm sự. Đồng đội. Tôi hỏi: Nhưng tại sao chân của mày lại phải cưa gần tới háng.

Tân nhìn qua bên kia những ngọn đồi thấp. Những đám gai xương rỗng, lưới lông xám xịt chìm dần trong màn đêm. và những tiếng động ồn ào từ phía khu nhà sơn đủ màu bắt đầu phát ra những âm thanh khi bóng đêm phủ xuống.

Tân nói:

"Anh chưa vào lính. Cho nên anh chưa thấy những giọt nước mắt của chúng tôi ứa ra khi nhìn thấy đồng đội của mình chết hay bị thương. Những giọt nước mắt đó còn hơn những người thân của mình khóc cho mình. Một tháng, chân tôi vừa mới kéo da non. Vết thương chưa lành thì những tiếng động cơ của trực thăng đậu xuống bệnh viện. Lại tản thương từ một nơi nào đó. Chiến tranh mà. Cũng bình thường thôi. Không đơn vị này thì cũng đơn vị khác. Nhưng không ngờ lần tản thương này lại là lính trong đơn vị của tôi. Có thằng bị nặng. Có thằng bị nhẹ. Có những người đưa thẳng vào nhà vĩnh biệt. Đơn vị bị nó tiền pháo hậu xung. Đơn vị trưởng của tôi bị thương, nhưng bọn phương Bắc không tha, họ dùng lưới lê đâm thấu tim khi thấy ông mang lon trên cổ áo. Chiến tranh có phải đồng nghĩa với tàn nhẫn hay không? Hay do lòng căm thù đã có sẵn mà những người lính phía bên kia không có lòng từ tâm khi ra trận. Buồn quá đỗi. Tôi trốn bệnh viện ra phổ với thằng Vịnh, người lính mang máy truyền tin của tôi. Còn thằng Cam, nó đã xuất viện rồi. Không biết nó đã đào ngũ theo như nó nói không".

Tân nói tiếp:

" Bác sĩ hỏi tôi: Chú mày nói thật đi. Còn nếu không nói, tôi gõ vào vết thương này, xem chú có nói thật không. Ông ta vừa nói vừa cầm cái ông nghe như muốn gõ vào vết thương nơi cái chân cụt của tôi. Trời ơi! buốt quá. Nhức quá. Bác sĩ ơi! Xin cho tôi một mũi thuốc. Đâu dễ vậy chú em. Nói thật đi, tôi chữa. Chơi đĩ phải không? Buồn quá mà Bác sĩ. Đợi bâng tôi mới mất,



còn nằm nơi nhà vĩnh biệt. Vị Bác sĩ cười cười, trong khi tôi đau nhức quá chịu hết nổi. Ông nói: Tôi biết, nếu lần nữa là hết cứu nghe chú. Thế rồi, phòng mổ lại đón tôi lần nữa. Khi tỉnh lại, chân tôi lại cưa thêm "

Con Nhiều nhìn tôi, nói:

- Ngó vậy mà khỏe anh Hai nhỉ. Anh Tân hết lính tráng rồi. Anh xin học Sư phạm, đi dạy như chi Minh đi anh.

- Tao không thích. Tao muốn về sống trên đất của dì với bé Hai.

- Để làm gì?

- Cày, Mày không nghe câu hát : Ngày trở về có anh thương binh chống nạn cày bừa, sao.

- Lãng mạn giống mấy ông nhạc sĩ. Anh có phải là mấy ông nhạc sĩ đâu.

Mấy anh em ngồi nơi tảng đá đen, nói chuyện cười cười. Mẹ tôi vẫn ngồi bên nghe, bà mỉm cười, đưa tay sờ nắn cái ống quần phải được xếp lại của thằng con út, mà bà biết chắc chắn là một phần thân thể của thằng con mình đã mất rồi. Có điều, bà không phải đi tới bàn thờ của cha tôi để thắp thêm một nén nhang, cầu mong cho thằng con út được khỏe mạnh nơi chiến trường. Đêm, những con dơi từ trong ngôi tháp cổ bắt đầu bay ra.

## Người phụ thợ hồ

Phải tìm một việc gì làm sau khi ra khỏi trại tù. Suy nghĩ mãi, tìm việc gì bây giờ, không lẽ lại lợi xuống ruộng một lần nữa, sau gần tám năm ở đội nông nghiệp trong tù, ngán như ăn cơm nếp. Mà, mỗi lần nghe tiếng đánh, tập hợp trước sân trại, chờ đến lượt xuống danh để bước ra khỏi cổng, mệt mỏi vô cùng. Trời mùa đông lạnh như dao cắt trên cơ thể của từng người, dưới lớp áo cơ hàn không đủ che những cơn gió lạnh. Người tù nào khi tới ruộng cũng còn ngật ngưỡng chưa dám bước xuống, vì sợ lạnh. Nhưng cuối cùng, ruộng nào cũng lợi qua, sáu chục mẫu ở trại A.30, năm làm hai vụ. Gạo thóc đầy kho, từng đoàn xe vận tải ra chở về Tỉnh Phú Khánh. Nhưng, người tù vẫn ăn ngày hai chén cơm lưng, đói vàng con mắt. Đừng tưởng tạo ra của cải vật chất là có ăn, như lời họ thường hay nói, mà lắm.

Bây giờ được tha về với gia đình, chẳng lẽ lại lợi xuống ruộng như ngày nào khi còn trong trại tù. Nghĩ lợi xuống ruộng trở lại mà ngán ngấm. Thôi hãy đi tìm việc khác mà làm. Nhưng nhớ những lời dặn của công an khu vực. Có những ngành nghề cấm hẳn chúng tôi như hớt tóc, đập xích lô. " Nghề gì mà tiếp cận với nhân dân các anh không được làm ", nhớ nhé. Tôi nhớ câu nói của công an khu vực đó, đi tới hỏi thằng bạn có nghề hớt tóc trong trại, được thả về trước tôi tám chín tháng hay một năm chi đó:

- Sao họ không cho tụi mình hành nghề hớt tóc?

- Sợ tụi mình cầm dao cắt cổ.

- Còn đập xích lô?

- Mày rĩ tai, tuyên truyền nói xấu chế độ.

Tôi hỏi:

- Còn ở thành phố khác, có giống thành phố mình không. Sao nghề nào họ cũng cấm hết.
- Tao đâu có biết. Chạy gạo còn muốn dứt hơi, tiền đâu có mà đi rong chơi qua thành phố khác.

Rồi nó nói với tôi:

- Mà phải tìm một việc gì làm. Bọn khu vực nó thấy mày nhớn như con cá vàng thì khổ thân. Mai tao giới thiệu mày với hợp tác xã Xây Dựng.
- Tao đâu có biết cầm bay, xây tô gì đâu. Vào đó họ có nhận không?
- Làm phụ chứ có làm thầy đâu mà không nhận. Mai đi với tao.

Thằng bạn tôi nói dứt khoát. Tôi nhớ buổi sáng hôm đó, đứng lớ ngớ trước cửa hợp tác xã chờ nó vào nói gì đó trong văn phòng, có lẽ để giới thiệu tôi. Một chặp, nó ra nói nhỏ:

- Mày vào gặp cái thằng ngồi ngó ra đường, giả bộ chào nó một cái cho có lịch sự. Cán bộ hưu trí đó nhen mậy. Chủ nhiệm của mày sau này.
- Cả mày nữa chứ. Gì chứ giả bộ tao rành lắm.

Tôi vào. Lấy cái mũ đang đội trên đầu xuống, gật đầu chào rất lễ phép. Chủ nhiệm mời tôi ngồi. Lại cũng bình trà với phích nước sôi để trên bàn. Nói chuyện một đỗi, ông gọi với ra bàn ngoài nói với nhân viên:

- Phật tử. Xem có việc gì cho anh này làm với.

Tôi nghĩ, lạ. Sao có người tên Phật tử. Nhưng chẳng dám hỏi. Người có tên Phật tử gọi tôi tới cái bàn làm việc của anh, hỏi:

- Anh có nghề ngỗng gì không?
- Nghề là nghề sao? Tôi hỏi.
- Thợ mộc hay thợ hồ.
- Chẳng có nghề gì hết, ở tù mới ra, xin làm phụ. Anh có nhận thì nhận, không nhận thì thôi, chẳng có nghề có ngỗng chi cả.

Bởi vì tôi nghĩ, anh chàng này muốn làm khó dễ tôi, hay lên chân, lên tay gì đây. Cái ngữ ma cũ hay ăn hiếp ma mới. Tôi ngồi im, không nói, chờ hẳn:

- Để xem nào, coi có công trường nào cần người. Mà anh đi xa đó nhé. Cầm cái giấy giới thiệu này của tôi ra gặp tổ trưởng, tính công cho anh ngày hôm nay.

Tôi cầm tờ giấy giới thiệu ra khỏi văn phòng. Hỏi thằng bạn:

- Sao thằng đó dóc vậy?

- Kệ mẹ nó. Đừng bận tâm. Sau này nó gặp mày nói chuyện, nó gọi mày bằng thầy, không dám gọi bằng anh.

Sau này, tôi mới biết hẳn không phải tên Phật tử, mà là Hạnh, dân Quốc gia hành chánh, ở tù đâu ba bốn năm chi đó, đầu quân vào hợp tác xã này. Ngày nào đi làm hẳn cũng đội cái nón của mấy anh em Phật tử, cho nên mới có cái tên gọi như vậy. Thế là tôi trở thành người phụ thợ hồ, kể từ ngày hôm đó.

\*\*\*

Hành trang của người phụ hồ chẳng có gì nhiều. Một chiếc xe đạp cũ. Một cái xẻng dùng để trộn hồ. Một cái xô dùng để xách nước. Một cái nón rơm rộng vành, đội để che nắng. Với bộ quần áo lính cũ mà không bao giờ dám mặc nguyên bộ. Nay mặc cái quần. Mai mặc cái áo. Vì sợ công an khu vực bảo: “ Anh còn tiếc nuôi cái gì nữa đây “. Quần áo trận cũ xem vậy mà rất tốt cho những người lao động như chúng tôi. Đứng dưới trời nắng như đổ lửa mà trong người vẫn thấy mát, dễ chịu. Về nhà nói cho vợ con hay. Vợ nói: Phải chi lúc đó đừng vất bỏ, bây giờ tốt quá phải không. Phí của trời.

Làm phụ hồ, tôi có dịp đạp xe đi khắp thành phố mà tuổi thơ tôi gắn liền với thành phố biển này. Từ những con đường rợp bóng mát với hai hàng me Tây dẫn về nhà tôi. Từ một công viên với cái lầu nước cao xây từ thời còn Tây thuộc địa, mà chung quanh lầu nước trong công viên này trồng toàn cây vong đồng, có khoảng trăm năm trở lại, to lớn như cổ thụ. Mỗi lần vong đồng nở bông, đỏ như lửa lựu, bên dòng sông Mường, thì bầy chim sáo ở đâu lại bay về hót vang trong công viên. Tuổi thơ của tôi có thể nói một tháng gần như tôi lang thang trong công viên này. Không biết để làm gì. Nhưng chắc chắn là không biết chán. Nhưng công viên ngày hôm nay không còn những cây vong đồng đó nữa. Lầu nước trở nên trơ trụi. Và, bầy chim sáo cũng không bao giờ bay trở về nữa.

Phải, hành trang của một người phụ hồ chỉ có thế, nhẹ nhàng. Thế mà tôi đạp xe đi không biết bao nhiêu con đường để tới nơi xây dựng. Có khi làm nơi bến xe đò, bên cạnh cầu Sở Muối. Có khi lại phải đạp xe về miệt Ngã Hai, hướng vô Sài Gòn. Nghĩ tới Sài Gòn mà thèm. Nghe nói anh em ở tù về trong đó, làm nhiều ngành nghề khác nhau, không khí dễ thở. Không như ở Tỉnh tôi, phải dè dặt từng lời ăn tiếng nói. Tôi có người bạn, chủ một chiếc xe khách ( Dù đã vào hợp tác xã vận tải ) chạy đường Phan Thiết- Phan rí, cho tôi theo xe đi làm phụ lơ. Tôi chịu quá, bởi cái máu muốn đi giang hồ đó đây. Nhưng phải hỏi ý kiến của công an khu vực, xem có cho đi làm phụ lơ không. Cuối cùng, công an khu vực phán: Anh đi làm phụ lơ trên tuyến đường đó để tìm đường vượt biên phải không? Thế là mộng làm phụ lơ xe đò của tôi không thành. Cho nên tiếp tục theo anh em đi làm phụ hồ. Phụ lơ xe đò thì đi xa. Phụ hồ thì đi gần. Phụ nào cũng phụ, chứ có làm thầy được ai. Có lần tổ đang sửa chữa, dặm vá, quét vôi cho Sở Y Tế. Tôi đang lúi cúi trộn một đồng hồ cho anh em thợ tô trát, thì có tiếng gọi của một cô nào đó trong phòng gọi tôi ra:

- Anh Nhàn, làm tổ trưởng ở đây hả?

Tôi quay lại thấy vài ba cô đang đứng cười. Chẳng biết ai là ai. Vãn cô ấy nói to:

- Anh về khi nào vậy. Nhớ em không?

Trong lòng tôi nghĩ: Lạ, sao lại có những cô kỳ cục. Biết tôi ở tù về, không giữ mồm, giữ miệng dùm cho tôi, lại còn kêu to trong cơ quan của họ. Tôi không dám trả lời là có nhớ hay không nhớ, thì mấy anh em thợ trong tổ, đang đứng trên giàn cao, nói to: - Ông thầy của tôi đó. Có gì mấy chị liên lạc với ông.

Về nhà, tôi nói lại với vợ tôi, và diễn tả lại cái cô có nước da ngăm đen, để nhìn. Vợ tôi nói: Cái con nhỏ Giang. Nó làm chung với em ngày trước. Miệng nó lúc nào cũng để ngoài ngõ. Thế mà chẳng có ai ghét.

\*\*\*

Trong tổ hồ của tôi, toàn là những người lính cũ. Sau năm 1975, họ tan hàng rã đám tìm đường trở lại quê nhà. Cái nghề mà anh em dễ làm, có lẽ là phụ hồ, rồi lần lần cũng lên được thợ. Bởi vì anh em cũng đã nói với tôi như thế khi tôi mới chân ướt, chân ráo vào nghề.

Gặp lại những người lính cũ, tôi vui. Chiều nào sau khi xuống giàn, anh em cũng gom góp chút tiền còn lại trong túi, rồi đạp xe ra ga, hay tới bến xe đò, kêu một đĩa mồi, một xị rượu, ngồi nhâm nhi, nói chuyện đời. Đĩa mồi thì chẳng bao nhiêu, nhưng tình đời thì nhiều lắm, nói sao cho hết.

Dù rằng cuộc chiến không còn, và anh em chúng tôi cũng đã thoát ra khỏi cuộc tử sinh.

Ngỡ rằng trở về đời sống dân sự, ai cũng như ai, vì là người Việt, có ở bên này hay bên kia cũng thế thôi. Nhưng không phải vậy. Đã là lính cũ miền Nam thì phải mang lấy cái gông trên giấy tờ: Lý lịch. Dù anh có ở tù, hay không ở tù. Cái lý lịch ba đời của anh đó đã chôn chân những đứa con của lính. Những đứa trẻ đó cho dù có học giỏi tới đâu thì cũng chỉ tới lớp 9 là thôi học. Về nhà không đi buôn cá nơi bến sông, thì cũng đi làm phụ hồ như cha chúng nó. Rõ ràng. Như con của những người bạn tôi, anh Vĩnh Vu, và anh Từ Đức Tài. Những đứa con trai của các anh chị ấy học rất giỏi, tới lớp chín nhà trường cho thôi học, về nhà phải tự kiếm việc làm vừa nuôi gia đình và nuôi cha trong tù. Các bà mẹ khóc hết nước mắt.

Có những buổi chiều như thế này, ngồi với anh em mới hiểu tâm trạng của người lính cũ. Họ chẳng oán trách ai trong cuộc chiến. Buông súng trở về là người dân. Nhưng, họ chỉ mong sao xóa đi cái lý lịch nặng nề đang đè trên lưng họ, để cho con cái được học hành.

Nói tới nghề thì ai cũng yêu thích cái nghề của mình. Anh thầy giáo thì yêu nghề dạy. Anh kỹ sư xây dựng thì yêu công trường. Còn phụ hồ không phải là một nghề, nhưng sao tôi lại thích nó. Cứ mỗi lần làm hết công trường này, tổ gồm có bảy tám anh em lại đạp xe tới công trường khác. Có đi như thế, tôi mới thấy được thành phố mà tôi đã lớn lên, thay đổi nhiều lắm. Những con đường hôm nay đầy ổ gà, cống rãnh bị vỡ, mỗi lần mưa, nước không thoát được, ứ đọng hai ba ngày chưa rút. Cái quán Đào Viên bên cạnh vườn hoa của Tỉnh năm nào đã bị tháo gỡ để có đất trồng những luống khoai lang. Vài ba chuồng lợn của mấy cán bộ trong nhà Thể Dục Thể Thao cạnh đó không làm sao trông đẹp mắt được bên bờ sông Mường Mán. Có làm phụ hồ tôi mới đi đó đi đây, mới thấy sự đổi thay quá mức trên thành phố nhỏ bé mà tôi đã sống và lớn lên. Nhớ lại ngày đầu tiên, tháng 4 năm 1975, những người lính chúng tôi trở về âm thầm cúi mặt, không dám ra đường, sợ đám “ Cách mạng 75 “ có mang vải đỏ nơi cách tay làm an ninh trật tự. Họ đi luồn trong xóm trong làng, khí thế hung hăng. Nghi ngờ ai là nhào tới bắt ngay, giải về ban Quân quản. Rồi còn gì nữa, nhớ ngày đầu tiên đó, thì lại nhớ đến bài viết của người bạn tôi, anh Hải. Bài “ Đổi Đời “ của anh được đọc ra rả trên đài phát thanh, cũng như phát ra từ hai cái loa được gắn cao trên lầu nước vào buổi sáng thức dậy, thỉnh thoảng xen vào những bài hát nghe muốn đứng tim, như “ Bão nổi lên rồi “, như “ Cô gái sông ba đầu búi tóc thon “. Mà sao giọng hát của họ the thé, làm người nghe mệt óc, mệt tim vô cùng. Bài “ Đổi Đời “ anh viết sau vài ngày, quê tôi mất vào tay “ Quân giải phóng “. Sau này bạn tôi trở thành người viết trong cái hội gọi là Hội Văn Học Nghệ Thuật Tỉnh, cùng với một số anh em viết văn, làm thơ trước năm 75.

Đúng. Bài viết của Hải sau tám năm, tôi ở tù trở về, tôi nghiệm thấy đúng. Tất cả mọi cái gì trong thành phố cũng thay đổi. Bên cạnh vườn hoa lớn nhất của Thị Xã, đẹp đẽ dạo nào nay đã có vài ba cái chuồng heo của cán bộ trong ngôi nhà Thê Dục Thê thao bên cạnh vườn hoa, cùng với những luống khoai lang. Những cây vong đồng được đốn ngã, tạo cho vườn hoa trở trụi. Và những người sinh sống trong khu phố Gia Long cũ phải ra đi. Thay vào đó là những con người mới, tới chiếm cứ. Bên cạnh đó, cuộc sống bầy hầy, dơ dáy, đang ngự trên con phố chính này. Làm phụ hồ, tôi mới đi đến được nhiều nơi, nhiều chỗ trong thành phố mà tôi lớn lên. Đi như thế mới thấy cái Đồi Đồi của Hải viết, khác hẳn đồi đồi mà tôi đã thấy sau bảy, tám năm ở tù về.

\*\*\*

Một buổi trưa, trời nóng như đổ lửa. Tổ hồ chúng tôi được đưa ra xây vòng thành cho bến xe Tĩnh. Anh em làm ở đây thấy vui vui vì còn nhìn những chiếc xe dò ra vô bến. Nhưng với tôi thì khác. Khi nhìn thấy những gương mặt ngái ngủ, bờ phờ của mấy người đàn bà đi buôn, cùng với bao nỗi lo âu khi họ thấy bóng dáng của mấy tên thuế vụ, công an kinh tế lục soát hàng hóa trên xe. Để rồi có những cánh năn nỉ, đút lót, dẫu diêm, hay khóc lóc bên cạnh những tên tài xế bất lương, mà những năm trong tù tôi thấy được bao nỗi buồn của người chồng đang trong vòng tù tội. Vợ ở ngoài đi buôn, cũng vì một vài cái lợi nhỏ nhen của những món hàng, vô tình hay cố ý để ngã vào vòng tay của những tên bất lương tài xế đó. Để rồi, ngựa quen đường cũ sau những lần đi buôn kế tiếp, người vợ quên đi người chồng đang sống một cuộc đời nghiệt ngã trong tù. Có vài người bạn của tôi lâm vào hoàn cảnh này. Trong tù đã thiếu ăn, nghe tin vợ mình ở ngoài đời thế này, thế nọ, trong tù họ xuống sức thấy rõ. Nhưng, với những lời khuyên của anh em, với ý chí của người tù, những người bạn của tôi vượt qua được. Tôi căm thù những tên thuế vụ, những tên công an kinh tế, cùng với những tên tài xế bất lương này. Không hiểu có phải đây là một chính sách của đảng dùng để trả thù trên thân xác của những người lính cũ, qua tay những tên đồ tể khốn nạn này, mà vợ con những người tù vì một chút lợi nhỏ, không hay biết.

Tôi phụ hồ ở bến xe được vài ngày thì gặp Hải ở Sài Gòn về. Anh dừng lại bên đồng hồ, hỏi:

- Mà phải không. Nhân?

Tôi gật lên. Hai đứa tôi mừng quá đỗi. Vì lâu không gặp. Hải hỏi:

- Mà vẫn còn ở nhà cũ, chiều tao lên thăm.

- Nhà đâu nữa, họ lấy mất mẹ nó rồi, khi tao còn trong tù.

Hải nghe tôi nói, có vẻ buồn:

- Rồi vợ con mày ở đâu?

- Khéo lo. Trời sanh voi, sanh cỏ mi ơi. Vợ tao thuê nhà của má thằng Vinh, trên xóm Tĩnh cũ.

- Chiều tao lên thăm mày, được không?

- Tự nhiên. Nếu mày không sợ liên lụy.

Sau khi cơm nước xong, vợ chồng Hải lên thăm tôi ở dưới mái hiên nhà của dì Hai. Bạn bè lâu ngày gặp lại biết bao nhiêu chuyện để nói. Hải cho tôi biết bạn bè nhiều đứa đã vượt biển ra đi, như Nại nghe đâu ở Pháp. Như thằng Hoàng ở Mỹ. Cũng có đứa ở trên rừng về làm Phó Giám

Đốc Sở Y Tế Tỉnh, như thằng Hậu. Nhưng thằng này làm đốc lắm, ngay cả đứa em của nó đi lính ĐPQ thời trước, nó cũng không nhìn. Tôi hỏi:

- Bây giờ mày làm cơ quan nào?

- Tao làm ở Hội Văn Học Nghệ Thuật Tỉnh. Thỉnh thoảng viết vài bài trên báo Thuận Hải. Bạn bè tao nói thật lòng, thấy mày cực, muốn giúp mày.

- Bằng cách nào?

- Mày có biết nấu ăn không?

- Thằng tù nào không biết nấu ăn mậy. Không biết làm sao cải thiện thức ăn để sống cho tới ngày hôm nay.

- Không phải như thế. Nấu ăn ở đây là nấu phở, nấu mì, pha cà phê cho mấy ông nhà văn, nhà thơ, nhà báo trên Tỉnh xuống ăn sáng, uống cà phê.

- Hoàn toàn miễn phí?

- Giỡn mậy. Trả tiền để Hội có quỹ như. Tao muốn giới thiệu mày với thằng Sơn, phó chủ nhiệm bộ môn sáng tác cho mày vào làm anh đầu bếp.

- Còn chị nuôi đâu? Mày không sợ tao bỏ thuốc độc.

- Mày lúc nào cũng cà rờn. Mấy con mẹ đó nấu ăn gì được. Khi ở trên rừng ăn cái gì cũng được. Bây giờ về phố phải có mì, có phở chứ. Chẳng lẽ ăn canh tàu bay với bột ngọt hoài sao.

- Mày cũng biết rau tàu bay nữa. Món ăn ngon nhất của tụi tao đó.

- Tao có biết đâu. Nghe mấy thằng chả nói, tao nói theo cho vui.

Ngừng một hồi, Hải nói:

- Nếu mày đồng ý, tao nói với thằng Sơn. Nó còn trẻ lắm. Nó vẫn khoái mấy thằng viết trong Nam như anh Mộng, như Mây, như tao. Rồi từ từ mày viết một hai bài đưa cho nó xem. Vừa làm bếp có lương, vừa viết bài có tiền. Bỏ cái nghề phụ hồ đi. Cực lắm.

- Mày cho tao suy nghĩ.

\*\*\*

Tôi tưởng Hải nói chơi, ai dè nó đưa Sơn lên thăm tôi thật. Nhà cửa không có, bàn ghế cũng không. Với vợ chồng Hải thì sao cũng được. Ngồi chơi chỗ nào, tôi không ngại. Đàng này có Sơn. Thôi, thì cứ mời hấn ngồi tạm dưới nền nhà, cũng là nơi mà gia đình tôi sinh hoạt và nằm ngủ. Vợ tôi đem ra ba cái ly nhỏ, loại ly có vẽ hình hoa lá cảnh bán ở chợ với bình trà. Còn thuốc hút cũng chỉ là bao thuốc rê mà tôi hút hằng ngày. Tôi xin lỗi bạn tôi và người khách mà tôi chẳng bao giờ mời tới. Chẳng những thế, tôi còn tả oán: Nào là nhà cửa không có, còn đang ở nhờ, xin mấy anh thông cảm. Tên Sơn chẳng nói, chẳng rằng, hình như hấn cũng chẳng muốn nghe những gì tôi nói. Mắt lúc nào cũng nhìn đó đây nơi chỗ tôi ở. Chỉ tội cho người bạn của tôi, nói giả lã: Được mà mậy, có sao đâu. Tụi tao vẫn ngồi dưới đất hoài.

Tôi rót nước mời bạn tôi với hẳn, nhưng không dám mời hẳn hút thuốc. Hẳn lấy gói Du lịch ra, mời tôi:

- Anh làm một điếu cho thơm.

- Cám ơn anh, tôi hút thuốc nặng quen rồi, hút thuốc nhẹ không đã.

Rồi câu chuyện bắt đầu. Nào là hẳn nghe Hải nói về tôi. Bây giờ nơi cơ quan hẳn đang phát triển rộng, cần có một người biết nấu ăn ngon. Có thể sáng điểm tâm. Chiều làm những món nhậu lai rai cho mấy anh em nhà thơ, nhà văn kéo tới. Nghe Hải giới thiệu, hẳn muốn tôi cộng tác để nấu. Rồi hẳn dụ: Thịnh thoảng rảnh việc ở bếp, anh viết vài bài nói lên chính sách khoang hồng, độ lượng của đảng đối với những người chế độ cũ mới được thả về như anh. Tôi nghe hẳn nói mà phát mệt. Nhưng phải tìm cách nói sao để từ chối, để không làm mất mặt người bạn của tôi, với tấm lòng thật sự muốn giúp tôi.

Thấy tôi im lặng, hẳn hỏi:

- Anh biết anh Mây chứ?

- Dạ biết, nhưng không quen.

- Trước 75 anh ấy là lính Ngụy của Tỉnh này đấy, nhưng nay anh là cán bộ Văn Hóa làm ở Tòa soạn báo của Tỉnh. Những bài anh ấy viết về sản xuất thật chính xác. Chẳng những hay, mà còn sinh động nữa. Viết lách bây giờ là phải phục vụ cho quần chúng. Vì quần chúng. Vì cách mạng mà sáng tác. Như mấy anh làm thơ trước 75 ủy mị lắm, nay đưa lao động vào thơ thật tuyệt vời. Ý thơ mạnh thêm. Lời thơ hùng hồn thêm. Không còn than mây khóc gió như trước 75 nữa. Làm thơ như thế mới tuyệt vời. Lấy cái tình riêng ích kỷ đem bỏ vào trong cái tình chung của quần chúng, mới gọi là Cách mạng thơ văn phải không anh.

Tôi ngồi yên như cục đất. Không dám nói. Cũng không dám dạ. Tự nhiên tôi lại bị ngồi nghe tên cán bộ văn hóa này “ lên lớp “ một lần nữa, sau những năm trong tù. Cuối cùng, hẳn nói:

- Tôi muốn anh viết cho một bài, nói lên chính sách khoang hồng đối với mấy anh cải tạo mới về. Vì hơn ai hết, mấy anh viết nó hay hơn. Anh nghĩ sao?

- Dạ. Anh cho tôi một thời gian, vì bây giờ tôi còn quản chế.

- Còn quản chế thì có sao đâu. Anh vẫn viết được cơ mà.

Tôi cười cười cho qua chuyện. Trong lòng : Lạy ông đi cho rồi.

Khi hẳn và Hải ra về, vợ tôi lo, tới bên tôi, nói:

- Thôi ông ơi, bỏ cái nghề viết lách đó đi. Kiếm cơm, kiếm gạo đâu chẳng thấy, lại thấy vô tù trở lại, tôi không đủ sức nuôi ông đâu. Cứ đi làm phụ hồ sống qua ngày, cơm cháo, mắm rau mà khỏi lo.

\*\*\*

Thời gian rồi cũng trôi qua. Công việc làm ở bến xe cũng xong. Hợp Tác Xã lại điều tổ chúng tôi tới sửa chữa nhà Văn Hóa Nghệ Thuật. Tôi chẳng muốn tới làm chỗ này chút nào. Vì chắc chắn thế nào cũng gặp tên Sơn. Nhưng vì hợp tác xã kêu đi thì phải đi, đi cả tổ. Hình như ngồi



nhà lầu ba tầng này là của chủ một tiệm giày thì phải, nằm bên hông nhà hàng Kim Sơn nổi tiếng nhất thị xã ngày trước. Trong đợt đánh tư bản lần đầu, ngôi nhà này được lấy giao cho Tỉnh Ủy. Chủ nhà phải dọn ra, tìm chỗ nào đó ở, không cần biết.

Sửa chữa ngôi nhà này thật khó và mệt vô cùng, vì sân thượng bị rỉ nước. Tôi phải trộn hồ từ dưới đất trước hiên nhà, rồi gán lên tới lầu ba trong hai cái rổ bằng tre có lót bao cát. Công việc làm nặng nhọc. Người tôi ướt đầm mồ hôi. Lần nào đi ngang qua phòng làm việc của Sơn. Hắn thấy tôi, nhưng chẳng nói gì. Chẳng chào. Chẳng hỏi. Tôi nghĩ, thế mà khỏe cho tôi, với một thằng phụ hồ, áo quần rách rưới, cái nón rơm lụp sụp, hồ vữa dính đầy trên người. Hành trang của một người tù trở về làm người phụ hồ, chỉ có nhiều đó, thế mà đạp xe đi đó đi đây, khắp hang cùng ngõ hẻm, có cái tự do riêng của mình. Thà đi làm phụ hồ, hay đạp xe đi bán cà rem dạo, hay cầm một xấp vé số đứng ở ngã ba, ngã tư đường, mời ông đi qua, mời bà đi lại kiếm chút tiền còm nuôi gia đình, mà tư tưởng còn thoải mái hơn là cầm bút viết những điều nghịch lý với ý nghĩ của mình, thì chắc là làm không được. Có điều đêm nào về, vợ tôi cũng phải lấy giẻ rách, thấm dầu dờn thoa hai bàn chân cho tôi, vì bị nước xi măng ăn lở da.

Có lần lên nhà anh Mộng chơi, anh ta đưa cho tôi xem tuyển tập truyện ngắn của Sơn, do hội nhà văn Tỉnh T.H xuất bản, trên giấy đen. Tôi cầm nó, nhưng không đọc. Thấy trên mục lục đâu được bảy bài. Có bài với cái tựa đề “ Em Bé Khăn Quàng Đỏ”. Tôi nghĩ, có lẽ em bé này ở ngoài Bắc chứ không phải ở trong Nam. Cầm tập truyện của hắn, không cảm tình nên bỏ xuống. Mộng nhìn tôi cười cười, với cử chỉ đưa tay lên nhở những sợi râu dưới cằm như một thói quen.

Tôi vẫn ngày hai buổi đạp xe đi tới những công trường với cái xêng, cái xô nước, cái nón rơm để trộn những mẻ hồ cho những người lính cũ, đồng đội của tôi, bây giờ cũng là những người thợ hồ, mà tôi đang làm phụ.

Sau này tôi với Hải hay gặp nhau, thỉnh thoảng rủ ra công viên, cạnh nhà ga xe lửa, uống ly cà phê quốc doanh nguội lạnh, để đọc cho nhau nghe bài thơ mới làm hôm qua. Những bài thơ chắc chắn không có chút hơi hướm nào của cái gọi là lao động vinh quang. Mà tên Sơn đã nói với tôi, thơ bây giờ phải đưa vào sản xuất, thì thơ mới mạnh. Nhưng, những bài thơ hôm nay, Hải làm có khác chi đâu những bài thơ anh làm trước năm 75. Giờ chỉ đọc lên cho nhau nghe ở một nơi nào đó, mà thôi.

## Khoảng đời còn lại

Vừa xuống khỏi con dốc ngắn một chút thì gặp con suối nhỏ chạy ngang. Chiếc cầu khỉ ngày nào nay đã thay bằng chiếc cầu gỗ, vừa đủ cho chiếc xe lam chạy. Bên cạnh chiếc cầu khỉ năm nào, cây thị vẫn còn đó, cằn cỗi. Những nhánh thị già nua vươn dài ra giữa dòng con suối, mà vào mùa mưa, nước lũ tràn xuống xoáy mạnh hai bên bờ bên, lở lói. Tôi không bao giờ quên cây thị nơi bờ suối này, vào những mùa thị có trái. Mẹ tôi vẫn thường kể câu chuyện cổ “ Bà già với trái thị “ cho chúng tôi nghe, khi còn nhỏ. Cho nên, mỗi lần cây thị có trái, tôi thường hái một trái đem về dụ vào trong cái khạp đựng gạo của gia đình, chờ mọi người trong nhà ra đồng, tôi rình xem có chuyện gì xảy ra trong gia đình của tôi không. Tôi chẳng thấy gì, ngoài mỗi ngày trái thị được dụ kỹ trong khạp gạo, mùi thơm bay ra ngào ngạt. Lúc đó tôi vào khoảng bảy, tám tuổi. Cái tuổi ở thôn quê chỉ biết lỗ chân trâu nhiều hơn trên cánh đồng. Và mỗi đêm, nếu không có đạn pháo của Tây bắn lên, thì thế nào cũng được mẹ kể cho nghe một câu chuyện cổ, trên manh chiếu rách được trải gần ụ rơm bên góc nhà. Đến năm lên mười, mười một tuổi chi đó, cha mẹ tôi lên cho tôi theo anh Minh về phố sống nhờ vào gia đình của người cô bà con, để được ăn học nơi chốn thị thành. Với tôi, một đứa bé từ quê ra tỉnh, chưa bao giờ nhìn thấy ánh



đèn điện lần nào thì phải lết đẹt xin vào học lại lớp nhì của bậc tiểu học, còn chưa theo kịp nổi với lũ bạn dưới phố, dù nhỏ tuổi hơn tôi rất nhiều. Ánh đèn điện mà ở quê tôi nhìn thấy được hằng đêm dội lên trên bầu trời đen thẳm từ dưới phố, như một cái gì kỳ bí lắm, đối với tôi. Một vùng ánh sáng lạ hoắc, mà tôi không bao giờ nghĩ tới, là tại sao có vùng ánh sáng như thế vào mỗi đêm.

\*\*\*

Bây giờ đứng nơi gốc thị, cái tuổi mười, mười một ngày nào như sống lại trong tôi. Bao nhiêu năm rồi chứ phải ít đâu. Cha mẹ tôi cứ ao ước một ngày nào đó cho tôi về phố để được ăn học đàng hoàng. Chứ sống nơi quê, giặc giã liên miên, có bữa học bữa không, có hôm phải theo gia đình chạy vào trong bưng trốn lính Tây đi càn. Lớn lên không chăn trâu thì cũng nhập vào đám du kích xã. Bởi vì, làng tôi lúc đó Việt minh kiểm soát từ đầu trên xuống xóm dưới. Không một người dân nào dám hó hé, hở môi. Ban đêm thấy yên ổn như thế, nhưng người lớn thì lo toan đủ việc. Ai trong xóm hé lộ một vài cử chỉ không vừa lòng với đám du kích, hay mấy ông hội tề, hay có ý trốn về thành phố hãy coi chừng chiếc mã tấu, với những cái chết thật lạ lùng xảy đến. Không biết người lớn tính thế nào, mà cha mẹ tôi cho tôi theo anh Minh, người anh bà con họ với mẹ tôi, lên đưa tôi về thành với lá thư của ba tôi viết gửi gắm tôi cho người em. Sau một đêm lính lê dương trên phi trường mở cuộc hành quân bắt thần càn vào xóm. Bà con chạy không kịp vô bưng. Đám lính Tây vượt qua con suối để vào làng. Không còn một cái gì sót lại dưới họng súng và gót giày của chúng. Tôi nhớ hình ảnh chị Mân nằm sóng soãi trên vũng máu trong căn nhà của chị, khi chúng thấy chị đang trốn dưới bờ suối. Chị không chết, nhưng bất tỉnh sau khi đám lính Tây thay phiên nhau hãm chị. Mẹ tôi, lúc đó như muốn nhào ra cứu chị khỏi đám lính hung bạo đó. Nhưng, những người thân trong gia đình níu lại không cho: Bộ chị muốn chết theo hay sao? Mẹ tôi nhìn cảnh chị Mân lay lục đám lính Tây, mà khóc ròng cho thân phận người đàn bà ở thôn quê. Còn đám đàn ông thì ba chân, bốn cẳng chạy trốn chỉ sợ Tây thấy được cứ nói Việt Minh là bắn bỏ.

Hình ảnh của chị Mân cứ theo tôi mãi, sau buổi sáng hôm đó. Đám du kích chạy về hướng núi. Lợi dụng không ai để ý, anh Minh dẫn tôi qua cây cầu khỉ bắt ngang qua con suối, để về thành. Cảnh chị Mân bị bọn lính Tây hiếp dâm cứ chập chờn trong trí nhớ non dại của tôi không sao quên được.

Tôi nhớ rồi, qua khỏi con suối một đổi là nhà của chị. Ngôi nhà lợp ngói âm dương cũ kỹ vẫn còn đó. Vách đất đã mòn với thời gian trơ ra những nan tre và những cọng rơm, buồn bã. Bên kia con đường đất đối diện với nhà chị là khu đất của nhà tôi. Những cây mì như thiếu nước đứng cằn cỗi, ốm tong ốm teo chẳng ai thèm vun xới. Khu đất nhà tôi bây giờ chẳng còn ai. Cha mẹ tôi đã qua đời. Ngôi nhà nay để lại cho đứa em bà con trông nom. Tôi muốn trở về nhìn lại căn nhà nhỏ đó một lần. Nhìn lại cái giường tre của mẹ tôi nằm ngày nào. Cái ụ rơm nơi góc nhà, mà mỗi đêm tôi được nghe mẹ kể một câu chuyện cổ. Với lối kể chất phác của người nhà quê. Làm gì bây giờ còn nữa. Cái giường tre của mẹ nằm ngày nào cũng đã rệu đi với thời gian. Cái ụ rơm ngày nào bây giờ xơ xác, cứng đờ bên góc nhà. Bởi những con trâu bây giờ là của tập thể. Ruộng đồng bây giờ cũng của tập thể. Làm gì tìm lại được những ụ rơm nơi góc nhà ngày xưa với những buổi chiều im ắng sau buổi cơm.

Sự thay đổi hoàn toàn trong ngôi nhà của mẹ tôi ngày nào. Trong nhà chẳng còn cái gì khác hơn là cái bàn thờ cũ kỹ với vài tấm hình nhỏ đã ngả màu mà đứa em tôi đã gom góp lại: Nào của ba tôi, của mẹ tôi và của vài người bà con, cùng với ba mẹ của nó ngồi chung trong cái khung ảnh bằng gỗ thờ chung trên bàn thờ, bụi bám bặt màu.

- Có phải ai như cậu Vũ về đó không?

Người đàn bà đứng bên kia khu đất trước nhà tôi hỏi vọng qua, chỉ cách một con đường đất nhỏ. Ai như chị Mân thì phải. Tôi nghĩ, phải chị Mân đó không. Tôi chưa dám lên tiếng hỏi thì đứa em tôi nói:

- Chị Mân hỏi thăm anh đó.

Tôi chào chị. Chị già đến như thế sao. Hình như chị chỉ lớn hơn tôi đâu vào khoảng năm hay sáu tuổi. Mười, mười một tuổi tôi theo anh Minh trốn về thành sau cái đêm bọn lính lê dương hãm chị. Hình như một năm sau đó, tôi nghe chị có đứa con trai, anh Minh nói chị đặt tên cho nó là Rê. Nghe đứa em tôi nói, tôi lên tiếng:

- Dạ, tôi đây, Có phải chị Mân đó không?

Tôi vừa nói vừa băng qua con đường đất nhỏ để đến bên chị.

- Cậu về lại hôm nay, đất thì còn mà cảnh đã đổi hết rồi.

Tôi nghe chị nói mà lòng xoắn xang.

- Chứ cậu đi đâu mà lâu dữ vậy. Tường cậu học đỗ đạt về giúp cho làng cho xã sau khi Tây nó rút, rồi Việt minh nó cũng rút. Chứ cậu đi đâu mà không về lại làng.

- Tôi đi lính.

- Lại cũng là lính như thằng Rê con của tôi. Nhưng nó đóng ở đồn Đại Hòa gần đây. Còn cậu thì đóng ở đâu. Đóng ở đâu thì cũng về làng chứ. Sao biệt tâm biệt cá vậy.

- Tôi đi lính tới ngoài trung lạn. Xa lắm.

- Mô Phật. Nghe nói ngoài đó đánh nhau dữ lắm phải không. Thế mà cậu còn sống được sao? Thằng Rê con của tôi chỉ đi lính Nghĩa quân đóng ở đồn Đại Hòa mà còn tử trận, huống hồ cậu ở tận ngoài Trung.

Nghe chị nói đến thằng Rê, tôi nghĩ đến đứa bé ra đời sau cái đêm khủng khiếp nhất đời của chị bị mấy tên lính lê dương hãm hiếp, mà anh Minh nói lại cho tôi nghe, sau mỗi ngày anh gánh xong những gánh cá mươn từ dưới ghe lên đổ vào trong những thùng lều cao ngất để làm nước mắm cho những nhà hàm hộ giàu có dưới phường Đức Thắng. Anh đi bộ lên thăm tôi. Có khi anh mang cho tôi một gói đậu phộng rang, hay một gói bánh mà anh mua ở dọc đường. Anh biết vào giờ này tôi lại phải ngồi trước ngôi nhà độ sộ của người cô, để làm nhiệm vụ gác cổng cho ông bà chủ giàu có đang ngồi tính tiền bên trong nhà. Chiếc cổng làm bằng tôn to lớn cao tới mái nhà thật đồ sộ, được kéo lại che kín cả khoảng sân lát gạch rộng thênh thang ở phía trong, chứa khoảng ba bốn chiếc xe hơi chờ khách, mang nhãn hiệu Hùng Sơn. Bên ngoài, còn có những chiếc xe tải lớn chờ nước mắm đậu bên lề đường, mà ngày nào tôi cũng nghe những tiếng chửi thề của những ông tài xế chửi đám phụ lơ. Cũng như ngày nào tôi phải ra ngồi trước cánh cổng đó, để làm nhiệm vụ gác cổng và trả lời cho bất kỳ một ai tới hỏi xem có cô dượng tôi ở trong nhà không, trong khoảng thời gian ông bà đang tính tiền. Ai có hỏi cứ trả lời không, và hẹn họ sáng hôm sau trở lại. Tôi thích ngồi như thế để gặp anh Minh còn hơn là nhìn thấy gương mặt phì nộm của cô tôi, có vẽ hả hê với những thớ thịt dưới cổ bành ra, lúc nào cũng ngồi trên chiếc võng được căng trong cái khung làm bằng gỗ quý, đùa giỡn với con chó Nhật lông xù, bên cạnh chiếc bàn được đánh bóng bằng một lớp véc ny màu gỗ gụ. Trên bàn còn có đặt một miếng kính dày. Những đồng tiền được chồng lên cao, thẳng thớm.

Bên cạnh cái bàn tính bằng gỗ của người Tàu, mà mấy ngón tay của ông dựng tôi đẩy những con số nhảy lên, kéo xuống thật nhanh và điệu nghệ. Những lúc đó là ông đang tính tiền từ những chiếc xe đò trở về giao nộp cho ông. Với thân hình hộ pháp của một cặp vợ chồng có quá nhiều bơ sữa. Không như những người dân quê ở làng tôi. Thân hình khô cứng như cọng rạ vào mùa nắng cháy, mà còn phải sống trong sự lo âu bởi những cuộc hành quân càn quét của Tây, và dưới sự kiểm soát của Việt minh. Trong ngôi nhà giàu có này, tôi thấy tội nghiệp cho chị Phải. Một người giúp việc lâu năm trong nhà cứ phải khúm núm hết phục vụ cho ông, lại phục vụ cho bà.

Còn tôi, một đứa cháu nhà quê, nghèo hèn, cũng phải biết bổn phận của mình là đóng cánh cổng lại và ngồi bên ngoài, cho đến khi nào có lệnh của cô dựng cho tôi vào, mới dám vào. Những lúc ngồi gác cổng như thế, nhìn đám trẻ con bên kia đường chơi đánh bi, đánh đáo mà lòng thèm ghê gớm, nhưng nào dám chạy qua nhặt bộn. Lỡ bà cô tôi ra thành linh bắt gặp có nước ăn chổi lông gà, hay phải thụt dầu tại chỗ, bỏ một bữa ăn tối. Có những hình phạt kỳ cục mà cô dựng tôi dành cho tôi. Những lần như thế, tôi lại trèo lên trên căn gác xép nhỏ hẹp dành riêng cho người giúp việc trong nhà ngủ. Tôi chỉ biết khóc và nhớ mẹ tôi vô cùng. Nhưng biết làm sao. Tuổi thơ tôi không có những trò chơi đánh bi, đánh đáo như thế. Không như khi tôi còn ở với cha mẹ ở làng quê. Dù đêm đêm phải thắp bằng đèn dầu phụng, nhưng cũng còn được nghe những câu chuyện cổ tích của mẹ bên đồng rơm. Hay chạy nhảy theo lũ bạn ra ngoài đồng, mà chưa bao giờ bị mẹ mắng chửi đừng nói chi là đánh đập. Có lẽ trước cái khổ của thôn quê, bên cạnh những "du kích" của thời Việt minh, mà cha mẹ tôi muốn cho tôi thoát khỏi để tránh cái nạn nơi thôn ỏ chẳng? Nhưng tại sao lại gởi tôi vào cái nhà cô dựng quá giàu có này, mà hình như, hai người chỉ biết tiền. Có những lần bị những trận đòn đau vô cớ, nhưng cũng phải ra ngồi trước cánh cổng để gác, nuốt đau mà chờ anh Minh đến, để có anh, an ủi tôi phần nào. Có lần, tôi nói với anh Minh: Chắc tôi trốn về lại trên quê quá. Anh ngăn tôi: Không được, mấy trốn về, thế nào cha mẹ cũng bị đưa ra nhân dân xét xử. Chết chứ không sống nổi đâu. Ráng nhẩn để có cái ăn cái học cho mấy sau này. Tôi nghe anh khuyên mà chịu đựng.

\*\*\*

Anh Minh về sau cũng vào quân đội với cấp bậc trung sĩ quân nhu, đơn vị đóng ở Sài Gòn. Anh là người có chí. Thời gian gánh cá mướn cho những nhà hàm hộ giàu có, nhưng anh vẫn học đêm, học ngày. Đậu xong trung học, anh bị động viên vào hạ sĩ quan, sau này về Sài Gòn anh vừa đi làm vừa đi học thêm để lấy cho xong tú tài, rồi lên đại học. Có bằng cấp cao, nhưng anh vẫn là trung sĩ. Thời gian sau này anh không dám trở về quê. Tôi cũng vậy. Mặc dù, Tây rút, Việt minh tập kết ra đi, nhưng chiến tranh nổi lên với một hình thức khác. Khi đó tôi nghe những đứa bạn của tôi ngày nào còn chạy chân trần trên những thửa ruộng như tôi ở quê nhà, sau này yên ổn cũng được cấp sách xuống trường tỉnh học, nửa đêm cũng bỏ nhà lên rừng. Như thằng Hội, thằng Bút, Thằng Cảnh. Nghe đâu có cả con Hương em của chị Mân cũng nhảy núi. Nghe nói có nhiều đêm thằng Bút dẫn quân về đánh phá đồn nghĩa quân trong làng, hay bắt vài người có máu mặt mang đi. Anh Minh không dám trở về là phải, và tôi cũng thế. Cái xóm nhỏ ngày xưa tôi ra đi thật xa vời. Nhưng không bao giờ phai mờ trong trí nhớ tôi. Có chăng, những con người còn lại trong cảnh khổ hôm nay khó mà nhìn ra, như chị Mân, như thằng bé Hai đứa em con bà dì của tôi, và còn nhiều người trong xóm nữa mà tôi không nhìn ra. Hình như sau năm 75, anh Minh có về làng một lần và bị bắt đi biệt tích. Sau này, tôi nghe ông bác anh ở gần khu nhà máy nước nói lại: Tại nó ngu. Tưởng có hòa bình rồi, về làng thắp cho cha mẹ nó cây nhang. Nào ngờ đám du kích phục bắt, dẫn đi mất tích. Thời buổi tranh tối tranh sáng lúc đó khó ai mà lường. Thằng nào cũng muốn làm ông nội hết. Bây giờ tám chín năm qua rồi. Tuy mày đã trả xong món nợ. Tôi hỏi ông bác của Minh: Nợ gì đâu bác. Họ muốn bắt thì bắt, quyền của họ mà, nợ nần gì. Ông nói: Nợ hay không nợ thì mày coi cái thân của mày, có giống ai

trong cái xã hội này không thì biết.

Ngày xưa, tôi bỏ làng ra đi chín, mười tuổi, còn nhớ được cái vườn trước nhà của cha mẹ chị. Vườn cải. Hằng ngày chị vẫn lên xuống bờ suối gánh nước tưới cho vườn cải nhà chị được xanh tươi. Con gái ở quê khó ai hơn chị. Mẹ tôi vẫn thường khen. Ở quê mà nước da chị trắng bóc. Ngay cả đứa em gái của chị, con Hương, cũng có nước da trắng như chị, mà thuở nhỏ người lớn thường hay “cấp đôi” tôi với Hương.

Nhìn ngôi nhà của chị, và ngôi nhà của cha mẹ tôi để lại cho đứa em bà con. Tôi không thể hình dung hết nỗi khổ của bà con tôi nơi quê. Đã tám chín năm rồi sau ngày “Giải Phóng” người dân vẫn sống trong cảnh tăm tối, nghèo nàn. Con người gần như khô đét lại giống như những thân cây mì khẳng khiu, thiếu nước. Hình như ai cũng an phận trong cuộc sống còn lại này. Chị nghiêng nghiêng mặt nhìn tôi. Tôi cười, hỏi:

- Chị nhìn tôi cái gì giữ vậy. Bộ lạ lắm sao, chị?

- Cậu làm cái gì sau khi bỏ làng ra đi.

- Tôi đã nói với chị rồi. Đi lính.

- Có ở tù không. Sao không chết? Tôi nghe nói nhiều người lính vô tù chết nhiều lắm. Chết đủ thứ. Chết vì thiếu ăn, thiếu mặc. Thiếu thuốc thiếu men khi bệnh đau. Chết trong lao động nặng nề, phải không? Mà này, cậu Vũ, chết như thế mà sướng. Không sống vất vưởng như tôi, như thằng Bé Hai đây. Chết như thế là giải thoát, giải thoát, cậu biết không.

Tôi nhìn trong đôi mắt của chị có nhiều nỗi buồn. Lời nói của chị cũng vậy. Tại sao chị lại hỏi tôi như thế. Tôi nghĩ, có lẽ thấy tôi trở về chị nghĩ đến thằng Rê, đứa con của chị chẳng? Hay còn ai nữa đã mất trong cuộc sống hôm nay của đời chị. Tôi nói:

- Có chứ chị, mới ra khỏi tù mà.

- Cậu còn sống trở về là phước. Tôi chẳng còn ai nữa, phải chi ba thằng Rê còn sống trở về như cậu...

- Anh mất rồi sao. Trước 75?

- Không. Anh chết trong tù. Cậu có bị lên Cà Tót không?

- Có. Ai mà chẳng bị đưa lên đó, chị. Mà anh chết trên Cà Tót.

- Không. Về tới Sông Mao ba thằng Rê mới chết. Chết vì đói.

Rồi chị kể: Tội nghiệp, giam trên mật khu năm sáu tháng, đói quá, vừa về tới Sông Mao thấy có cây mì đào trộm lên ăn. Cậu biết mì gì không. Gặp trúng loại mì Ấn độ. Loại mì đó trồng trên rừng, trên núi heo rừng thấy còn chê, hưởng chi con người. Nhưng cũng vì đói mà ba thằng Rê ăn vào, trúng độc chết ngay trong đêm đó.

Tôi nói với chị:

- Tôi có nghe cái chết của anh, nhưng vì ở khác đội. Không ngờ anh ấy là chồng chị. Sau này tụi tôi không dám ăn loại mì đó nữa. Nhưng lại ăn loại mì khác, mì gòn, ăn nhiều quá mất đứa

nào cũng mờ mắt không ra.

Rồi chị nhìn tôi nói mãi. Nói lảm nhảm như người mất trí: Cậu về là có phước lắm. Phước lớn lắm. Tôi nghĩ những ai thoát ra khỏi trại tù trở về được, là vì kiếp trước có số tu.

- Tu gì đâu chị. May thôi chị ơi. Đói thì còn phẩn đấu được, chứ bệnh thì chết.

- Tôi nói có số tu mà. Cậu nhìn thân xác cậu coi, chẳng khác nào như cây mì khô nước trước nhà thằng bé Hai, mà cậu sống được là nhờ cái số tu của cậu.

Tôi cười cười, còn thằng Bé em tôi nói: Chị bây giờ đang tu, tối nào cũng đọc kinh, đọc kệ cho tới khuya. Nghe thằng Bé nói, chị vui ngay: Phải tu chứ cậu. Đòi mạt pháp mà, sâu bọ đang làm người đó, cậu không thấy sao.

\*\*\*

Đứng trong sân nhà chị, tôi nhìn quanh, như để xem có bắt gặp một cái gì đó rất xưa khi tôi còn là một đứa bé trong làng thường hay qua nhà chị chơi với Hương. Nhưng chẳng thấy gì ngoài những bụi cỏ tranh mọc theo bờ suối. Những luống cải thẳng tắp ngày xưa cũng không còn. Cỏ dại mọc đầy trong vuông đất cũ của nhà chị. Có khác chẳng hôm nay, mà tôi nhìn thấy là vài luống hoa Huệ chị trồng. Chỉ có một giống Huệ trắng không có một giống hoa nào khác xen vào trong khu vườn hoang của chị. Tôi hỏi:

- Sao chị không trồng thêm Cúc hay Thược dược mà ngày xưa chị hay trồng.

- Tôi đâu có trồng chi ba thứ hoa đó nữa. Sống còn kiếm ăn không nổi, sức đâu mà trồng hoa, cậu. Con Hương nó về nó trồng vài luống Huệ. Nói để nhớ cái thời còn nhỏ của nó. Nó trồng chi đó nó trồng. Có điều cứ mỗi lần về hay nói: Nhà sao vắng vẻ quá, cả xóm hình như chẳng ai muốn ngó nó. Có hôm tôi bực phải nói: Tại mày, chứ không làm sao nhà vắng được. Nó hỏi tôi tại sao lại nói nó. Tôi phải nói: Tại mày giết thằng cháu của mày, rồi lại giết thêm thằng anh rể của mày trong tù nữa, cho nên nhà mới vắng. Nó nghe tôi nói nó bỏ đi.... Nói chứ, năm nào giỗ thằng Rê, nó cũng về. Mai đây là ngày giỗ thằng Rê, nó về, cậu ở lại chơi. Hai đứa gặp lại có nhiều chuyện để nói.

Không. Tôi nói với chị Mân. Tôi phải đi trong chiều nay. Có thể không gặp lại những người bạn cũ, còn hơn là gặp. Cay đắng cũng nhiều trong trại tù rồi. Gặp lại có thể có thêm nhiều đắng cay hơn. Chị thế mà hay hơn tôi. Kinh kệ làm cho đời chị vui hơn, dù trong nghịch cảnh chị mang nhiều nỗi khổ.

Tôi nhìn lại ngôi nhà của chị, những luống cải bỏ hoang đầy cỏ dại. Nhìn lại ngôi nhà của cha mẹ tôi tiêu điều, vắng vẻ. Cái khoảng đời còn lại này chắc không bao giờ tụ lại nơi đây. Tán ở một nơi nào đó mà trong tờ giấy ra trại màu vàng úa mà họ đã ghi. Nơi đó là nơi mà tôi phải đến trong khoảng đời còn lại của kiếp nhân sinh.